

TIẾP BƯỚC 30 NĂM
TIẾN VÀO KỶ NGUYÊN MỚI



MỤC LỤC / CONTENTS



01 THÔNG TIN CHUNG

06	Thông tin Tổng quan
10	Quá trình hình thành và phát triển
12	Danh hiệu và Giải thưởng 2024
14	Tầm nhìn và sứ mệnh
16	Thông điệp của CEO
18	Ngành nghề và Địa bàn Kinh doanh
38	Mô hình quản trị và Bộ máy quản lý
54	Định hướng phát triển



02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

62	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 2024
64	Tình hình đầu tư và Thực hiện dự án
65	Tình hình tài chính
68	Tổ chức và Nhân sự
74	Thông tin Cổ phần & Cơ cấu cổ đông
80	Báo cáo tác động liên quan đến Môi trường & Xã hội



03 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

88	Tổng quan Kinh tế vĩ mô và Ngành rau quả xuất khẩu
94	Báo cáo của Ban Điều hành về Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024
98	Hiệu quả sử dụng Tài sản, Nguồn vốn
100	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
102	Kế hoạch kinh doanh 2025



04 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

106	Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty
112	Báo cáo Giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành
115	Kế hoạch và định hướng của HĐQT năm 2025



05 QUẢN TRỊ CÔNG TY

118	Hội đồng quản trị
122	Ủy ban kiểm toán
128	Quản trị rủi ro
132	Các Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BDH, UBKT
134	Đánh giá thực hiện quy định về Quản trị công ty



06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

140	Báo cáo Tài chính kiểm toán hợp nhất
-----	--------------------------------------

01

THÔNG TIN CHUNG

- 06 Thông tin Tổng quan
- 10 Quá trình hình thành và phát triển
- 12 Danh hiệu và Giải thưởng 2024
- 14 Tầm nhìn và sứ mệnh
- 16 Thông điệp của CEO
- 18 Ngành nghề và Địa bàn Kinh doanh
- 38 Mô hình quản trị và Bộ máy quản lý
- 54 Định hướng phát triển

THÔNG TIN TỔNG QUAN

Tên Giao dịch	Công ty Cổ phần Nafoods Group
Tên Tiếng Anh	Nafoods Group Joint Stock Company
Mã Chứng khoán	NAF (niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM – HOSE)
Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số	2900326375
Vốn điều lệ	653.042.810.000 đồng (tại ngày 31/12/2024)
Vốn chủ sở hữu	985.010.049.905 đồng (tại ngày 31/12/2024)
Trụ sở chính	Số 47, đường Nguyễn Cảnh Hoan, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam
Văn phòng đại diện tại TPHCM	Lầu 6, số 196A Nguyễn Văn Hưởng, phường Thảo Điền, Quận 2, thành phố Thủ Đức, TPHCM
Điện thoại	+84 28 37 447 666
Email	info@nafoods.com
Website	https://www.nafoods.com/

CTCP NAFOODS GROUP

**TIẾP BƯỚC 30 NĂM –
TIẾN VÀO KỶ NGUYÊN MỚI**





DANH MỤC VIẾT TẮT



AIJN (European Fruit Juice Association)	Hiệp hội ngành nước trái cây liên minh Châu Âu
BCTC	Báo cáo tài chính
BRC (British Retail Consortium)	Hiệp hội bán lẻ Anh quốc
BĐH	Ban điều hành
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CBTT	Công bố thông tin
CEO/TGD	Tổng giám đốc
CFA (the Chartered Financial Analyst)	Chuyên gia phân tích tài chính
CNC	Công nghệ cao
CPI (Consumer Price Index)	Chỉ số giá tiêu dùng
CRM: Customer Relationship Management	Quản lý quan hệ Khách hàng
CTCP	Công ty cổ phần
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
EBITDA (Earnings Before Interest, Taxes, Depreciation and Amortization)	Thu nhập trước lãi vay, thuế và khấu hao
ESG (Environmental, Social, and Governance)	Môi trường, Xã hội và Quản trị doanh nghiệp
FDI (Foreign Direct Investment)	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
FED (Federal Reserve System)	Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ
GDP (Gross Domestic Product)	Tổng sản phẩm quốc nội
GHG (Greenhouse Gases)/KNK	Khí nhà kính
HCNS, HR (Human Resources)	Hành chính nhân sự
HĐQT	Hội đồng quản trị
IR (Investor Relations)	Quan hệ Nhà đầu tư
IQF (Individual Quick Frozen)	Cấp đông nhanh từng cá thể
ISO (International Organization for Standardization)	Tổ chức Tiêu chuẩn hóa quốc tế
IT (Information Technology)	Công nghệ thông tin
KPI (Key Performance Indicator)	Chỉ số hiệu suất chính
KTNB	Kiểm toán nội bộ
M&A (Mergers & Acquisitions)	Mua lại & Sáp nhập
NFC (Not From Concentrate)	Không cô đặc
R&D (Research & Development)	Nghiên cứu và Phát triển
ROA (Return on total Assets)	Tỷ số lợi nhuận ròng trên tổng Tài sản
ROE (Return on Equity)	Tỷ số lợi nhuận ròng trên Vốn chủ sở hữu
SGF (Safe – Global – Fair)	Tổ chức kiểm tra và đánh giá chất lượng thực phẩm
SKU (Stock Keeping Unit)	Mã hàng hóa
SOP (Standard Operating Procedure)	Quy trình vận hành tiêu chuẩn
SRM (Supplier Relationship Management)	Quản lý quan hệ Nhà cung cấp
UBKT	Ủy ban kiểm toán

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

1995

26/08/1995, Công ty trách nhiệm hữu hạn Thành Vinh – tiền thân của Công ty cổ phần Nafoods Group được thành lập, với lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là sản xuất và phân phối nước giải khát.

2003

Nhà máy chính thức đi vào hoạt động sau một năm xây dựng tại xã Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Hệ thống dây chuyền máy móc đạt chuẩn Châu Âu với dây chuyền sản xuất nước ép trái cây là chủ lực.

2010

Năm đánh dấu bước nhảy vọt về doanh thu xuất khẩu của công ty, từng bước vượt ra khỏi khó khăn với sản phẩm chủ đạo: Chanh leo.

2014

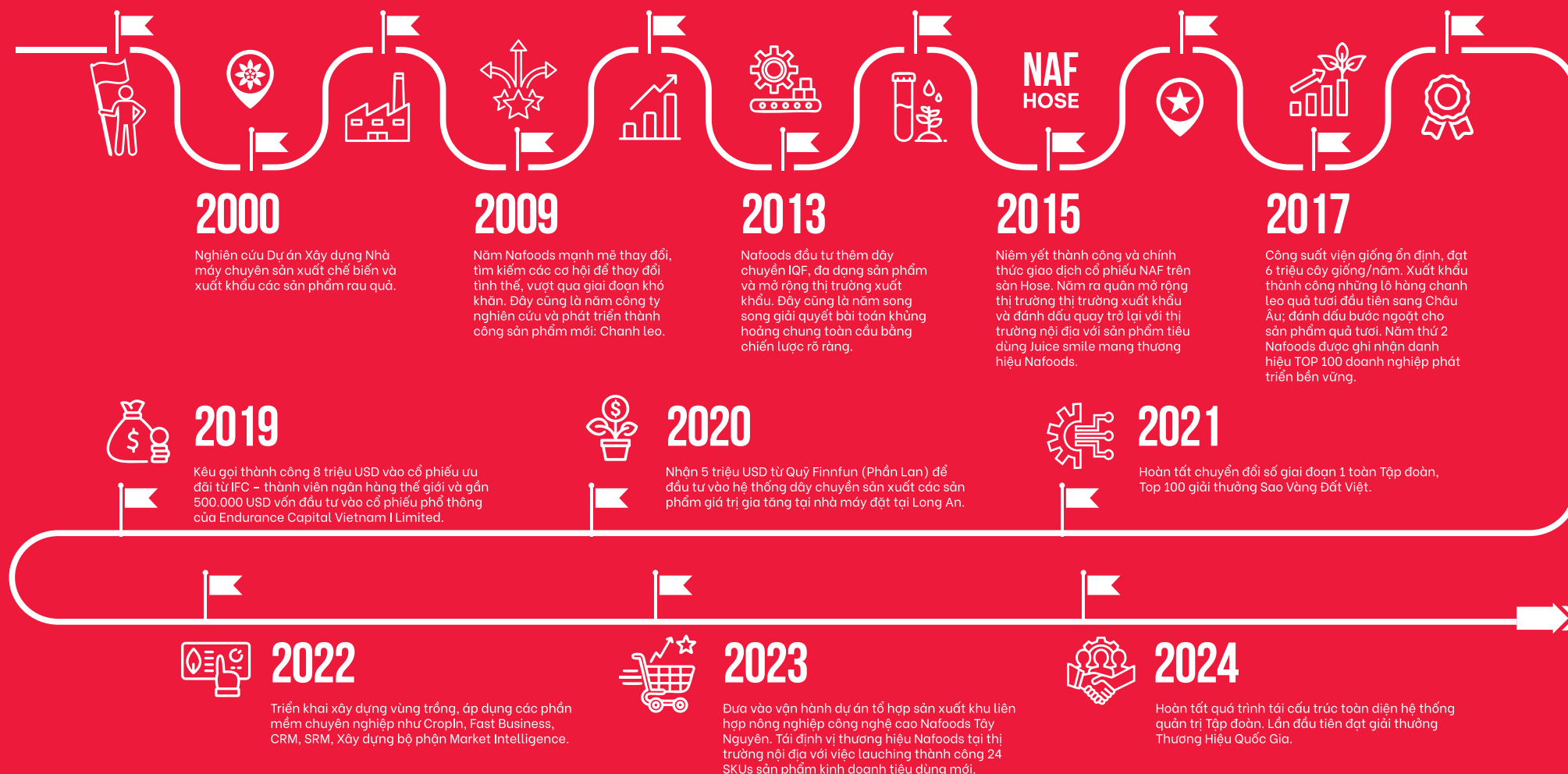
Viện giống chanh leo công nghệ cao của công ty chính thức đi vào hoạt động, chủ động cung ứng giống cho vùng nguyên liệu công ty sở hữu và các vùng liên kết, trọn vẹn chuỗi giá trị khép kín mà công ty theo đuổi.

2016

Hoàn thành dự án Viện giống Nafoods, khởi công xây dựng Tổ hợp sản xuất & chế biến rau quả xuất khẩu tại Long An. Đạt danh hiệu TOP 100 doanh nghiệp phát triển bền vững Việt Nam.

2018

Khánh thành giai đoạn 1: Tổ hợp sản xuất & chế biến hoa quả xuất khẩu với tổng mức đầu tư gần 400 tỷ đồng gồm 02 hệ thống thiết bị, máy móc công nghệ Châu Âu; Dây chuyền nước ép và IQF.



DANH HIỆU & GIẢI THƯỞNG ĐẠT ĐƯỢC NĂM 2024



THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA VIỆT NAM
Giai đoạn 2024 -2026



TOP 100 SAO VÀNG ĐẤT VIỆT



DOANH NGHIỆP TĂNG TRƯỞNG NHANH NHẤT VIỆT NAM
Vietnam Report



DOANH NGHIỆP QUẢN TRỊ CÔNG TY TỐT NHẤT 2024
NHÓM VỐN HÓA NHỎ
Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết 2024



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN TỐT NHẤT
NHÓM NGÀNH PHI TÀI CHÍNH
Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết 2024



ĐƯỢC NHÀ ĐẦU TƯ YÊU THÍCH NHẤT 2024
IR Award 2024



ĐƯỢC ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ CAO NHẤT 2024
IR Award 2024



DOANH NGHIỆP ĐỔI MỚI, SÁNG TẠO NGÀNH THỰC PHẨM, ĐỒ UỐNG
Việt Research



DOANH NGHIỆP CÓ THÀNH TÍCH XUẤT KHẨU XUẤT SẮC TỈNH NGHỆ AN 2024
Bằng khen UBND tỉnh Nghệ An

Titles & Awards



TẦM NHÌN

Là tập đoàn tiên phong phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp số hoá, xanh và bền vững.



SỨ MỆNH

Cung cấp các sản phẩm nông nghiệp tự nhiên và an toàn cho người tiêu dùng trên toàn thế giới và mang lại cuộc sống tốt đẹp hơn cho mọi người, đặc biệt là nông dân.



GIÁ TRỊ VĂN HÓA



Chính trực

Chúng tôi tuân thủ kỷ luật, nội quy, các quy trình và chính sách của tập đoàn; Cam kết hoàn thành công việc một cách tốt nhất, đảm bảo sự nhất quán, hiệu quả, công bằng trong công ty.



Kiến thức

Chúng tôi đề cao tinh thần dám nghĩ dám làm, khuyến khích và ghi nhận tinh thần học hỏi, chia sẻ, đúc kết kinh nghiệm, tư duy đổi mới và sáng tạo để hướng tới khát vọng nâng tầm tổ chức.



Cam kết

Chúng tôi cam kết nỗ lực hết mình để đạt được thành công, cam kết luôn gắn bó với tầm nhìn, sứ mệnh và mục tiêu chiến lược của Nafoods Group; Nâng cao năng lực đội ngũ và dịch vụ chăm sóc khách hàng; Đem lại chất lượng sản phẩm, dịch vụ tốt nhất và cuộc sống tốt đẹp cho công ty, cổ đông, khách hàng, đối tác, người lao động và bà con nông dân.



Phát triển

Chúng tôi tập hợp và phát triển đội ngũ nhân sự có đủ tâm - trí - tài, xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, chính sách phúc lợi, cơ chế đãi ngộ và đảm bảo cơ hội phát triển công bằng, góp phần phát triển công ty theo hướng phát triển chuỗi nông nghiệp xanh, bền vững; đem lại cuộc sống tốt đẹp cho cổ đông, khách hàng, đối tác, người lao động và bà con nông dân.



Chất lượng

Chúng tôi cung cấp sản phẩm và chịu trách nhiệm với sản phẩm theo đúng tiêu chuẩn chất lượng cam kết; Chủ động nghiên cứu và cải tiến sản phẩm, phát triển sản phẩm mới đáp ứng yêu cầu của thị trường và khách hàng (nội bộ và bên ngoài).



Hiệu quả

Chúng tôi làm việc với 100% năng lực của mình, luôn hướng đến kết quả, không bỏ cuộc cho đến khi đạt được kết quả tốt nhất cho Khối/phòng ban và Công ty. Áp dụng tư duy khác biệt và làm chủ, tiếp cận vấn đề với tinh thần và thái độ sẵn sàng chinh phục mục tiêu thách thức; sẵn sàng thích ứng và thay đổi.



THÔNG điệp CỦA CEO

Kính gửi Quý cổ đông, Quý đối tác và toàn thể đội ngũ Nafoods,

Năm 2024 tiếp tục là một giai đoạn chuyển động mạnh mẽ của kinh tế - xã hội Việt Nam khi duy trì đà tăng trưởng, là điểm sáng giữa bối cảnh thế giới đầy biến động. Các thách thức toàn diện trên toàn cầu như: bất ổn địa chính trị, xung đột vũ trang, căng thẳng thương mại và biến đổi khí hậu vẫn là bài toán chưa có lời giải, tạo ra áp lực đáng kể đến hoạt động sản xuất và xuất khẩu. Tuy nhiên, đây cũng là cơ hội cho những doanh nghiệp có chiến lược vững vàng, tư duy đổi mới và khả năng thích ứng linh hoạt.

Năm 2024 đánh dấu một cột mốc quan trọng trong hành trình phát triển của Nafoods khi Tập đoàn hoàn tất quá trình tái cấu trúc toàn diện hệ thống quản trị, tạo nền tảng vững chắc cho giai đoạn 2025-2030 với chiến lược "Chuyển đổi & Tăng trưởng". Sự thay đổi luôn đi cùng thử thách. Việc điều chỉnh danh mục sản phẩm theo các tiêu chuẩn cao hơn, cùng với những biến động thời tiết ảnh hưởng đến nguồn cung nguyên liệu, đã tác động không nhỏ đến doanh thu của Tập đoàn. Bằng tư duy sáng tạo và cam kết hiệu quả, Nafoods đã cải thiện hiệu quả vận hành, cải thiện biên lợi nhuận, với thành quả là lợi nhuận sau thuế 116,4 tỷ đồng, tăng 5,9% so với cùng kỳ, tiếp tục nối dài mức lợi nhuận kỷ lục. Những thách thức đã trở thành động lực giúp Nafoods tiếp tục hoàn thiện và khẳng định bản lĩnh trên thị trường.

Trước bối cảnh vĩ mô đầy biến động, Nafoods chủ động mở rộng năng lực sản xuất đồng bộ các nhà máy, tận dụng cơ hội từ cả thị trường xuất khẩu và nội địa bằng danh mục sản phẩm đa dạng đáp ứng nhu cầu ngày càng khắt khe của người tiêu dùng. Việc chuyển đổi số tiếp tục được đẩy mạnh, giúp nâng cao tính minh bạch trong quản trị, hỗ trợ ra quyết định chiến lược và đảm bảo quyền lợi cho các bên liên quan. Hệ sinh thái bền vững của Nafoods

không ngừng được mở rộng, mang lại lợi ích lâu dài cho các đối tác, đặc biệt là người nông dân.

Năm qua, với những nỗ lực đổi mới sáng tạo, Nafoods vinh dự được công nhận là Thương hiệu Quốc gia, cùng nhiều giải thưởng uy tín như Sao Vàng Đất Việt, Thương hiệu Vàng Nông nghiệp Việt Nam, IR Award và xuất hiện trong các bảng xếp hạng danh giá: Top 5 doanh nghiệp quản trị tốt nhất, Top 10 đổi mới - sáng tạo & kinh doanh hiệu quả, Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc. Những thành tựu này là minh chứng rõ nét cho năng lực cạnh tranh và cam kết phát triển bền vững của Nafoods.

Bước sang năm 2025, Nafoods mở ra một chương mới trong hành trình phát triển với tinh thần "**Tiếp bước 30 năm, Tiến vào Kỷ nguyên mới**". Chúng ta kiên định theo đuổi sứ mệnh "Cung cấp các sản phẩm nông nghiệp tự nhiên và an toàn cho người tiêu dùng trên toàn thế giới, mang lại cuộc sống tốt đẹp hơn cho mọi người, đặc biệt là nông dân". Nafoods đặt mục tiêu nâng cao năng lực cốt lõi, mở rộng ngành, kênh bán, thị trường và khách hàng hướng đến doanh thu 6.000 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 400 tỷ đồng vào năm 2030.

"**Trọn vẹn từ thiên nhiên**" không chỉ là cam kết về chất lượng sản phẩm mà còn là triết lý phát triển bền vững của Nafoods. Chúng ta cam kết thúc đẩy các sáng kiến xanh hướng đến Net-zero, đổi mới sáng tạo để nâng cao sinh kế người nông dân, tối ưu giá trị cho đối tác, khách hàng, cổ đông và cộng đồng, đồng thời xây dựng một môi trường làm việc phát triển toàn diện và hạnh phúc cho đội ngũ nhân sự.

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo, tôi xin gửi lời tri ân sâu sắc đến Quý cổ đông, đối tác, khách hàng, bà con nông dân và toàn thể đội ngũ Nafoods. Chính sự đồng hành và tin tưởng của Quý vị là động lực để Nafoods tiếp tục vững bước, tạo nên những giá trị bền vững và vươn xa trên thị trường quốc tế.

Chúc Quý vị dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và thành công, thịnh vượng.

“

Từ nền tảng quản trị doanh nghiệp mạnh mẽ, trách nhiệm, công bằng và minh bạch đã kiên trì dựng xây xuyên suốt 30 năm, Nafoods vững vàng tiến vào **Kỷ nguyên mới** với khát khao cống hiến, mang những giá trị bền vững cho tất cả các bên liên quan”

Hướng đến Mục tiêu 2030

DOANH THU
6000 (tỷ đồng)

LỢI NHUẬN SAU THUẾ
400 (tỷ đồng)

CEO / PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT
NGUYỄN MẠNH HÙNG

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh



“

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh và xuất khẩu các loại nước ép trái cây; sản phẩm rau củ quả đông lạnh; Trái cây sấy dẻo; Trái cây tươi; và sản xuất kinh doanh Giống cây trồng, vật tư nông nghiệp.



Chi tiết ngành nghề kinh doanh

Mã ngành	Ngành, nghề đã đăng ký
4632 (Chính)	Bán buôn thực phẩm (ngoại trừ các hàng hóa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền phân phối theo phụ lục số 03 ban hành kèm theo thông tư số 34/2013/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công thương)
4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (ngoại trừ các hàng hóa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền phân phối theo phụ lục số 03 ban hành kèm theo thông tư số 34/2013/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công thương)
4690	Bán buôn tổng hợp. Chi tiết: Mua bán giống cây trồng, vật nuôi
3290	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất chế phẩm sinh học
1104	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng
0150	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp. (Ngoại trừ canh tác, sản xuất hoặc chế biến các loại cây trồng quý hiếm, chăn nuôi gây giống động vật hoang dã quý hiếm và chế biến, xử lý các động vật hay cây trồng này, bao gồm cả động vật sống và các chế phẩm từ chúng)

...

Sản phẩm chính

- Các sản phẩm chính của Tập đoàn bao gồm cây giống chanh leo và các sản phẩm Nước ép trái cây cô đặc, nước ép trái cây puree/NFC, rau củ quả đông lạnh IQF, trái cây sấy dẻo và các loại hạt, được sản xuất từ hệ thống các nhà máy của Nafoods Group với dây chuyền, thiết bị máy móc, công nghệ hiện đại, được nhập khẩu từ Đức, Italia, đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng khắt khe của các thị trường Châu Âu, Mỹ, Nhật Bản...



01

Nước
ép
cô
đặc

- **Trái cây cô đặc** là sản phẩm đã được loại bớt một phần nước thông qua các phương pháp cô đặc hiện đại như bay hơi, chưng cất, ly tâm hoặc ép. Quá trình này giúp làm tăng nồng độ của các chất dinh dưỡng, hương vị và thành phần quan trọng trong sản phẩm, giúp thời gian bảo quản lâu hơn và giảm chi phí vận chuyển. Đây là loại nguyên liệu phổ biến và được ưu tiên sử dụng tại các nhà máy chế biến thực phẩm, đồ uống, vì chúng có chất lượng sản phẩm ổn định chỉ cần pha loãng lại với nước theo tỷ lệ phù hợp đã sẵn sàng cho sản phẩm.
- Các sản phẩm nước ép cô đặc chính của Nafoods bao gồm: chanh leo, vải, thanh long, sơ ri... chủ yếu được dùng để làm nguyên liệu cho các công ty chế biến thực phẩm, đồ uống trên thế giới.

Đóng
gói
công
nghiệp20KG-TÚI PE/
THÙNG NHỰA20KG-TÚI PE/
THÙNG CARTON230 - 250KG
Ủ ĐÔNG, VỎ TRÙNG

ĐÓNG GÓI HÀNG LOẠT

ODM OEM

Các
sản
phẩm
tiêu
biểu

CONCENTRATE



02

Nước
ép
puree/
NFC

- **Puree/NFC** là nước ép trái cây nguyên chất, được ép trực tiếp từ trái cây tươi mà không trải qua quá trình cô đặc và pha loãng lại. Giữ nguyên hương vị tự nhiên và dinh dưỡng, không bị mất mát chất lượng do quá trình bay hơi nước như nước ép từ cô đặc (From Concentrate). Puree/NFC thường được tiệt trùng nhanh (Pasteurization) hoặc gia nhiệt nhẹ để bảo quản mà không cần dùng chất bảo quản.
- Các sản phẩm nước ép Puree chính của Công ty bao gồm chanh leo, quýt, vải, măng cầu, thanh long, xoài, dứa, dưa hấu... chủ yếu được dùng để làm nguyên liệu cho các công ty chế biến thực phẩm, đồ uống trên thế giới.

Đóng
gói
công
nghiệp18KG-TÚI PE/
THÙNG NHỰA20KG-TÚI PE/
THÙNG CARTON180 - 190KG
Ủ ĐỒNG, VỎ TRÙNG

ĐÓNG GÓI HÀNG LOẠT

ODM OEM

Các
sản
phẩm
tiêu
biểu

FRUIT PUREE

03

Trái cây đông lạnh / IQF

- IQF (Individual Quick Freezing) là công nghệ cấp đông nhanh từng sản phẩm riêng lẻ ở nhiệt độ cực thấp (-40°C), giúp giữ nguyên hương vị, màu sắc và giá trị dinh dưỡng của nguyên liệu tươi. IQF ngăn chặn sự kết dính giữa các sản phẩm, giúp dễ dàng sử dụng và bảo quản lâu dài mà không ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm sau khi rã đông.
- Nafoods ứng dụng công nghệ này để cấp đông nhiều loại trái cây tươi như xoài, thanh long, chuối, dứa, chanh leo, dứa... được dùng để làm nguyên liệu cho các công ty chế biến thực phẩm, đồ uống.

Đóng gói công nghiệp



300 - 500G
TÚI ZIP

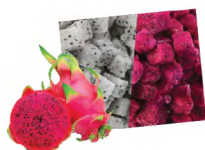


10KG - 20KG TÚI PE/
THÙNG CARTON

ĐÓNG GÓI HÀNG LOẠT

ODM OEM

Các sản phẩm tiêu biểu



FROZEN FRUIT



04

Trái cây sấy

- **Trái cây sấy** là trái cây tươi được loại bỏ nước, không thêm đường hoặc thêm bằng sấy khô hoặc sấy dẻo, giúp bảo quản sản phẩm lâu hơn mà vẫn giữ hương vị và dinh dưỡng. Có nhiều phương pháp như sấy nhiệt, sấy lạnh, sấy thăng hoa.
- Các loại Trái cây sấy chính của Nafoods bao gồm: Xoài, chanh leo, dứa, thanh long, măng cầu, đu đủ, mít, hạt điều... là món ăn vặt tiện lợi, giàu chất xơ, vitamin, phù hợp cho mọi lứa tuổi trong thời buổi hiện đại.

TRÁI CÂY SẤY



TRÁI CÂY SẤY - KHÔNG ĐƯỜNG



TRÁI CÂY SẤY GIÒN



DRIED FRUIT



05

Hạt điều

- Hạt điều áo vị Nafoods được chế biến từ hạt điều Bình Phước, tuyển chọn kỹ lưỡng để đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm. Sản phẩm được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại, giữ trọn giá trị dinh dưỡng, kết hợp cùng những hương vị độc đáo, mang đến trải nghiệm ẩm thực mới lạ, đáp ứng xu hướng tiêu dùng xanh và lành mạnh.
- Các loại hạt điều áo vị của Nafoods bao gồm: hạt điều bơ tỏi, hạt điều phô mai, hạt điều rang muối, hạt điều rang mộc, hạt điều Tomyum, hạt điều trà xanh... là món ăn vặt giàu dinh dưỡng, tiện lợi, phù hợp với khẩu vị của giới trẻ và xu hướng tiêu dùng hiện đại của giới trẻ.

HẠT ĐIỀU TẨM VỊ NAFOODS

HẠT ĐIỀU
BƠ TỎIHẠT ĐIỀU
PHÔ MAIHẠT ĐIỀU
RANG MUỐI

TÚI 30G

HỦ 125G

HỦ 150G

HẠT ĐIỀU
TOMYUMHẠT ĐIỀU
VỊ TRÀ XANHHẠT ĐIỀU
RANG MỘC

CASHEW NUT



06

Cây giống chanh leo

- Ngoài các sản phẩm trái cây chế biến, **cây giống chanh leo** là một trong các sản phẩm quan trọng trong hệ sinh thái của Tập đoàn. Hiện tại các loại giống chanh leo mà Nafoods sản xuất và kinh doanh bao gồm: giống chanh leo Đài Nông 1, giống chanh leo Nafoods 1 và giống chanh leo Quế Phong 1. Các sản phẩm này chủ yếu được phân phối ở thị trường nội địa, các tỉnh Tây Nguyên và một phần xuất khẩu sang Lào, Campuchia...



THÙNG GIỐNG ĐÀI NÔNG 1



THÙNG GIỐNG TÀI NON 1



THÙNG GIỐNG NAFODS 1



THÙNG GIỐNG QUẾ PHONG 1

SEEDLING



Địa bàn kinh doanh

Năng lực sản xuất

- Tập đoàn hiện sở hữu 5 nhà máy, viện giống, được đặt cạnh các vùng nguyên liệu trải dài trên cả nước, với hệ thống dây chuyền sản xuất hiện đại, nhập khẩu từ Đức, Italia, đáp ứng hết các tiêu chuẩn chất lượng khắt khe nhất như AIJN, Halal, Kosher, BRC, SGF, ISO 22000:2005... Cụ thể:

Nhà máy nafoods Tây Bắc (Mộc Châu – Sơn La)

- Diện tích: **2ha**
- Sản phẩm: dịch chanh leo có hạt

Viện giống Quế Phong (Quế Phong – Nghệ An)

- Diện tích: **6ha**
- Sản phẩm: cây giống chanh leo

Nhà máy Nafoods Miền Nam (Đức Hòa – Long An)

- Diện tích: **6,5ha**
- Sản phẩm: nước ép puree, rau củ quả đông lạnh IQF, trái cây sấy dẻo
- Tiêu thụ: **42.000 tấn** nguyên liệu đầu vào/năm

Nhà máy thực phẩm Nghệ An (Naprod) (Quỳnh Lưu – Nghệ An)

- Diện tích: **5ha**
- Sản phẩm: nước ép cô đặc, rau củ quả đông lạnh IQF, trái cây sấy dẻo
- Tiêu thụ: **35.000 tấn** nguyên liệu đầu vào (trái cây)/năm

Tổ hợp nông nghiệp CNC Tây Nguyên (Pleiku – Gia Lai)

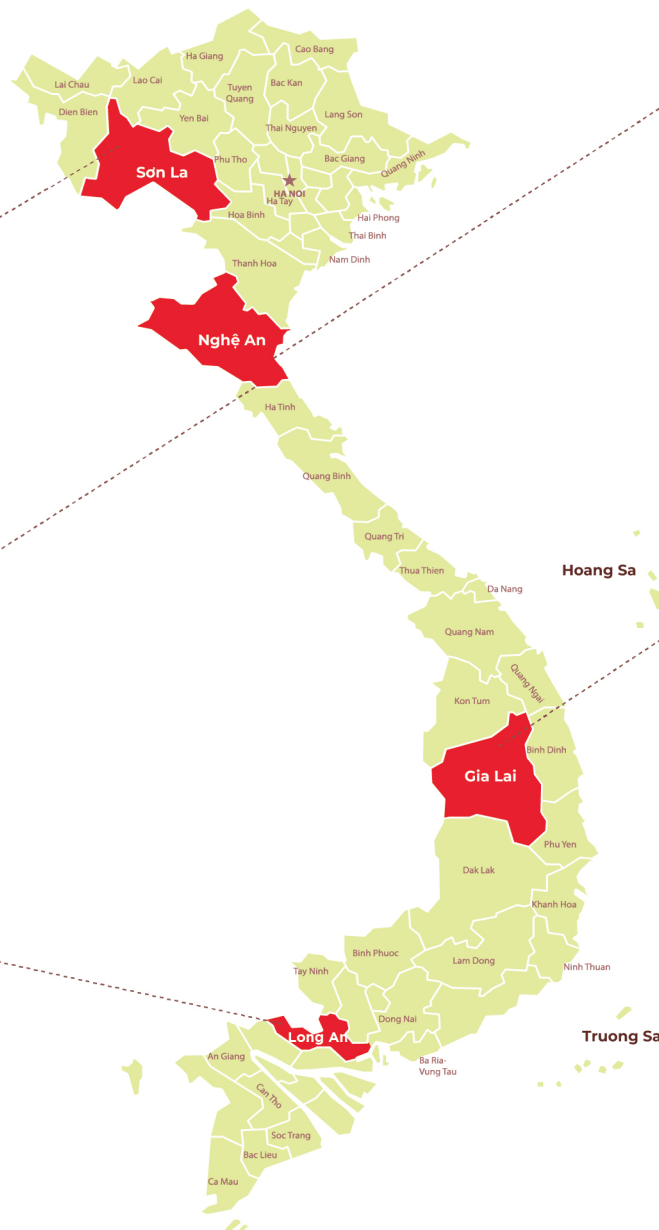
Bao gồm

- + Trung tâm nghiên cứu giống cây trồng CNC
- + Nhà máy phân loại, tách, đóng gói và bảo quản trái cây xuất khẩu
- + Khu nông nghiệp công nghệ cao

Diện tích: **10ha**

Sản phẩm: cây giống chanh dây, nước ép chanh dây

Tiêu thụ: **65.000 tấn** nguyên liệu đầu vào/năm



Thị trường tiêu thụ

>80%

Doanh số của tập đoàn đến từ các thị trường xuất khẩu

Chinh phục hơn

70

 quốc gia

Trên 80% doanh số của Tập đoàn đến từ các thị trường xuất khẩu. Các sản phẩm nước ép trái cây, rau củ quả đông lạnh IQF, trái cây sấy dẻo của chúng tôi đã chinh phục hơn 70 thị trường các quốc gia trên khắp 5 châu lục, trong đó có các thị trường khó tính như Châu Âu, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Đông, Úc...

Trong thời gian tới, Nafoods Group sẽ tiếp tục mở rộng và gia tăng chiều sâu cho danh mục sản phẩm và giải pháp, tập trung vào đổi mới công nghệ, cải tiến chất lượng và đa dạng hóa định dạng sản phẩm. Mục tiêu là tăng trưởng thị phần bền vững và khai thác hiệu quả các thị trường tiềm năng có nhu cầu ngày càng cao về thực phẩm chế biến chất lượng cao và truy xuất nguồn gốc rõ ràng.

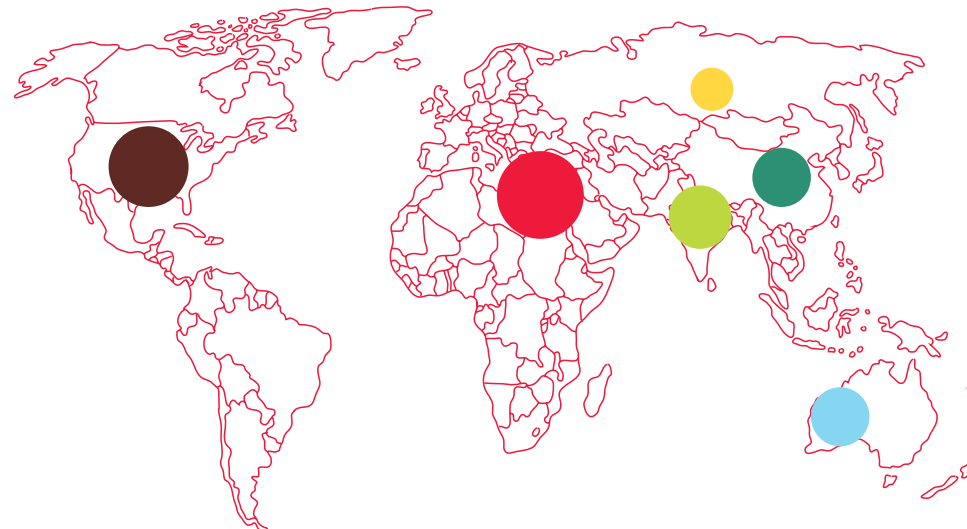
Nhà cung cấp

GIỐNG CHANH DÂY

Hàng đầu Việt Nam

Tại thị trường nội địa, bên cạnh vai trò là nhà cung cấp cây giống chanh leo hàng đầu Việt Nam, Tập đoàn đang từng bước mở rộng hiện diện trong lĩnh vực tiêu dùng với danh mục sản phẩm đa dạng như trái cây sấy, các loại hạt dinh dưỡng, nước ép trái cây... Các sản phẩm được phân phối rộng rãi qua nhiều kênh từ hiện đại (MT), truyền thống (GT) đến thương mại điện tử (E-commerce), nhằm đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng lành mạnh và xu hướng tiêu dùng năng động, tiện lợi của thế hệ trẻ hiện đại.

Bản đồ xuất khẩu 2024



Chú thích



Châu Mỹ



Trung Quốc



Châu Âu



Châu Úc



Châu Á



Nga



Chuỗi giá trị sản xuất và chế biến rau quả

“Nafoods Group tự hào về việc hoàn thiện chuỗi giá trị khép kín cho sản phẩm chanh leo.

- Bắt đầu từ Nghiên cứu & phát triển các loại cây giống chanh leo & các chế phẩm sinh học hỗ trợ canh tác; đến Sản xuất & kinh doanh cây giống và các vật tư nguyên liệu đầu vào; Cung cấp giống, vật tư nông nghiệp đầu vào và tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật canh tác cho người nông dân để đảm bảo năng suất và chất lượng tốt nhất; Thu mua nông sản từ người nông dân với giá cả cạnh tranh; Đưa nguyên liệu quả về chế biến các sản phẩm tại các nhà máy; và Phân phối sản phẩm đến tay khách hàng.
- Với chuỗi giá trị khép kín, Nafoods có thể quản trị tốt chuỗi cung ứng, tối ưu hiệu quả vận hành và kiểm soát cả về sản lượng lẫn chất lượng sản phẩm theo các tiêu chuẩn khắt khe nhất, đảm bảo truy xuất nguồn gốc rõ ràng, và quan trọng hơn hết là góp phần thiết thực cải thiện thu nhập bền vững cho người nông dân.. Trong tương lai, Nafoods sẽ tiếp tục mở rộng chuỗi giá trị cho các loại quả khác như thanh long, xoài, dứa, đu đủ, sầu riêng... giúp đóng góp nhiều hơn cho sự phát triển của ngành nông nghiệp và các địa phương liên quan.



01

Viện Nghiên cứu & Phát triển nông nghiệp

Nghiên cứu thành công

6 Loại giống Chanh leo

Được thành lập với sự tham gia của các chuyên gia hàng đầu lĩnh vực nông nghiệp Việt Nam, được dẫn dắt bởi PGS. TS Nguyễn Văn Viêt, đã góp phần quan trọng trong nghiên cứu và phát triển các loại giống cây trồng mới có năng suất, chất lượng cao; đồng thời cung cấp dịch vụ đào tạo, tư vấn kỹ thuật canh tác tiên tiến. Hiện tại, Viện Nghiên cứu & Phát triển nông nghiệp Nafoods đã nghiên cứu thành công 06 loại cây giống chanh leo được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn cấp bằng bảo hộ, trong đó có 02 giống được cấp phép lưu hành (Nafoods 1 và Quế Phong 1). “Bên cạnh đó, Viện còn nghiên cứu các giống cây trồng khác như dứa, đu đủ, bơ... đồng thời phát triển các chế phẩm sinh học hỗ trợ canh tác, nâng cao năng suất và chất lượng cây trồng.”



02

Cung ứng Cây giống, vật tư nông nghiệp

Nhà sản xuất giống

Lớn nhất Châu Á

Hiện tại Nafoods là một trong những nhà sản xuất cây giống chanh leo lớn nhất Châu Á, với 02 viện giống ở Quế Phong - Nghệ An và Tổ hợp khu nông nghiệp công nghệ cao Tây Nguyên, tổng công suất 12 triệu cây giống mỗi năm. Sản phẩm cây giống chanh leo của Tập đoàn hiện đang giữ vị thế đứng đầu về thị phần, được thị trường đánh giá cao nhờ năng suất và khả năng kháng virus, chống chịu với dịch bệnh. Trong tương lai, Nafoods sẽ mở rộng sản xuất kinh doanh thêm các giống cây tiềm năng khác, bao gồm giống dứa, đu đủ, bơ... và mở rộng hợp tác phân phối các sản phẩm vật tư nông nghiệp an toàn, thân thiện môi trường nhằm cung cấp cho người nông dân giải pháp canh tác tốt nhất bao gồm bộ sản phẩm và gói tư vấn kỹ thuật hoàn chỉnh, giúp nâng cao năng suất từ đó cải thiện thu nhập cho người nông dân.



03

Phát triển và Quản lý vùng trồng:

Phát triển >2.650 ha Vùng trồng chanh dây
& **150 ha** Vùng trồng thanh long

Phát triển và Quản lý vùng trồng: Trong năm 2023, Nafoods đã phát triển hơn 2.650 ha diện tích vùng trồng trong đó, 2.500 ha chanh leo và 150 ha thanh long đỏ. Bên cạnh mục tiêu ổn định nguồn cung nguyên liệu đầu vào (trái cây), có truy xuất nguồn gốc rõ ràng phục vụ cho vận hành các nhà máy, đảm bảo số lượng và chất lượng xuất khẩu, Nafoods luôn hướng hoạt động phát triển và quản lý vùng trồng của mình đến với người nông dân nhằm hài hòa lợi ích trong chuỗi giá trị. Thông qua các Hợp tác xã/ Tổ canh tác, Nafoods sẽ ký hợp đồng quản lý và phát triển vùng trồng với qua những hỗ trợ thiết thực như: Nafoods cung cấp cây giống chất lượng với giá cả hợp lý; Đội ngũ cán bộ phát triển vùng trồng của Nafoods hỗ trợ, tư vấn kỹ thuật canh tác hiệu quả, đảm bảo năng suất & chất lượng; Nafoods cam kết thu mua nông sản đầu ra với giá cả cạnh tranh. Mục tiêu đến năm 2028, chúng tôi sẽ phát triển lên tới 30.000 ha diện tích vùng trồng, với các loại quả chủ lực bao gồm Chanh leo, Thanh long, Xoài, Dứa, Sầu riêng... đáp ứng nhu cầu thu mua và nguyên liệu sản xuất cho toàn hệ sinh thái.



04

Thu mua

Yêu cầu cao về

Tiêu chuẩn, Chất lượng & Truy xuất nguồn gốc

Trong chuỗi giá trị của Tập đoàn, hoạt động thu mua đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo nguồn nguyên liệu chất lượng sản xuất. Ngoài việc thu mua từ các nhà cung cấp trong vùng trồng, chúng tôi đã xây dựng và phát triển một hệ thống nhà cung cấp đa dạng và chất lượng, bao gồm các đối tác được lựa chọn kỹ lưỡng. Mỗi đối tác đều phải đáp ứng các yêu cầu cao về tiêu chuẩn chất lượng, truy xuất nguồn gốc và các yêu cầu khắt khe khác của thị trường và khách hàng. Chúng tôi đề cao việc cùng hợp tác phát triển, chia sẻ thông tin, tạo ra một môi trường hợp tác tích cực và lâu dài cho cả hai bên. Điều này không chỉ giúp gia tăng quyền lợi kinh doanh mà còn thúc đẩy sự phát triển bền vững của toàn bộ chuỗi cung ứng.



05

Sản xuất, chế biến

4 Nhà máy hiện đại



Hiện tại, hệ thống nhà máy sản xuất của chúng tôi bao gồm 04 nhà máy, với tổng công suất 7.800 tấn nước ép cô đặc/năm, 18.800 tấn nước ép Pu-ree, NFC/năm, 12.000 tấn rau củ quả đông lạnh IQF/năm, 850 tấn trái cây sấy dẻo/năm, cùng 02 cơ sở đóng gói được cấp mã số đăng ký và 5.000 m² hệ thống nhà kho nguyên liệu, kho thành phẩm, kho lạnh bảo quản đi kèm. Các nhà máy của chúng tôi đều được đầu tư bài bản với hệ thống dây chuyền, máy móc thiết bị, công nghệ hiện đại, nhập khẩu từ Đức, Italia; cùng hệ thống quy trình sản xuất đáp ứng hầu hết các tiêu chuẩn khắt khe nhất trong lĩnh vực sản xuất và chế biến trái cây như A1JN, Halal, Kosher, BRC, SGF, ISO 22000:2005... Nhằm tối ưu chi phí vận chuyển và đảm bảo chất lượng nguyên liệu, các nhà máy này của chúng tôi được đặt tại các vùng nguyên liệu trái cây trải dài khắp cả nước, từ Tây Bắc, Bắc Trung Bộ, Tây Nguyên đến Đông Nam Bộ.



06

Bán hàng, phân phối

Xuất khẩu đến >70 Quốc gia

Có hơn 120 Điểm bán Trên thị trường tiêu dùng nội địa

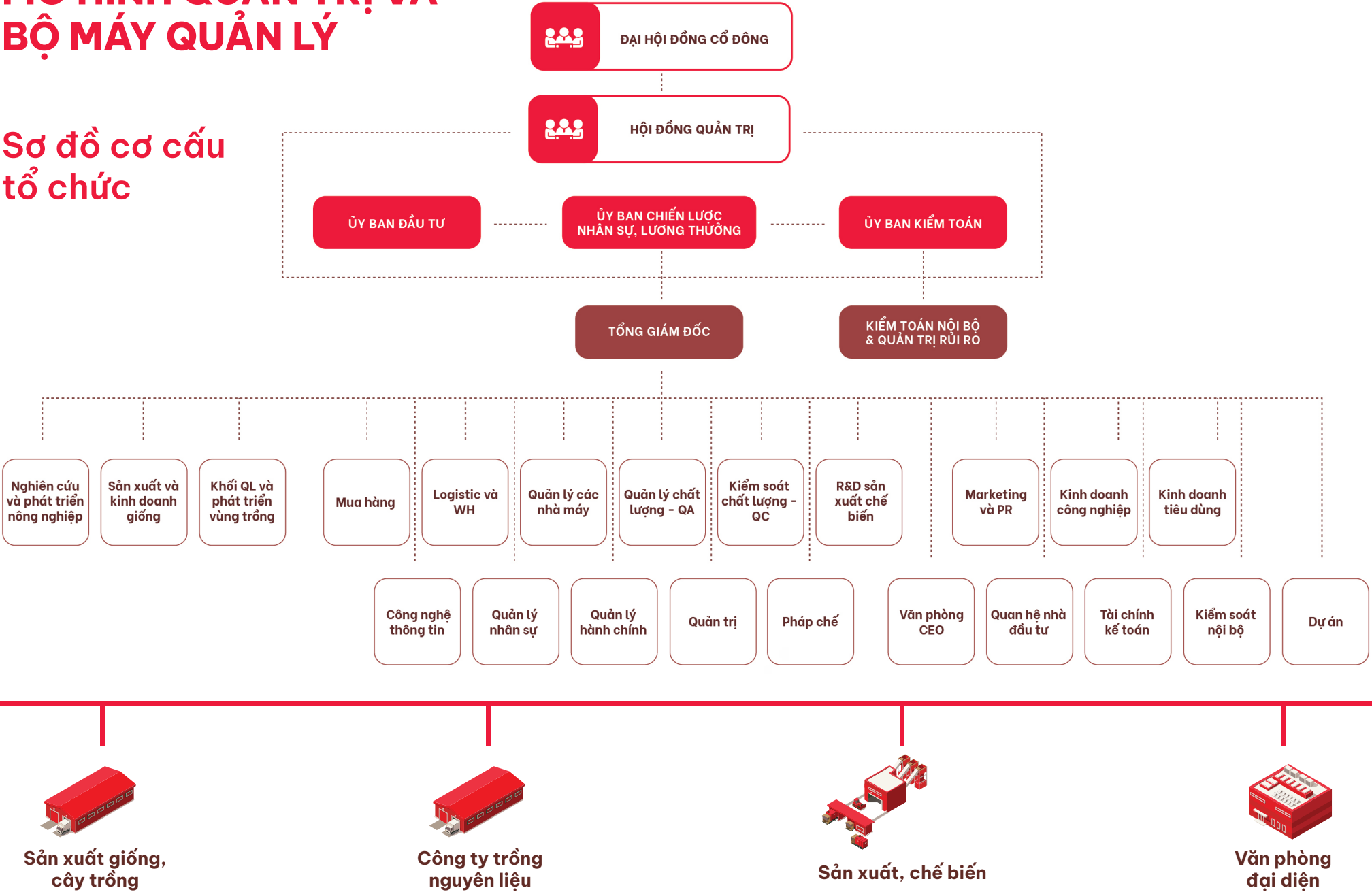
>100 Điểm

Điểm chuyển giao công nghệ và đại lý trên toàn quốc

Bán hàng, phân phối: Ở thị trường xuất khẩu, sản phẩm của chúng tôi đã có mặt trên khắp 5 châu lục và đã có 70% doanh số từ bán hàng trực tiếp. Trong khi đó, ở thị trường nội địa, các sản phẩm tiêu dùng của chúng tôi đã được phân phối vào hơn 120 điểm bán trên toàn quốc thông qua các chuỗi siêu thị, trung tâm thương mại, hệ thống các cửa hàng tiện lợi, các trạm dừng chân, sân bay. Đối với sản phẩm cây giống chanh leo, chúng tôi đã thiết lập hơn 100 điểm chuyển giao công nghệ và đại lý trên toàn quốc, nâng cao hiệu quả trong việc phân phối sản phẩm.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

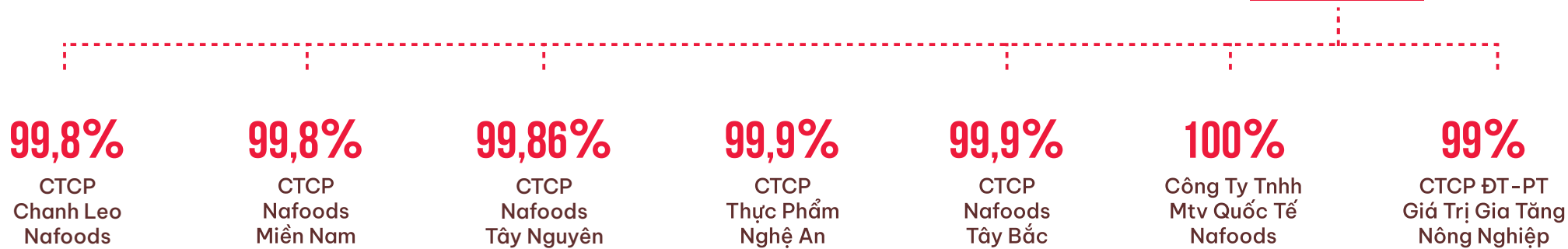
Sơ đồ cơ cấu tổ chức



Công ty con, công ty liên kết



Cấu trúc sở hữu tập đoàn



Công ty con, công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu của NFG
CTCP Chanh leo NafoodsCTCP Chanh leo Nafoods	47, Nguyễn Cảnh Hoan, Phường Quán Bàu, TP Vinh, Nghệ An	Trồng trọt, sản xuất giống cây trồng	60 tỷ đồng	99.80%
CTCP Nafoods Miền Nam	Ấp Hóc Thơm 1, Xã Hòa Khánh Tây, Huyện Đức Hòa, Long An	Sản xuất, chế biến các sản phẩm nước ép hoa quả và rau củ quả đông lạnh	170 tỷ đồng	99.80%
CTCP Nafoods Tây Nguyên	834 Lê Duẩn, Xã Chư Á, Pleiku, Gia Lai	Sản xuất giống cây trồng; Hoạt động dịch vụ trồng trọt; Sản xuất kinh doanh và xuất khẩu các loại nước ép hoa quả	85.86 tỷ đồng	99.86%
CTCP Thực phẩm Nghệ An	47, Nguyễn Cảnh Hoan, Phường Quán Bàu, TP Vinh, Nghệ An	Sản xuất, chế biến các sản phẩm nước ép hoa quả và rau củ quả đông lạnh	62 tỷ đồng	99.90%
CTCP Nafoods Tây Bắc	Tiểu khu 84-85 Thị trấn Nông trường Mộc Châu, Huyện Mộc Châu, Sơn La	Sản xuất kinh doanh giống cây trồng và các loại nước ép hoa quả	50 tỷ đồng	99.90%
CT TNHH MTV Quốc tế Nafoods	47, Nguyễn Cảnh Hoan, Phường Quán Bàu, TP Vinh, Nghệ An	Sản xuất, chế biến các sản phẩm nước ép hoa quả và rau củ quả đông lạnh	60 tỷ đồng	100,00%
CTCP Đầu tư - Phát triển Giá trị Gia tăng Nông nghiệp	47, Nguyễn Cảnh Hoan, Phường Quán Bàu, TP Vinh, Nghệ An	Sản xuất kinh doanh các loại sản phẩm giá trị gia tăng	5 tỷ đồng	99.00%



Giới thiệu Hội Đồng Quản Trị



Bà
ĐIỀN THỊ LAN PHƯƠNG

CHỦ TỊCH HĐQT

- Năm sinh: 1966
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính



Ông
NGUYỄN MẠNH HÙNG

**PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TỔNG
GIÁM ĐỐC**

- Năm sinh: 1968
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế



Ông
JOHAN NYVENE

**THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP
KIỂM CHỦ TỊCH UBKT**

- Năm sinh: 1965
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính



Ông
NGUYỄN PHI BẰNG

**THÀNH VIÊN HĐQT KIỂM GIÁM
ĐỐC TÀI CHÍNH**

- Năm sinh: 1987
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ tài chính,
Anh Quốc | CFA Charterholder



Ông
HỒ HẢI QUÂN

**THÀNH VIÊN HĐQT KIỂM GĐ NHÀ
MÁY NAFODOS TÂY NGUYÊN**

- Năm sinh: 1980
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị
kinh doanh thương mại

Bà

ĐIỀN THỊ LAN PHƯƠNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NAFOODS GROUP JSC

Năm sinh: 1966
Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính

KINH NGHIỆM

Bà có hơn 20 năm hoạt động trong lĩnh vực Tài chính – Kế toán ở vị trí quản lý cao cấp cho các loại hình doanh nghiệp, chủ yếu là các công ty đa quốc gia có mặt tại thị trường Việt Nam, như: KFC Việt Nam, Universal Dầu khí Việt Nam (UP), Puratos Việt Nam, PPG PMC Việt Nam, METRO Cash & Carry Vietnam. Tại những tổ chức này, Bà đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm thực tiễn về quản trị tài chính, quản trị rủi ro, kinh nghiệm xây dựng và quản trị hệ thống quản trị nội bộ hiệu quả, tiên tiến và đã đem áp dụng, triển khai thành công ở những tập đoàn lớn tại Việt Nam trong những năm gần đây, như: Công ty Bán lẻ VINMART, Tập đoàn Lộc Trời, Tập đoàn Tân Hiệp Phát.

CHỨC VỤ ĐANG NẮM GIỮ TẠI CÁC TỔ CHỨC KHÁC:

- Không



Ông

NGUYỄN MẠNH HÙNG

PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ KIỂM TỔNG GIÁM
ĐỐC NAFOODS GROUP JSC

Năm sinh: 1968
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế

KINH NGHIỆM

Ông là người sáng lập và dẫn dắt Nafoods Group từ ngày đầu thành lập cho đến nay. Trải qua gần 30 năm hình thành và phát triển, Ông đã lãnh đạo và định hướng chiến lược và xác định kim chỉ nam hành động cho toàn hệ thống hoạt động theo chuỗi giá trị nông nghiệp khép kín, đưa thương hiệu Nafoods khẳng định vị thế trên thị trường quốc tế.

CHỨC VỤ ĐANG NẮM GIỮ TẠI CÁC TỔ CHỨC KHÁC:

- Chủ tịch HĐQT CTCP Chanh Leo Nafoods
- Chủ tịch Công ty TNHH MTV Quốc Tế Nafoods
- Chủ tịch HĐQT CTCP Nafoods Miền Nam
- Chủ tịch HĐQT CTCP Nafoods Tây Nguyên
- Chủ tịch HĐQT CTCP ĐT – PT – GTGT Nông nghiệp





Ông

JOHAN NYVENE

THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP
KIÊM CHỦ TỊCH UB KIỂM TOÁN

Năm sinh: 1965
Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính

KINH NGHIỆM

Ông là người thành lập và lãnh đạo Bộ phận Dịch vụ Chứng khoán của Ngân hàng HSBC Việt Nam và được coi là một trong những người đi tiên phong tham gia vào sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam trong giai đoạn đầu. Ông có hơn 15 năm nắm giữ vị trí lãnh đạo cấp cao tại Công ty Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh (HSC), một trong những công ty chứng khoán hàng đầu của Việt Nam.

CHỨC VỤ ĐANG NẮM GIỮ TẠI TỔ CHỨC KHÁC:

- Chủ tịch HĐQT CTCP Chứng khoán Thành phố HCM (HSC)
- Thành viên HĐQT CTCP Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM)



Ông

NGUYỄN PHI BẰNG

THÀNH VIÊN HĐQT
KIÊM GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

Năm sinh: 1987
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ tài chính, Anh Quốc | CFA Charterholder

KINH NGHIỆM

Ông Nguyễn Phi Bằng có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và quản trị, đặc biệt tại các doanh nghiệp nông nghiệp hàng đầu. Với nền tảng chuyên môn chuyên sâu cùng kinh nghiệm triển khai các mô hình tài chính hiện đại và áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế, ông đã góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động và thúc đẩy sự phát triển bền vững chuỗi giá trị nông nghiệp của Tập đoàn.

CHỨC VỤ ĐANG NẮM GIỮ TẠI TỔ CHỨC KHÁC:

- Không



Ông

HỒ HẢI QUÂN

THÀNH VIÊN HĐQT
KIÊM GD NM NAFOODS TÂY NGUYÊN

Năm sinh: 1965
Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính

KINH NGHIỆM

Gia nhập hệ thống Nafoods từ 2004, Ông có gần 20 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực hành chính nhân sự. Sau 7 năm giữ chức vụ Giám đốc nhân sự Tập đoàn, năm 2024 Ông được bổ nhiệm làm Giám đốc nhà máy Nafoods Tây Nguyên (CTCP Nafoods Tây Nguyên) và được tin nhiệm bầu bổ sung vào HĐQT Nafoods Group.

CHỨC VỤ ĐANG NẮM GIỮ TẠI TỔ CHỨC KHÁC:

- Giám đốc CTCP Nafoods Tây Nguyên

Giới thiệu Ban điều hành và các cán bộ quản lý chủ chốt

Ông

**NGUYỄN
MẠNH HÙNG**

**PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT
KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC
NAFOODS GROUP JSC**

Năm sinh: 1968
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế



Ông

NGUYỄN PHI BẰNG

**THÀNH VIÊN HĐQT
KIỂM GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH**

Năm sinh: 1987
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ tài chính, Anh
Quốc | CFA Charterholder



Ông

LÊ TUẤN

**GIÁM ĐỐC KINH DOANH
TIÊU DÙNG**

Năm sinh: 1992
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh
doanh



Ông

HỒ HẢI QUÂN

**THÀNH VIÊN HĐQT
KIỂM GD NM NAFOODS TÂY NGUYÊN**

Năm sinh: 1980
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh
doanh thương mại



Ông

NGUYỄN MẠNH CƯỜNG

GIÁM ĐỐC MARKETING

Năm sinh: 1991
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Marketing



Bà

HỒ THỊ LOAN

**GIÁM ĐỐC KINH DOANH
CÔNG NGHIỆP**

Năm sinh: 1984
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh
doanh



Bà

ĐINH THỊ HOA NGÂN

GIÁM ĐỐC MUA HÀNG

Năm sinh: 1980
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Công nghệ
thực phẩm





Ông
NGÔ SỸ MẠNH

GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY
NAFOODS MIỀN NAM

Năm sinh: 1980
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện công nghiệp



Bà
**NGUYỄN THỊ
PHƯƠNG HỒNG**

GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY
THỰC PHẨM NGHỆ AN

Năm sinh: 1978
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán kiểm toán



Bà
NGUYỄN THỊ TRANG

KẾ TOÁN TRƯỞNG
KIỂM TP KẾ TOÁN & NGÂN QUỸ

Năm sinh: 1987
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh



Định hướng chiến lược 2025 - 2030:

“CHUYỂN ĐỔI & TĂNG TRƯỞNG”

Giai đoạn

2024-2025

Hoàn thiện năng lực cốt lõi và mở rộng các năng lực kinh doanh mới

- Hoàn thiện mô hình quản trị và tối ưu hiệu quả vận hành.
- Phát triển nhanh vùng trồng và lực lượng tư vấn kỹ thuật.
- Đầu tư hoạt động R&D cho các sản phẩm chiến lược.
- Xây dựng và củng cố chuỗi ung ứng bền vững & hiệu quả.
- Nâng cao các chỉ số hoạt động hiệu quả của các nhà máy.
- Tập trung hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin, phần mềm quản trị doanh nghiệp.
- Tập trung phát triển năng lực cốt lõi mà Tập đoàn sở hữu.
- Tìm kiếm các sản phẩm, năng lực kinh doanh mới để thúc đẩy động lực tăng trưởng chung của toàn Tập đoàn.

Giai đoạn

2026-2028

Nắm bắt các cơ hội tăng trưởng và phát triển

- Ký kết các hợp đồng chiến lược với các nhà phân phối quan trọng tại các thị trường.
- Nghiên cứu và phát triển danh mục sản phẩm đa dạng cho các yêu cầu của nhiều phân khúc thị trường, khách hàng.
- Nâng cao năng lực M&A đón đầu các cơ hội mua bán cũng như sát nhập.
- Thực hiện M&A các dự án tiềm năng cùng với tối ưu nội lực để tăng trưởng doanh số & độ phủ.
- Nâng cao việc thực hiện ESG tại Tập đoàn.

Giai đoạn

2029-2030

Hướng đến phát triển bền vững

- Tìm kiếm các nhà đầu tư chiến lược có cùng tầm nhìn và lĩnh vực hoạt động giúp phát triển các lĩnh vực mới.
- Áp dụng các công nghệ mới như Dữ liệu lớn (Big Data), Học máy (Machine Learning) và Trí tuệ nhân tạo (AI) vào hoạt động quản trị nhằm tối ưu hóa chi phí và duy trì hiệu suất hoạt động ở mức cao. Phát triển các trung tâm nghiên cứu với đội ngũ nghiên cứu trong và ngoài nước phát triển các sản phẩm cốt lõi.
- Tập trung tăng trưởng Doanh thu, Lợi nhuận..

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Tầm nhìn và mục tiêu chiến lược

- Với tầm nhìn là Tập đoàn tiên phong phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp số hoá, xanh và bền vững; và sứ mệnh mang lại thu nhập ổn định, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người nông dân; đáp ứng nhu cầu cho từng phân khúc khách hàng, thị trường; đồng hành và phát triển cùng đối tác; là khoản đầu tư an toàn, minh bạch, có tiềm năng tăng trưởng cao cho cổ đông; và đảm bảo thu nhập, phát triển cá nhân, đội ngũ cho người lao động; Nafoods Group đặt ra các mục tiêu chiến lược đến năm 2030 như sau:



Đạt Tỷ đồng
6000 Doanh thu

SỐ 1 Việt Nam

Trong sản xuất và xuất khẩu sản phẩm trái cây chế biến



TOP 1 Doanh nghiệp

Hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp có trình độ quản trị doanh nghiệp tiên tiến.



Nhà cung cấp

GIỐNG CHANH DÂY

Hàng đầu Việt Nam về sản lượng và chất lượng



Mở rộng tầm ảnh hưởng của thương hiệu

NAFOODS

Trên thị trường thế giới

Xây dựng thương hiệu sản phẩm tiêu dùng Nafoods tại thị trường nội địa.

Chuỗi cung ứng được số hóa bằng hệ thống Bền vững & hiệu quả cho các bên tham gia.

Là nhà quản trị vùng trồng sản phẩm nông nghiệp hàng đầu Việt Nam, chuyên gia canh tác cây trồng các loại quả chủ lực.

Nằm trong nhóm các nhà xuất khẩu sản phẩm cà phê nhân xanh, và cà phê chế biến hàng đầu Việt Nam.

Các ưu tiên chiến lược Đến 2030

01

Viện nghiên cứu



- ▶ Cải tiến liên tục để giữ vững vị thế trên thị trường về chất lượng giống chanh leo và các cây giống khác.
- ▶ Chuẩn hóa & triển khai cho đội ngũ tư vấn các chương trình kỹ thuật canh tác tại vùng trồng.
- ▶ Nghiên cứu các chế phẩm sinh học hỗ trợ cho canh tác.

02

Phát triển vùng nguyên liệu



- ▶ Hướng đến xây dựng vùng canh tác bền vững, tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng, tạo vị thế cho nông sản Việt Nam.
- ▶ Nâng tầm vị thế trái cây Việt, nông sản Việt trên thị trường thế giới.
- ▶ Theo đuổi mục tiêu bền vững ESG.

03

Sản xuất và R&D



- ▶ Tối ưu hóa hiệu suất & công suất nhà máy.
- ▶ Tạo khác biệt & đa dạng trong sản phẩm.
- ▶ Áp dụng công nghệ sản xuất tiên tiến, giá vốn cạnh tranh cho các phân khúc và dòng sản phẩm.
- ▶ Tăng năng lực sản xuất, mở rộng danh mục sản phẩm mới.

04

Chuỗi cung ứng



- ▶ Quản lý từ vùng trồng đến sản phẩm chế biến đầu ra.
- ▶ Xây dựng hệ thống quản lý chuỗi cung ứng, hệ thống nhà cung cấp có hợp đồng chiến lược và hợp đồng dài hạn.
- ▶ Nguồn vốn chi phí thấp, linh hoạt cung ứng cho hoạt động của chuỗi.
- ▶ Tăng năng lực hệ thống kho và logistic tiêu chuẩn.

05

Thị trường



- ▶ Tập trung phát triển phân khúc thị trường trung & cao cấp bên cạnh thị trường truyền thống.
- ▶ Xây dựng & phát triển tệp khách hàng chiến lược tại các thị trường truyền thống và phát triển các thị trường mới.
- ▶ Tăng độ phủ trên các kênh phân phối cho sản phẩm tiêu dùng nội địa.

Các Mục tiêu Phát triển bền vững

Tầm nhìn Phát triển bền vững

“

Nafoods Group hướng tới mục tiêu “Trở thành Tập đoàn tiên phong phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp số hóa, xanh và bền vững”.

Tầm nhìn Phát triển bền vững:

Môi trường:
Bảo vệ môi trường và bảo tồn tài nguyên

Mục tiêu phát triển bền vững



Mục tiêu hoạt động

- Giảm phát thải khí nhà kính
- Tăng hiệu quả sử dụng tài nguyên
- Giảm phát thải chất thải
- Bảo vệ đa dạng sinh học

Xã hội: Quan tâm đến con người và cộng đồng

Mục tiêu phát triển bền vững



Mục tiêu hoạt động

- Đảm bảo quyền và lợi ích của người lao động
- Thúc đẩy sự bình đẳng
- Phát triển kinh tế nông hộ
- Phát triển cộng đồng

Quản trị: Được tin tưởng bởi các bên liên quan

Mục tiêu phát triển bền vững



Mục tiêu hoạt động

- Đổi mới và sáng tạo
- Quản trị hiệu quả
- Gắn kết với các bên liên quan



02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 2024

- 62 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 2024
- 64 Tình hình đầu tư và Thực hiện dự án
- 65 Tình hình tài chính
- 68 Tổ chức và Nhân sự
- 74 Thông tin Cổ phần & Cơ cấu cổ đông
- 80 Báo cáo tác động liên quan đến Môi trường & Xã hội

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2024

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2023		Tăng trưởng
	Tỷ đồng	%DTT	Tỷ đồng	%DTT	
Doanh thu thuần (DTT)	1.437,0	100,0%	1.733,3	100,0%	-17,1%
Lợi nhuận gộp	405,6	28,2%	469,7	27,1%	-13,7%
Thu nhập tài chính	36,0	2,5%	34,7	2,0%	3,7%
Chi phí tài chính	68,2	4,7%	75,6	4,4%	-9,8%
Trong đó: Chi phí lãi vay	52,0	3,6%	45,7	2,6%	13,7%
Chi phí bán hàng	122,8	8,5%	135,2	7,8%	-9,2%
Chi phí QLDN	121,6	8,5%	170,2	9,8%	-28,5%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	129,0	9,0%	123,5	7,1%	4,4%
Lợi nhuận khác	11,1	0,8%	8,9	0,5%	25,0%
Lợi nhuận trước thuế	140,1	9,7%	132,4	7,6%	5,8%
Lợi nhuận sau thuế	116,4	8,1%	109,9	6,3%	5,9%

“

Năm 2024, Doanh thu thuần hợp nhất toàn Tập đoàn đạt 1.437,0 tỷ đồng, giảm 17,1% so với cùng kỳ, và chỉ đạt 65,3% kế hoạch đặt ra đầu năm. Doanh thu sụt giảm và không đạt kế hoạch do các yếu tố nội tại cùng những biến động bất lợi trên thị trường, cụ thể:

- Năm 2024 đánh dấu bước ngoặt quan trọng khi Tập đoàn tái cấu trúc danh mục sản phẩm, nâng cao tiêu chuẩn chất lượng nhằm đáp ứng các quy định nhập khẩu khắt khe tại các thị trường lớn như EU và Mỹ. Điều này tạm thời ảnh hưởng đến doanh thu do khách hàng cần thời gian thích ứng với các tiêu chuẩn và mức giá mới..
- Về mặt khách quan, năm qua cũng chứng kiến sự sụt giảm nguồn cung các loại trái cây chủ lực như chanh leo, vải... do yếu tố thời tiết, gây khó khăn cho hoạt động sản xuất của Tập đoàn..

- Để đảm bảo tăng trưởng lợi nhuận trong bối cảnh biến động của năm qua, Nafood Groups đã chủ động kiểm soát chặt chẽ chi phí và tăng cường thu hồi công nợ. Cụ thể:
- Biên lợi nhuận gộp tiếp tục cải thiện, đạt 28,2%, tăng thêm 1,1 điểm phần trăm so với năm trước. Lợi nhuận gộp đạt 405,6 tỷ đồng, giảm 13,7% so với cùng kỳ, thấp hơn tốc độ sụt giảm của doanh thu.
- Chi phí bán hàng ở mức 122,8 tỷ đồng, giảm 12,4 tỷ đồng (-9,2%) so với năm trước. Tỷ lệ chi phí bán hàng trên doanh thu ở mức 8,5%, tăng nhẹ 0,7 điểm % so với năm trước.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp ở mức 121,6 tỷ đồng, giảm 48,5 tỷ đồng (-28,5%) so với năm trước. Tỷ lệ chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu ở mức 8,5%, giảm 1,4 điểm % so với năm trước, chủ yếu do giảm chi phí trích lập dự phòng.
- Chi phí tài chính ở mức 68,2 tỷ đồng, giảm 7,4 tỷ đồng (-9,8%) so với năm trước. Chi phí lãi vay ở mức 52,0 tỷ đồng, tăng 6,3 tỷ đồng (+13,7%) so với năm trước. Tỷ lệ chi phí lãi vay trên doanh thu đạt 3,6%, tăng 1,0 điểm % so với năm trước do dư nợ vay trung bình trong năm 2024 tăng.
- Kết quả Lợi nhuận sau thuế năm 2024 tiếp tục đạt mức kỷ lục mới 116,4 tỷ đồng, tăng 6,5 tỷ đồng (+5,9%) so với năm trước, đạt 90,2% so với kế hoạch đặt ra đầu năm. Biên lợi nhuận sau thuế đạt 8,1%, tăng 1,8 điểm % so với năm 2023.

Biên lãi gộp đạt

28,2%

Tăng 1,1% so với năm trước

Lợi nhuận sau thuế năm 2024 tiếp tục đạt kỷ lục mới

116,4 Tỷ đồng

Biên lợi nhuận sau thuế đạt

8,1%

Tăng 1,8% so với năm 2023

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Nafoods Group hoạt động theo mô hình tập đoàn và tổ chức quản lý theo mô hình tập trung. Theo đó Công ty mẹ đóng vai trò như một “Trung tâm dịch vụ chia sẻ”, hỗ trợ kết nối và đảm bảo sự vận hành xuyên suốt, để đạt được các mục tiêu chiến lược chung của cả Tập đoàn. Do đó, hoạt động đầu tư ở Công ty mẹ chủ yếu bao gồm các hoạt động M&A, tăng tỷ lệ sở hữu tại các công ty con, đơn vị thành viên, hoặc góp vốn đầu tư phát triển các dự án mới để hoàn thiện chuỗi giá trị của Tập đoàn.

Tại các công ty con, đơn vị thành viên có sở hữu các nhà máy và hoạt động sản xuất kinh doanh trực tiếp, hoạt động đầu tư tập trung vào các dự án xây dựng nhà máy mới, mở rộng công suất, và các hoạt động đầu tư thường xuyên khác như sửa chữa, bảo trì nhà xưởng, máy móc thiết bị...

Hoạt động đầu tư dự án

Trong năm 2024, về hoạt động đầu tư dự án, Tập đoàn đã triển khai các dự án đầu tư nhằm mở rộng năng lực sản xuất cốt lõi của Tập đoàn. Cụ thể:

- Tại CTCP Nafoods Miền Nam: trong tháng 4/2024 đã hoàn thành và đưa vào vận hành dây chuyền sản xuất IQF công suất 2.000 tấn thành phẩm/năm, góp phần vào việc tăng năng lực sản xuất và cung ứng các sản phẩm IQF.
- Tại CTCP Thực phẩm Nghệ An: đã và đang thực hiện đầu tư mở rộng năng lực sản xuất các sản phẩm nước ép và IQF. Dự kiến sau khi hoàn thành và đưa vào hoạt động trong năm 2025 sẽ giúp nâng tổng thể công suất của nhà máy thêm 1.000 tấn thành phẩm/năm.
- Tại CTCP Nafoods Tây Nguyên: tiếp tục nghiên cứu đầu tư mở rộng tổ hợp xử lý và sản xuất chanh leo với mục tiêu trở thành trung tâm sản xuất, chế biến chanh leo lớn nhất Châu Á. Sau khi đưa vào hoạt động trong năm 2025, nhà máy có thể tiếp nhận và sản xuất 100.000 tấn sản phẩm chanh leo hàng năm.

Hoạt động M&A

Về hoạt động M&A, trong năm 2024, Nafoods Group đã làm việc với các đối tác tiềm năng hướng đến các thương vụ M&A với mục tiêu hoàn thiện chuỗi năng lực và giá trị sản xuất của Tập đoàn. Các thương vụ này đang trong giai đoạn thương thảo và dự kiến sẽ hoàn tất trong nửa đầu năm 2025.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Cơ cấu tài sản

Quy mô tổng tài sản hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm 31/12/2024 đạt 2.029,0 tỷ đồng, giảm nhẹ 0,7% so với năm trước. Trong đó, tài sản ngắn hạn giảm 2,5%, tài sản dài hạn tăng 1,1% so với cuối năm 2023.

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2023		Tăng trưởng +/- %
	Tỷ đồng	%Tổng tài sản	Tỷ đồng	%Tổng tài sản	
Tài sản ngắn hạn	991,1	48,8%	1.016,6	49,8%	-2,5%
Tiền và tương đương tiền	54,4	2,7%	62,4	3,1%	-12,9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	95,8	4,7%	119,9	5,9%	-20,1%
Phải thu ngắn hạn	571,7	28,2%	497,6	24,4%	14,9%
Hàng tồn kho	211,2	10,4%	267,2	13,1%	-21,0%
Tài sản ngắn hạn khác	58,0	2,9%	69,5	3,4%	-16,5%
Tài sản dài hạn	1.037,9	51,2%	1.026,6	50,2%	1,1%
Các khoản phải thu dài hạn	134,5	6,6%	105,6	5,2%	27,4%
Tài sản cố định	654,8	32,3%	664,1	32,5%	-1,4%
Tài sản dở dang dài hạn	5,9	0,3%	12,4	0,6%	-52,2%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,0	0,1%	2,0	0,1%	0,0%
Tài sản dài hạn khác	240,7	11,9%	242,6	11,9%	-0,8%
Tổng tài sản	2.029,0	100,0%	2.043,2	100,0%	-0,7%

Tài sản ngắn hạn

Tại ngày 31/12/2024, tài sản ngắn hạn đạt 991,1 tỷ đồng, giảm 2,5% so với thời điểm 31/12/2023. Tài sản ngắn hạn chiếm 48,8% trong cơ cấu tổng tài sản, giảm nhẹ so với mức 49,8% của năm 2023.

Tổng các khoản Tiền & tương đương tiền và Đầu tư tài chính ngắn hạn (tiền gửi ngân hàng) cuối năm 2024 đạt 150,2 tỷ đồng, giảm 17,6% so với cuối năm trước, chiếm 7,4% tổng tài sản.

Phải thu ngắn hạn tại 31/12/2024 đạt 571,7 tỷ đồng, tăng 14,9% so với cuối năm trước, chiếm 28,2% tổng tài sản. Trong đó, phải thu ngắn hạn khách hàng đạt 334,7 tỷ đồng, giảm nhẹ 3,9% so với đầu năm.

Hàng tồn kho tại 31/12/2024 đạt 211,2 tỷ

đồng, giảm 21,0% so với cuối năm trước, chiếm 10,4% tổng tài sản. Hàng tồn kho giảm chủ yếu do biến động mang tính thời điểm, mùa vụ khi cuối năm nay, nguồn cung nguyên liệu các sản phẩm chủ lực như chanh leo không được dồi dào như năm trước.

Tài sản dài hạn

Tại thời điểm 31/12/2024, tài sản dài hạn hợp nhất của Tập đoàn đạt 1.037,9 tỷ đồng, tăng nhẹ 1,1% so với cuối năm trước. Tỷ lệ tài sản dài hạn trong cơ cấu tổng tài sản đạt 51,2%, tăng nhẹ với mức 50,2% cuối năm 2023.

Tổng tài sản hợp nhất của Tập đoàn đạt

2.029,0 Tỷ đồng

Cơ cấu nguồn vốn

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2023		Tăng trưởng +/- %
	Tỷ đồng	%Tổng tài sản	Tỷ đồng	%Tổng tài sản	
Nợ phải trả	1.044,0	51,5%	1.055,3	51,6%	-1,1%
Nợ ngắn hạn	856,5	42,2%	964,5	47,2%	-11,2%
Phải trả người bán ngắn hạn	56,2	2,8%	80,0	3,9%	-29,8%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	692,1	34,1%	746,9	36,6%	-7,3%
Các khoản nợ phải trả ngắn hạn khác	108,2	5,3%	137,7	6,7%	-21,4%
Nợ dài hạn	187,5	9,2%	90,8	4,4%	106,5%
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	155,6	7,7%	62,4	3,1%	149,3%
Các khoản nợ phải trả dài hạn khác	31,9	1,6%	28,3	1,4%	12,7%
Vốn chủ sở hữu	985,0	48,5%	988,0	48,4%	-0,3%
Vốn góp của chủ sở hữu	653,0	32,2%	629,2	30,8%	3,8%
Thặng dư vốn cổ phần	21,2	1,0%	67,2	3,3%	-68,4%
Quỹ đầu tư phát triển	32,2	1,6%	59,1	2,9%	-45,5%
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	277,6	13,7%	231,5	11,3%	19,9%
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	0,9	0,0%	0,9	0,0%	1,3%
Tổng Nguồn vốn	2.029,0	100,0%	2.043,2	100,0%	-0,7%

- Vốn chủ sở hữu hợp nhất tại ngày 31/12/2024 đạt 985,0 tỷ đồng, giảm nhẹ 0,3% so với năm trước, chiếm 48,5% tổng nguồn vốn. Trong kỳ, Tập đoàn hoàn tất mua lại 2.675.000 cổ phiếu ưu đãi hoàn lại với tổng giá trị 72,76 tỷ đồng và hoàn tất phát hành thêm 5.056.196 cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông.
- Cơ cấu nợ phải trả có sự dịch chuyển từ nợ ngắn hạn sang nợ dài hạn. Cụ thể, dư nợ vay ngắn tại ngày 31/12/2024 đạt 692,1 tỷ đồng, giảm 7,3% so với đầu năm, chiếm 34,1% tổng nguồn vốn. Dư nợ vay dài hạn tại ngày 31/12/2024 đạt 155,6 tỷ đồng, tăng 149,3% so với năm trước, chiếm 7,7% tổng nguồn vốn. Tổng dư nợ vay cuối năm đạt 847,7 tỷ đồng, tăng 4,7% so với đầu năm, chiếm 41,8% tổng nguồn vốn.

Tập đoàn hoàn
tất mua lại

2.675.000

Cổ phiếu ưu
đãi hoàn lại
với tổng giá trị
72,76 tỷ đồng

Hoàn tất
phát hành thêm

5.056.196

Cổ phiếu phổ
thông để trả cổ
tức bằng cổ phiếu
cho cổ đông

Chỉ số tài chính

Các chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2024	31/12/2023
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Chỉ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,16	1,05
Chỉ số thanh toán nhanh	Lần	0,91	0,78
2. Chỉ tiêu về cấu trúc vốn			
Tổng nợ/Tổng tài sản	Lần	0,51	0,52
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,06	1,07
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,86	0,82
Nợ vay/EBITDA	Lần	2,89	3,28
3. Chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động			
Vòng quay khoản phải thu khách hàng	Vòng	4,21	4,63
Vòng quay khoản phải trả nhà cung cấp	Vòng	15,15	12,25
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,31	5,95
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,71	0,92
4. Chỉ tiêu về tỷ suất sinh lời			
Biên lợi nhuận sau thuế	%	8,1%	6,3%
Biên EBITDA	%	20,5%	14,4%
ROE	%	11,8%	11,1%
ROA	%	5,7%	5,4%

Khả năng thanh toán

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Tập đoàn năm 2024 có sự cải thiện, với chỉ số thanh toán ngắn hạn đạt 1,16 lần, tăng so với mức 1,05 lần vào đầu năm. Các chỉ số này tăng chủ yếu do trong năm có sự dịch chuyển cơ cấu nợ ngắn hạn sang nợ trung và dài hạn.

Tỷ suất sinh lời

Quy mô tổng tài sản và vốn chủ sở hữu không có nhiều biến động, trong khi EBITDA và Lợi nhuận sau thuế tăng giúp cải thiện các chỉ tiêu tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu và tổng tài sản.

Cấu trúc vốn

Các chỉ tiêu đòn cân nợ năm 2024 duy trì tương đương với năm trước. Việc mua lại một phần cổ phần ưu đãi hoàn lại trong năm khiến tỷ lệ nợ vay trên vốn chủ sở hữu tăng. Tuy nhiên chỉ tiêu Nợ vay/EBITDA trong năm tiếp tục cải thiện về mức 2,89 lần, nhờ EBITDA cải thiện mạnh, phản ánh khả năng trả nợ của Tập đoàn đang dần được nâng cao.

Hiệu quả hoạt động

Các chỉ tiêu vòng quay khoản phải thu khách hàng, hàng tồn kho và tổng tài sản năm qua sụt giảm chủ yếu do doanh thu giảm.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

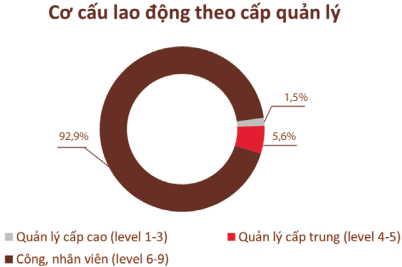
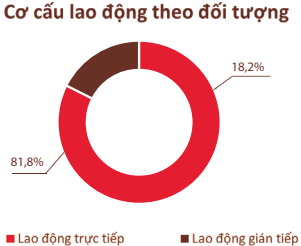
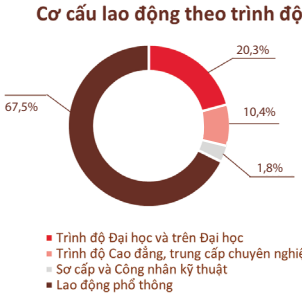
Cơ cấu nhân sự

Lao động nữ chiếm

58,1%

- Tại thời điểm 31/12/2024, tổng số lượng CBCNV toàn Tập đoàn là 1.377 người, giảm 1,3% so với năm trước.
- CBCNV chủ yếu tập trung tại các công ty thành viên với số lượng lao động phổ thông chiếm đa số. Điểm nổi bật trong số liệu này là chúng tôi đã và đang đảm bảo sự tham gia và hoà nhập của nữ giới vào lực lượng lao động của chúng tôi khi mà lao động nữ chiếm tới hơn 58,1%.

STT	Tiêu chí	Tại ngày 31/12/2024	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động	1.377	100,0%
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	280	20,3%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	143	10,4%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	25	1,8%
4	Lao động phổ thông	929	67,5%
II	Theo đối tượng lao động	1.377	100,0%
1	Lao động trực tiếp	1.127	81,8%
2	Lao động gián tiếp	250	18,2%
III	Theo giới tính	1.377	100,0%
1	Nam	577	41,9%
2	Nữ	800	58,1%
IV	Theo cấp quản lý	1.377	100%
1	Quản lý cấp cao (level 1-3)	20	1,5%
2	Quản lý cấp trung (level 4-5)	77	5,6%
3	Công, nhân viên (level 6-9)	1.280	92,9%



Chính sách đối với người lao động

Chế độ làm việc



• Thời gian làm việc:

Bộ phận gián tiếp làm việc 5 ngày/tuần (nghỉ Thứ 7 và Chủ nhật), 8 giờ/ngày, nghỉ trưa 1,5 giờ. Bộ phận trực tiếp làm việc 6 ngày/tuần (nghỉ ngày Chủ nhật), 8 giờ/ngày, nghỉ trưa 1,5 giờ. Bộ phận gián tiếp làm theo giờ hành chính, bộ phận trực tiếp được bố trí làm theo ca. Khi có yêu cầu về tiến độ kinh doanh, người lao động có trách nhiệm làm thêm giờ và Tập đoàn có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thoả đáng cho người lao động.

• Điều kiện làm việc:

Văn phòng làm việc được thiết kế khang trang, thoáng mát. Lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện và công cụ làm việc, Bảo hộ lao động phù hợp, đảm bảo vệ sinh lao động, an toàn lao động.

Chính sách đào tạo, tuyển dụng

• Chính sách đào tạo

Nafoods Group tập trung vào khía cạnh gốc rễ “Học hỏi và Phát triển”, vì vậy hằng năm, Tập đoàn tổ chức nhiều khóa đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, cũng như các kỹ năng mềm, kỹ năng quản lý cho CBCNV. Các hình thức đào tạo chính bao gồm:

Đào tạo từ tập đoàn: Các khóa học chuyên môn, kỹ năng mềm và quản lý do tập đoàn tổ chức, giúp nhân viên cập nhật kiến thức mới và nâng cao hiệu quả công việc.

Đào tạo liên phòng ban: Các phòng ban chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm lẫn nhau, tăng cường sự phối hợp và nâng cao hiệu quả làm việc. Hình thức này giúp nhân viên hiểu rõ quy trình liên kết giữa các bộ phận, cải thiện sự hợp tác nội bộ và tối ưu hóa quy trình làm việc.

Đào tạo nội bộ phòng ban: Các chương trình đào tạo chuyên sâu trong từng phòng ban, giúp nhân viên nâng cao chuyên môn và kỹ năng đặc thù của từng vị trí.

Đào tạo bên ngoài:

- **Đào tạo theo luật định:** Các khóa học bắt buộc về an toàn lao động, môi trường, pháp luật lao động.
- **Đào tạo chứng chỉ:** Là đào tạo theo các yêu cầu của khách hàng, nhà đầu tư nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng, thông tin về các quy định liên quan đến nhận thức, đạo đức kinh doanh,
- **Đào tạo khác:** Khuyến khích nhân viên đề xuất các khóa học khác từ bên ngoài nhằm nâng cao năng lực cá nhân và đáp ứng nhu cầu phát triển của Tập đoàn.

Các năm vừa qua, Các chương trình đào tạo này mang lại hiệu quả thiết thực, giúp nhân viên không ngừng phát triển, nâng cao hiệu suất làm việc và đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của Tập đoàn.



• Chính sách tuyển dụng

Mục tiêu tuyển dụng của Nafoods Group là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Tập đoàn, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Những lao động đảm nhận vị trí cao được Tập đoàn chọn lựa kỹ càng nhằm đáp ứng được năng lực trình độ và kinh nghiệm theo yêu cầu của công việc.

Quy trình tuyển dụng minh bạch, công bằng: Gồm các vòng đánh giá từ sàng lọc hồ sơ, phỏng vấn chuyên môn, đánh giá năng lực đến thử việc, đảm bảo chọn lựa ứng viên phù hợp nhất.

Thu hút nhân tài cấp cao: Áp dụng chính sách thu hút nhân sự trình độ cao với các gói lương thưởng cạnh tranh, môi trường làm việc chuyên nghiệp và cơ hội phát triển dài hạn.

Đa dạng và liên tục mở rộng kênh tuyển dụng: thông qua trang việc làm lớn hàng đầu Việt Nam: Vietnamwork, CareerViet; đăng tuyển qua website Tập đoàn, Linkedin, Facebook; hợp tác với các trường đại học, với chính quyền địa phương; tham gia ngày hội việc làm; thông qua giới thiệu nội bộ...

Chính sách hỗ trợ nhân viên mới: Nhân viên mới được đào tạo hội nhập; được cử người hướng dẫn, đồng hành trong quá trình thử việc để nhanh chóng thích nghi với công việc và văn hóa của Tập đoàn. Tuân thủ các điều khoản liên quan tới chính sách môi trường và xã hội, chính sách bình đẳng giới trong hoạt động tuyển dụng.



Chính sách lương, thưởng và phúc lợi

• Chính sách lương:

- Hệ thống lương cạnh tranh, đảm bảo thu hút, giữ chân nhân lực trình độ cao, cũng như cán bộ công nhân viên lành nghề.
- Tập đoàn thực hiện đánh giá lương định kỳ hằng năm hoặc khi có thay đổi lớn về hiệu suất làm việc và trách nhiệm công việc.
- Ngoài lương, Tập đoàn còn chi trả các khoản phụ cấp như: điện thoại, xăng xe, ăn ca, phụ cấp độc hại (đối với CBCNV làm việc trong môi trường lạnh) và các khoản phụ cấp khác tùy vào từng vị trí công việc.

• Chính sách thưởng:

Nhằm thúc đẩy tinh thần, khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Nafoods Group gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, Tập đoàn đã áp dụng chính sách thưởng KPI quý/năm, thưởng hiệu quả dựa trên kết quả đánh giá mức độ hoàn thành công việc. Mặt khác, Tập đoàn cũng tổ chức xét thưởng cho các cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp, xây dựng các sáng kiến tăng hiệu quả công việc Tập đoàn. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của các cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, chống lãng phí. Tập đoàn áp dụng nhiều hình thức khen thưởng đa dạng, bao gồm tiền mặt, hiện vật, cũng như các chuyến du lịch nước ngoài khi điều kiện cho phép và thưởng bằng cổ phiếu. Đồng thời, Tập đoàn cũng có biện pháp xử lý phù hợp đối với các cá nhân có hành vi ảnh hưởng tiêu cực đến hình ảnh và hoạt động của doanh nghiệp.

• Chính sách bảo hiểm và phúc lợi:

- Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Tập đoàn trích nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
- Tham gia bảo hiểm sức khỏe cho CBCNV cấp cao và cấp trung, và tham gia bảo hiểm tai nạn cho CBCNV còn lại.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CBCNV
- Hằng năm, tổ chức đi tham quan, nghỉ mát cho CBCNV.
- Tổ chức các chương trình Happy house, Quốc tế Phụ nữ 8/3, Ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, sinh nhật cho CBCNV.... nhằm gắn kết CBCNV trong các đơn vị, Tập đoàn.
- Hằng năm, trích 1 phần chi phí hỗ trợ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn trong toàn tập đoàn.



THÔNG TIN CỔ PHẦN & CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Thông tin Cổ phần (tại ngày 31/12/2024)

Những con số tổng quan

- Số lượng cổ phần đã phát hành: **65.304.281** cổ phần
- Số lượng cổ phần đang lưu hành: **65.304.219** cổ phần, trong đó:
 - Cổ phần phổ thông: **55.620.286** cổ phần
 - Cổ phần ưu đãi hoàn lại: **9.683.933** cổ phần
- Số lượng cổ phiếu quỹ: **62** cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phần: **10.000** đồng
- Vốn điều lệ: **653.042.810.000** đồng
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: **0** cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: **100%**
- Vốn hóa thị trường: **1.106.843.691.400** đồng
- Giá đóng cửa: **19.900** đồng (+42,1% so với 29/12/2023)
- Giá cao nhất 2024: **22.400** đồng
- Giá thấp nhất 2024: **13.455** đồng
- KLGD khớp lệnh bình quân 2024: **216.697** cổ phiếu/ngày (+40,7% so với 2023)



”

Trong năm, Nafoods Group hoàn tất phát hành thêm **5.056.196** cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông phổ thông và mua lại **2.675.000** cổ phiếu ưu đãi hoàn lại đã phát hành năm 2019 theo phương án đã được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2024.

Lịch sử quá trình thay đổi vốn điều lệ

Ngày 29/06/2010, Nafoods Group chuyển đổi từ Công ty Trách nhiệm Hữu hạn sang Công ty Cổ phần với vốn điều lệ 40 tỷ đồng. Trải qua quá trình phát triển, vốn điều lệ của Nafoods Group hiện nay là 629.239.850.000 đồng. Quá trình tăng vốn điều lệ của Nafoods Group kể từ thời điểm hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần như sau:

STT	Thời gian	Vốn điều lệ		Số lượng cổ phiếu		Nội dung
		Tăng/Giảm	Sau Tăng/Giảm	Tăng/Giảm	Sau Tăng/Giảm	
Lần 1	03/2015	160.000.000.000	200.000.000.000	16.000.000	20.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 18/QĐ-CHOAVIET ngày 07/12/2014: - Tỷ lệ phát hành: 1:4 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cp
Lần 2	06/2015	100.000.000.000	300.000.000.000	10.000.000	30.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02 ngày 12/05/2015: - Tỷ lệ phát hành: 1:2 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cp
Lần 3	05/2018	15.000.000.000	315.000.000.000	1.500.000	31.500.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/09/2017: - Tỷ lệ phát hành: 100:5
Lần 4	05/2018	15.000.000.000	330.000.000.000	1.500.000	33.000.000	Phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/09/2017
Lần 5	11/20218	32.997.820.000	362.997.820.000	3.299.782	36.299.782	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/06/2018: - Tỷ lệ phát hành: 10:1
Lần 6	06/2019	54.446.950.000	417.444.770.000	5.444.695	41.744.477	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2019: - Tỷ lệ phát hành: 100:15
Lần 7	06/2019	18.149.860.000	435.594.630.000	1.814.986	43.559.463	Phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2019
Lần 8	09/2019	132.393.820.000	567.988.450.000	13.239.382	56.798.845	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2019 và Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/06/2019 - Loại cổ phần: + Cổ phiếu phổ thông: 880.449 cổ phiếu + Cổ phiếu ưu đãi hoàn lại: 12.358.933 cổ phiếu - Giá phát hành: + Cổ phiếu phổ thông: 13.043 đồng/cổ phần + Cổ phiếu ưu đãi hoàn lại: 15.000 đồng/cổ phần
Lần 9	06/2020	9.059.500.000	577.047.950.000	905.950	57.704.795	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/03/2020 - Loại cổ phần: cổ phiếu phổ thông - Giá phát hành: 13.043 đồng/cổ phần
Lần 10	07/2020	22.219.900.000	599.267.850.000	2.221.990	59.926.785	Phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/05/2020
Lần 11	11/2021	29.963.000.000	629.230.850.000	2.996.300	62.923.085	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2021 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
Lần 12	09/2024	(26.750.000.000)	602.480.850.000	(2.675.000)	60.248.085	Mua lại cổ phiếu ưu đãi hoàn lại (đợt 1) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2024 - Giá mua lại: 27.200 đồng/cổ phiếu
Lần 13	09/2024	50.561.960.000	653.042.810.000	5.056.196	65.304.281	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2024 - Tỷ lệ phát hành: 10:1

Cơ cấu cổ đông

(Theo danh sách cổ đông chốt tại ngày 11/02/2025)

Cổ đông lớn

(Sở hữu từ 5% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành trở lên)

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ biểu quyết (%)
I	Nguyễn Mạnh Hùng	25.879.945	46,5%

Cơ cấu cổ đông theo đối tượng

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu*	Số lượng cổ đông	Tổ chức	Cá nhân
I	Cổ đông lớn	25.879.945	39,6%	1	-	1
	- Trong nước	25.879.945	39,6%	1	-	1
	- Nước ngoài	-	-	-	-	-
II	Cổ phiếu quỹ	62	0,0%	1	1	-
III	Cổ đông ưu đãi**	9.683.933	14,8%	1	1	-
	- Trong nước	-	-	-	-	-
	- Nước ngoài	9.683.933	14,8%	1	1	-
IV	Cổ đông khác	29.740.341	45,5%	2.934	26	2.908
	- Trong nước	29.099.777	44,6%	2.881	14	2.867
	- Nước ngoài	640.564	1,0%	53	12	41
Tổng		65.304.281	100,0%	2.937	28	2.909
- Trong nước		54.979.784	84,2%	2.883	15	2.868
- Nước ngoài		10.324.497	15,8%	54	13	41

Cơ cấu cổ đông theo số lượng cổ phiếu nắm giữ (đối với cổ phiếu phổ thông):

Số cổ phần sở hữu	Số cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ biểu quyết
<100	546	12.400	0,0%
100 - 999	1.229	426.033	0,8%
1.000 - 9.999	884	2.545.788	4,6%
10.000 - 99.999	206	5.990.811	10,8%
100.000 - 999.999	68	19.591.903	35,2%
1.000.000 - 9.999.999	1	1.173.406	2,1%
10.000.000 - 99.999.999	1	25.879.945	46,5%
Tổng cộng	2.935	55.620.286	100,0%

Sở hữu cổ phần của người nội bộ và nhân sự chủ chốt

Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Điền Thị Lan Phương	Chủ tịch HĐQT	242.000	0,4%
Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	25.879.945	46,5%
Johan Nyvene	Thành viên HĐQT độc lập	55.000	0,1%
Hồ Hải Quân	Thành viên HĐQT	100.174	0,2%
Nguyễn Phi Bằng	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc tài chính	-	-
Hồ Thị Loan	Giám đốc Kinh doanh công nghiệp	5.707	0,0%
Lê Tuấn	Giám đốc Kinh doanh tiêu dùng	410.460	0,7%
Nguyễn Mạnh Cường	Giám đốc Marketing	119.040	0,2%
Ngô Sỹ Mạnh	Giám đốc Nhà máy Nafoods Miền Nam	181.490	0,3%
Nguyễn Thị Phương Hồng	Giám đốc Nhà máy Thực phẩm Nghệ An	38.625	0,1%
Đinh Thị Hoa Ngân	Giám đốc mua hàng	11.110	0,0%
Nguyễn Thị Trang	Kế toán trưởng	220.084	0,4%
Đặng Thị Thắm	Thư ký công ty	48.400	0,1%

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Phát thải khí nhà kính

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp

Phát thải khí nhà kính gắn liền với trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Nafoods Group, trong đó bao gồm phát thải trực tiếp (phạm vi 1) và phát thải gián tiếp (phạm vi 2) thông qua việc mua năng lượng từ bên ngoài như mô tả ở bảng dưới đây:

TT	Loại phát thải	Khối lượng phát thải (tấn CO ₂ e)	
		Năm 2024	Năm 2023
1	Phát thải trực tiếp – phạm vi 1	7.465	7.862
2	Phát thải gián tiếp – phạm vi 2	10.710	11.430
Tổng cộng		18.175	20.564

Lượng khí thải nhà kính giảm

11,6%

Sử dụng

NGUỒN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

“

Tổng phát thải KNK của Nafoods Group trong năm 2024 khoảng 18.175 tấn CO₂e tương ứng lần lượt 7.465 tấn CO₂e phát thải trực tiếp (phạm vi 1) và 10.710 tấn CO₂e phát thải gián tiếp (phạm vi 2). Tuy vậy, có đến 1.865 tấn CO₂e trong tổng phát thải KNK trong năm của Tập đoàn có nguồn gốc từ sinh khối để vận hành lò hơi thay cho than đá trong quá trình sản xuất, do đây được coi là nguồn năng lượng tái tạo, vậy nên tổng phát thải KNK ròng của Nafoods Group trong năm tài chính 2024 chỉ khoảng 16.310 tấn CO₂e.

So sánh với năm tài chính 2023, lượng phát thải khí nhà kính của Nafoods Group trong năm 2024 đã giảm khoảng 2.389 tấn CO₂e tương ứng với mức giảm là 11,6%. Mức giảm tuyệt đối của phát thải khí KNK có được là do Tập đoàn đã triển khai nhiều sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả và tích cực chuyển đổi năng lượng tại cơ sở, ngoài ra, việc giảm phát thải KNK so với năm trước đó còn đến từ thay đổi cơ cấu sản phẩm theo hướng giảm tỷ trọng sản phẩm tiêu tốn nhiều năng lượng cùng với đó là sản lượng sản xuất trong năm 2024 giảm nhẹ so với năm 2023.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính



Để giảm phát thải khí nhà kính, chúng tôi đã và đang triển khai nhiều sáng kiến khác nhau bao gồm thay thế hoàn toàn nhiên liệu hóa thạch như than đá bằng sinh khối (mùn cưa và hạt chanh leo) trong vận hành lò hơi, triển khai các chương trình nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, thu gom và xử lý nước thải, tái sử dụng nước, thay thế thiết bị chiếu sáng hiệu quả... tại các cơ sở sản xuất của Nafoods Group.

Ngoài ra, Tập đoàn đã và đang tích cực triển khai các sáng kiến khí hậu gắn liền với năng lượng tái tạo. Cụ thể, Tập đoàn đã kết hợp với các đối tác để nghiên cứu lắp đặt và vận hành hệ thống điện mặt trời áp mái tại Nhà máy Nasoco bổ sung và thay thế một phần năng lượng điện năng tiêu thụ tại chỗ. Dựa trên kết quả này, trong tương lai, chúng tôi sẽ tiếp tục nhân rộng tại các cơ sở sản xuất của mình. Không những vậy, Nafoods Group cũng tích cực thực hành các biện pháp loại bỏ và cô lập các-bon thông qua các hành động trồng cây xanh, duy trì thảm phủ thực vật và thúc đẩy ứng dụng nông nghiệp hữu cơ.

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

Nafoods Group đã sử dụng khoảng 60.979 tấn nguyên vật liệu trong năm 2024 để phục vụ cho quá trình sản xuất và ghi nhận giảm khoảng 30% so với 2023 trước đó. Do đặc thù ngành chế biến nông sản và sản xuất thực phẩm, nguyên liệu thô của Tập đoàn có nguồn gốc chủ yếu từ trái cây như chanh leo, thanh long, xoài, dứa... Do đó, nguyên liệu có nguồn gốc tái tạo chiếm tỷ lệ lớn trong cơ cấu sử dụng, đạt mức trên 90% trong tổng cơ cấu tiêu thụ nguyên vật liệu

Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức

Hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, Nafoods Group không ngừng nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên trong sản xuất, kinh doanh. Do đó, chúng tôi đã và đang tăng tỷ lệ nguyên vật liệu tái chế, tái sử dụng trong tổng khối lượng tiêu thụ. Tính đến hết năm 2024, tỷ lệ nguyên vật liệu có nguồn gốc tái chế, tái sử dụng bình quân của chúng tôi đã đạt mức trên 10% và được sử dụng phổ biến cho hoạt động đóng gói trong quy trình chế biến và sản xuất của Nafoods Group.

Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp



Xét khía cạnh tiêu thụ năng lượng, trong năm 2024, lượng điện tiêu thụ của toàn hệ thống là 15.787.875 kWh, 100% lượng điện tiêu thụ này là điện lưới được cung cấp bởi EVN và các Tập đoàn thành viên. Bên cạnh điện năng, chúng tôi còn sử dụng trực tiếp các loại nhiên liệu khác nhau bao gồm xăng, dầu diesel và sinh khối (mùn cưa, hạt chanh leo) cho các hoạt động phát điện, giao thông, ngoài giao thông và nổi hơi tại các cơ sở sản xuất của chúng tôi. So sánh với mức tiêu thụ năm 2023, mức tiêu thụ năng lượng ở tất cả các loại hình trong kỳ báo cáo đều đã giảm. Cụ thể các thông tin về sử dụng năng lượng được mô tả ở bảng dưới đây:

TT	Loại nhiên liệu, năng lượng	Đơn vị	Lượng sử dụng	
			Năm 2024	Năm 2023
1	Điện	kWh	15.787.875	15.990.134
2	Xăng	lít	439	1.658,3
3	DO	lít	49.258	40.341,8
4	LPG	kg	15.276	15.944
5	Sinh khối	tấn	1.792	2.319

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả



Trong những năm qua, Nafoods liên tục tìm kiếm và triển khai các chương trình sử dụng năng lượng hiệu quả tại các cơ sở sản xuất của chúng tôi, cụ thể:

- Triển khai các biện pháp theo dõi và giám sát tiêu thụ năng lượng tại cơ sở;
- Thay thế thiết bị chiếu sáng hiệu năng cao, tích cực sử dụng ánh sáng tự nhiên trong khu vực sản xuất;
- Theo dõi và cải thiện hiệu quả năng lượng của máy móc, thiết bị thông qua các hoạt động bảo trì hiệu quả;
- Từng bước triển khai các sáng kiến năng lượng tái tạo tại chỗ thông qua mô hình điện mặt trời áp mái;
- Từng bước triển khai công tác kiểm toán năng lượng cấp cơ sở.

Việc theo dõi sát hiệu quả sử dụng năng lượng hoạt động của từng dây chuyền sản xuất, cơ sở giúp Tập đoàn kịp thời phát triển các vấn đề tồn đọng và đưa ra những giải pháp sử dụng năng lượng hiệu quả, điều này kết hợp với việc sản lượng sản xuất giảm nhẹ do nguồn cung nguyên liệu bị thiếu hụt trong năm 2024 đã dẫn tới tổng lượng tiêu thụ điện đã giảm xuống. Tuy nhiên, do việc duy trì điều kiện

Tiêu thụ nước (Mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

sản xuất bắt buộc đã dẫn tới tiêu thụ điện bình quân cho mỗi đơn vị sản phẩm đã tăng từ 0,565 kWh/ kg sản phẩm lên 0,78 kWh/kg sản phẩm. Trong năm 2025, với điều kiện sản xuất được cải thiện kết hợp với các giải pháp tiết kiệm năng lượng được triển khai, Tập đoàn kỳ vọng hiệu suất sử dụng năng lượng sẽ được cải thiện đáng kể.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ đạo của Nafoods Group là chế biến nông sản, bởi vậy việc sử dụng nước trong sản xuất là thường xuyên và liên tục. Thông tin về dấu chân nước của chúng tôi được mô tả ở bảng dưới đây.

TT	Loại nguồn nước	Lượng nước tiêu thụ (m3)	
		Năm 2024	Năm 2023
1	Nước dưới đất	156.287	152.605
2	Nước mặt	166.098	244.937
3	Nước thủy cục (nước máy)	2.339	2.259
Tổng cộng		324.724	399.801



Trong năm 2024, Nafoods đã khai thác và sử dụng **khoảng 324.724 m3 nước các loại, giảm 18,8% so với lượng nước tiêu thụ trong năm 2023**. Sự thay đổi theo hướng giảm dấu chân nước của Nafoods Group là kết quả của việc áp dụng các biện pháp sử dụng nước hiệu quả và tái sử dụng nước, ngoài ra, do ảnh hưởng bởi kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2024 dẫn tới mức tổng mức tiêu thụ nước không tăng lên khi so với năm 2023.

Xét về cơ cấu nguồn nước được khai thác và sử dụng của Tập đoàn, nước mặt đang đóng vai trò chủ đạo với tỷ lệ khoảng 51,2%, sau đó lần lượt là nước dưới đất (48,1%) và nước máy (0,7%).

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

Bên cạnh điểm tích cực liên quan tăng hiệu quả sử dụng nước từ đó giảm sử dụng nước, Nafoods đã triển khaihiệu hoạt động tái sử dụng nước tại các cơ sở sản xuất kinh doanh phục vụ việc rửa đường, bề mặt, nguyên liệu... Tại Nhà máy Nafoods Tây Nguyên, hệ thống xử lý và tái sử dụng nước tại đây được lắp đặt và đi vào hoạt động đầy đủ. Kết chung cho thấy, tỷ lệ tái sử dụng nước trong năm 2024 của chúng tôi đã đạt gần 10% so với tổng lượng nước tiêu thụ của cả năm, điều này thể hiện sự cải thiện đáng kể so với các năm trước đó.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Liên quan đến tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường nói chung và nguồn nước nói riêng, Nafoods luôn chú trọng giảm tác động bất lợi tới môi trường và xã hội thông qua các hoạt động nhận diện và đánh giá rủi ro và tuân thủ. Bởi vậy, nước thải và từ các cơ sở của Tập đoàn luôn được thu gom và xử lý đạt Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia, công tác giám sát môi trường được thực hiện hàng năm một cách phù hợp và không phát hiện bất cứ sự cố không đạt chuẩn nào khi xả nước đã xử lý ra ngoài môi trường.
- Bên cạnh đó, công tác quản lý chất thải được Nafoods Group triển khai một cách đầy đủ và kịp thời với các đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý chất thải nguy hại và không nguy hại theo hợp đồng. Với sự tuân thủ, kiểm soát chặt chẽ theo quy trình nội bộ và quy định pháp luật, Tập đoàn không có bất cứ vi phạm về khía cạnh bảo vệ môi trường trong năm 2024.

Trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội

Cam kết về sự phát triển của cộng đồng và xã hội được thể hiện xuyên suốt trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Nafoods thông qua tầm nhìn và chính sách của Tập đoàn, và hiện thực hóa bằng các hỗ trợ thiết thực cho người nông dân nói riêng và các chương trình trách nhiệm xã hội. Trong năm 2024 vừa qua, chúng tôi đã lần lượt triển khai nhiều chương trình tập trung vào cộng đồng địa phương, cụ thể như sau:

- Chương trình bảo trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn tại địa phương;
- Tặng quà Tết đoàn viên cho nhân viên mắc bệnh hiểm nghèo;
- Chương trình đồng hành cùng Tết vì người nghèo;
- Hỗ trợ các hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn ở địa phương;
- Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng tiện ích ở địa phương;
- Chương trình Vang vọng yêu thương cho thiếu nhi;
- Hỗ trợ các gia đình cán bộ, nhân viên có hoàn cảnh khó khăn;
- Hỗ trợ phát triển phát triển kinh tế cho các hộ nông dân địa phương;
- Hỗ trợ khắc phục hậu quả bão lũ và thiên tai cùng đồng bào cả nước.

Bên cạnh các đóng góp trực tiếp cho cộng đồng như đã nêu ở trên, với chuỗi giá trị của mình, chúng tôi hiện đang thực hiện nhiều chương trình trách nhiệm xã hội khác bao gồm tạo việc làm cho cộng đồng địa phương và hỗ trợ người nông dân nâng cao hiệu quả đầu tư và ổn định nguồn thu nhập thông qua chương trình hợp tác, phát triển vùng trồng. Cụ thể:

- Với mục tiêu phát triển bao trùm cũng như sự bình đẳng trong lĩnh vực lao động: Nafoods Group luôn tích cực tuyển dụng lao động là người dân tộc thiểu số tại chỗ và tỷ lệ người dân tộc thiểu số hiện ở mức 17% trong tổng số lực lượng lao động của Tập đoàn, điều này đã góp phần tạo việc làm và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương nơi mà hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn diễn ra.
- Về hoạt động hợp tác phát triển vùng trồng, năm qua, Nafoods Group đã phát triển được 1.700 ha diện tích vùng trồng (1.600 ha chanh leo, 100 ha thanh long đỏ), hợp tác với gần 2.000 hộ nông dân ở các địa phương thông qua các tổ hợp tác/hợp tác



xã. Các hộ nông dân tham gia vào chương trình hợp tác phát triển vùng trồng của Tập đoàn sẽ được: (1) cung cấp nguồn giống và vật tư đầu vào đảm bảo chất lượng với giá hợp lý; (2) được hỗ trợ tư vấn kỹ thuật từ trồng đến canh tác và thu hoạch, giúp đảm bảo năng suất và chất lượng; và (3) được cam kết thu mua sản lượng ổn định với giá cả cạnh tranh. Thông qua phát triển vùng trồng bền vững Tập đoàn ổn định được nguồn cung nguyên liệu đầu vào (trái cây) đảm bảo truy xuất nguồn gốc cho các nhà máy sản xuất trong hệ thống, từ đó đảm bảo số lượng và chất lượng đáp ứng các đơn hàng xuất khẩu; đồng thời giúp người nông dân nâng cao hiệu quả đầu tư, cải thiện thu nhập bền vững, từ đó góp phần cho sự phát triển của cộng đồng, địa phương

Tổng giá trị của các chương trình hỗ trợ và phát triển cộng đồng được thực hiện bởi Tập đoàn trong năm 2024 khoảng 500.000.000 đồng.



03

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

- 88 Tổng quan Kinh tế vĩ mô và Ngành rau quả xuất khẩu
- 94 Báo cáo của Ban Điều hành về Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024
- 98 Hiệu quả sử dụng Tài sản, Nguồn vốn
- 100 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 102 Kế hoạch kinh doanh 2025

TỔNG QUAN KINH TẾ VĨ MÔ VÀ NGÀNH RAU QUẢ XUẤT KHẨU

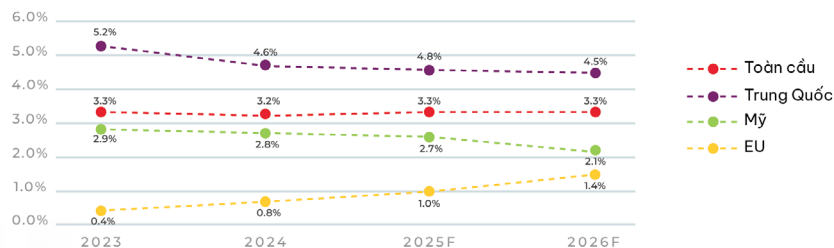
Kinh tế thế giới

Năm 2024, Theo IMF, GDP toàn cầu dự kiến tăng 3,2%, tăng trưởng kinh tế duy trì ổn định nhưng vẫn dưới mức trung bình trước đại dịch do lãi suất cao kéo dài, căng thẳng địa chính trị và thương mại suy yếu. Bất ổn tại Ukraine, Trung Đông, chủ nghĩa bảo hộ gia tăng và suy giảm thương mại tiếp tục là những thách thức cho tăng trưởng kinh tế.

Các nền kinh tế mới nổi đối mặt với áp lực lớn hơn từ dòng vốn đầu tư suy giảm và nợ công gia tăng. Lạm phát có xu hướng hạ nhiệt, tạo điều kiện cho các ngân hàng trung ương nới lỏng chính sách tiền tệ. Tuy nhiên, lãi suất vẫn ở mức cao, ảnh hưởng đến tiêu dùng và đầu tư.

Tăng trưởng kinh tế tại các thị trường xuất khẩu lớn của Tập đoàn không đồng đều và có sự phân hóa. Cụ thể, kinh tế Mỹ chứng kiến mức tăng trưởng khả quan nhờ chi tiêu tiêu dùng, đầu tư kinh doanh và xuất khẩu được cải thiện. Ở chiều ngược lại, Liên minh châu Âu (EU) hiện vẫn phải vật lộn với chi phí năng lượng cao và sự phục hồi chậm chạp, trong khi Trung Quốc vẫn đang phải nỗ lực chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế và bài toán thất nghiệp cao.

Tăng trưởng GDP toàn cầu & các thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam



Bước sang năm 2025, IMF dự báo GDP toàn cầu sẽ tăng nhẹ lên mức 3,3%. Lạm phát được kiểm chế, các ngân hàng trung ương dần nới lỏng chính sách tiền tệ, tạo điều kiện cho tăng trưởng kinh tế, tuy nhiên nền kinh tế thế giới được dự báo sẽ tiếp tục đối mặt với nhiều rủi ro và thách thức cho quá trình phục hồi đến từ căng thẳng thương mại và biến động địa chính trị

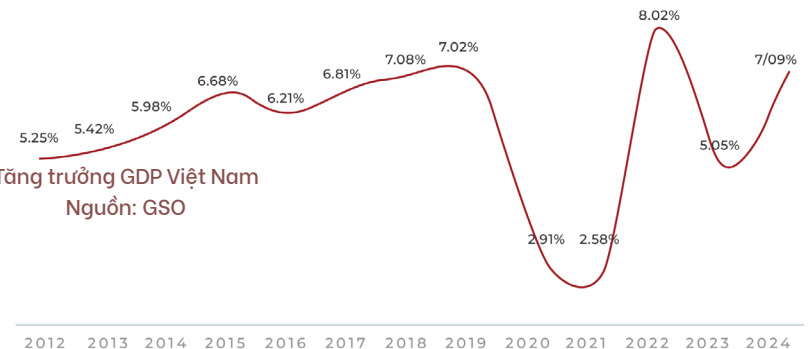
Kinh tế Việt Nam

Trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều bất ổn, kinh tế Việt Nam tiếp tục là điểm sáng khi kết quả năm 2024 vẫn tăng trưởng tích cực, quý sau cao hơn quý trước (quý I tăng 5,98%; quý II tăng 7,25%; quý III tăng 7,43%; quý IV tăng 7,55%), vượt mục tiêu Quốc hội đề ra, thuộc nhóm hiếm hoi các nước duy trì được mức tăng trưởng cao trong khu vực và thế giới. Tính chung cả năm 2024, GDP tăng 7,09% so với cùng kỳ.

Xuất, nhập khẩu hàng hóa ghi dấu ấn nổi bật và là động lực tăng trưởng kinh tế trong năm 2024 nhờ nhu cầu thị trường quốc tế đang trên đà phục hồi, đặc biệt là các sản phẩm công nghệ. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa năm 2024 đạt 786,29 tỷ USD, tăng 15,4% so với năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 14,3%; nhập khẩu tăng 16,7%. Cán cân thương mại hàng hóa năm 2024 ghi nhận xuất siêu 24,77 tỷ USD (so với cùng kỳ xuất siêu 28,4 tỷ USD). Đây là năm thứ 9 liên tiếp ghi nhận cán cân thương mại hàng hóa đạt xuất siêu, nhờ đó góp phần ổn định tỷ giá, tăng dự trữ ngoại hối của nền kinh tế.

Lạm phát được kiểm soát ở mức phù hợp, hỗ trợ tích cực cho tăng trưởng kinh tế. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2024 tăng 3,63% so với năm trước, vượt mục tiêu Quốc hội đề ra là 4% - 4,5%.

Tăng trưởng GDP Việt Nam
Nguồn: GSO



Năm 2024, Ngân hàng Nhà nước giữ nguyên các mức lãi suất điều hành ở mức thấp tạo điều kiện cho tổ chức tín dụng giảm lãi suất cho vay trên thị trường. Mặt bằng lãi suất cho vay đến tháng 12/2024 giảm khoảng 0,96%/năm so với cuối năm 2023. Chính sách tiền tệ nới lỏng của Ngân hàng Nhà nước cùng với việc Ngân hàng Dự trữ liên bang Mỹ (FED) giảm lãi suất đã góp phần đưa mặt bằng mức lãi suất huy động của các ngân hàng thương mại duy trì ở mức thấp, ổn định trong năm 2024.

Về thị trường ngoại hối, các cú sốc bên ngoài như chính sách lãi suất của FED, chênh lệch lãi suất giữa VND và USD một số giai đoạn tăng cao và các rủi ro địa chính trị đã tác động mạnh đến tỷ giá giữa đồng Việt Nam và đồng USD. Vào đầu quý II/2024, tỷ giá VND/USD đã tăng giá mạnh từ mức 24.650 VND/USD lên mức cao nhất năm 25.460 VND/USD chỉ trong gần 2 tháng, tương



đương đồng VND mất giá hơn 3% so với đồng USD. Trước diễn biến phức tạp của tỷ giá, Ngân hàng Nhà nước đã phải can thiệp linh hoạt thông qua nghiệp vụ bán USD từ dự trữ ngoại hối cũng như phát hành tín phiếu ngắn hạn nhằm giảm đà tăng của tỷ giá. Nhờ chính sách điều hành tỷ giá linh hoạt đã giúp thị trường ngoại tệ duy trì ổn định, các nhu cầu ngoại tệ của nền kinh tế được đáp ứng đầy đủ và tỷ giá diễn biến phù hợp, ổn định trong các tháng còn lại của năm 2024.



Sang năm 2025, mục tiêu tăng trưởng kinh tế được Quốc hội giao cho Chính phủ là 6,5 - 7%, phần đầu đạt 7 - 7,5%, trong khi đó, Chính phủ đặt chỉ tiêu tốc độ tăng trưởng kinh tế cả năm 2025 đạt trên 8% hoặc 10% trong điều kiện thuận lợi, phần ảnh hưởng về sự cải thiện hoạt động kinh tế trong năm 2025.

Đầu tư công và dòng vốn Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là hai trong số các động lực tăng trưởng quan trọng của kinh tế Việt Nam 2025. Cuộc cách mạng cải cách thể chế không chỉ giúp tăng hiệu quả quản lý nhà nước mà còn góp phần tạo ra môi trường đầu tư minh bạch hơn, giảm thời gian xử lý thủ tục và nâng cao khả năng cạnh tranh của Việt Nam so với các quốc gia trong khu vực.

Ngành xuất khẩu rau quả Việt Nam

Theo số liệu từ Tổng cục Hải quan, năm 2024, kim ngạch xuất khẩu rau quả Việt Nam đạt 7,15 tỷ USD, tăng 27,6% so với năm 2023. Đây là lần đầu tiên ngành xuất khẩu rau quả vượt qua ngưỡng 7 tỷ USD và là mức cao kỷ lục của ngành từ trước tới nay.

Sầu riêng tiếp tục là mặt hàng đóng góp lớn nhất vào sự tăng trưởng của ngành xuất khẩu rau quả Việt Nam năm 2024 với kim ngạch xuất khẩu ước đạt 3,3 tỷ USD, chiếm tới 46,2% tỷ trọng tổng kim ngạch rau quả, tăng hơn 1,1 tỷ USD so với năm trước. Đứng thứ hai là thanh long với kim ngạch đạt 435 triệu USD; tiếp theo lần lượt là chuối, xoài, mít, dứa, dưa hấu...

Về thị trường xuất khẩu của ngành rau quả, hầu hết các thị trường chính đều ghi nhận sự tăng trưởng mạnh trong năm 2024. Số liệu sơ bộ của Tổng cục Hải quan cho thấy Trung Quốc tiếp tục dẫn đầu với kim ngạch xuất khẩu năm 2024 đạt hơn 4,6 tỷ USD, chiếm 64,8% tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả và tăng 27,3% so với năm trước. Tiếp theo là thị trường Hoa Kỳ ước đạt 360,4 triệu USD, tăng 39,8%; Hàn Quốc đạt gần 315 triệu USD, tăng 39,5%; Thái Lan đạt 278,2 triệu USD, tăng 73,7%; EU đạt 268,6 triệu USD, tăng 6,6% so với năm 2023.



Dù có nhiều cơ hội, Việt Nam vẫn đối diện với không ít thách thức trong năm 2025, đặc biệt là những rủi ro từ chính sách thương mại của chính quyền Tổng thống Mỹ Donald Trump, vốn có thể tác động đáng kể đến nền kinh tế và chuỗi cung ứng toàn cầu. Nguy cơ bị áp thuế hoặc điều chỉnh chính sách thương mại hoàn toàn có thể xảy ra, tạo áp lực lên kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường Mỹ - một trong những đối tác thương mại quan trọng nhất. Bên cạnh đó, căng thẳng địa chính trị và các cuộc xung đột tại Ukraina, Trung Đông, có thể làm gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu, gia tăng chi phí logistic từ đó ảnh hưởng đến hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam cũng như sự phục hồi của nền kinh tế.

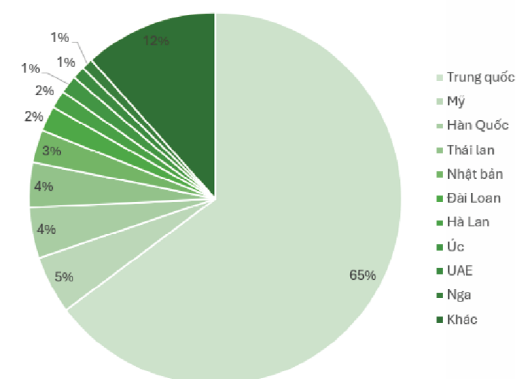
Lạm phát được dự báo sẽ tiếp tục được giữ ổn định ở mức khoảng 4%, dù có một số rủi ro từ các cú sốc giá năng lượng, lương thực toàn cầu. Tuy nhiên, áp lực đối với một số sản phẩm nông nghiệp dự kiến sẽ giảm bớt khi thời tiết chuyển từ El Nino sang La Nina mang lại điều kiện thu hoạch thuận lợi hơn.

Bên cạnh các tác động từ chính sách điều hành của FED, chính sách thuế quan của Chính phủ Mỹ là những rủi ro có thể ảnh hưởng đến tỷ giá năm 2025. Tuy vậy, với sự hỗ trợ từ cán cân thương mại thặng dư, dòng vốn FDI, kiều hối, tỷ giá được kỳ vọng sẽ tiếp tục được giữ ở mức ổn định trong năm 2025 (tăng khoảng 2% so với năm trước).

Ngành xuất khẩu rau quả Việt Nam (tiếp tục)



Kim ngạch xuất khẩu rau quả Việt Nam (triệu USD)



TOP10 thị trường xuất khẩu Rau quả 2024

Dự báo về triển vọng của năm 2025, ông Đặng Phúc Nguyên, Tổng thư ký Hiệp hội Rau quả, cho rằng xuất khẩu rau quả sẽ đạt mốc 8 tỷ USD, và ngành này sẽ sớm vào nhóm xuất khẩu đạt 10 tỷ USD vào năm 2027. Theo ông Nguyên, xuất khẩu rau quả còn rất nhiều dư địa mở rộng ở các thị trường lớn. Trong đó, có nhiều yếu tố mới xuất hiện như mặt hàng sầu riêng đông lạnh, dứa tươi xuất khẩu sang Trung Quốc, chanh dây hiện nay đang đàm phán với Hoa Kỳ.

Chủ tịch Hiệp hội Rau quả Việt Nam, ông Nguyễn Thanh Bình cho rằng, các doanh nghiệp cần chú trọng nâng cao năng lực chế biến và bảo quản sau thu hoạch, áp dụng công nghệ tiên tiến để tăng giá trị cho sản phẩm, đồng thời mở rộng thị trường xuất khẩu. Việc hoàn thiện các chuỗi liên kết từ vùng trồng, cơ sở đóng gói đến hệ thống kiểm dịch thực vật và tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn của thị trường nhập khẩu là yếu tố then chốt, giúp duy trì vị thế của rau, quả Việt Nam trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tổng quan Kết quả kinh doanh so với năm trước và so với kế hoạch

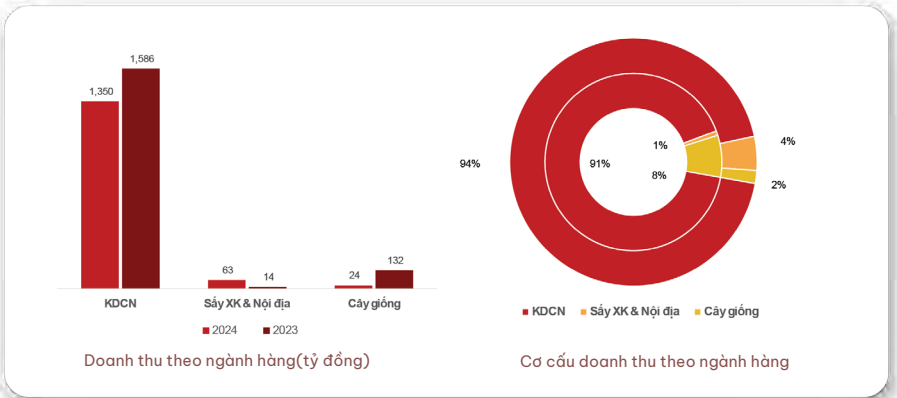
Chỉ tiêu	ĐVT	2024	2023	Tăng trưởng
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.437,0	1.733,3	-17,1%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	405,6	469,7	-13,7%
Biên lãi gộp	%	28,2%	27,1%	1,1%
Chi phí Bán hàng	Tỷ đồng	122,8	135,2	-9,2%
Chi phí QLDN	Tỷ đồng	121,6	170,2	-28,5%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	140,1	132,4	5,8%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	116,4	109,9	5,9%
Biên lợi nhuận sau thuế	%	8,1%	6,3%	1,8%
EBITDA	Tỷ đồng	293,3	247,1	18,7%

Năm 2024, do một số nguyên nhân chủ quan từ yếu tố nội tại và các diễn biến không thuận lợi trên thị trường chung, quy mô doanh thu thuần hợp nhất toàn Tập đoàn giảm 17,1%, đạt 1.437,0 tỷ đồng, chỉ bằng 65,3% kế hoạch đặt ra đầu năm.

Tuy vậy, nhờ việc chủ động kiểm soát chặt chẽ chi phí, tăng cường thu hồi công nợ, giảm trích lập dự phòng, kết quả EBITDA 2024 đạt 293,3 tỷ đồng, tăng 18,7% so với cùng kỳ; lợi nhuận sau thuế vẫn duy trì được đà tăng trưởng và đạt mức kỷ lục mới 116,4 tỷ đồng, tăng 5,9% so với năm trước, đạt 90,2% kế hoạch lợi nhuận đặt ra đầu năm.

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2024	% Thực hiện/ Kế hoạch
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.437,0	2.200,0	65,3%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	116,4	129,0	90,2%

Kết quả kinh doanh chi tiết theo từng ngành hàng



Ngành kinh doanh công nghiệp / Nước ép & IQF

Năm 2024 đánh dấu bước ngoặt quan trọng khi Tập đoàn tái cấu trúc danh mục sản phẩm, áp dụng các tiêu chuẩn chất lượng cao hơn nhằm đáp ứng các quy định nghiêm ngặt về nhập khẩu tại các thị trường chủ lực như EU và Mỹ. Điều này khiến khách hàng cần thời gian để chấp nhận các tiêu chuẩn và mức giá mới từ Tập đoàn dẫn tới suy giảm tạm thời trong doanh thu.



Bên cạnh đó, xét về yếu tố khách quan, năm 2024 chứng kiến sự sụt giảm nguồn cung các loại trái cây chủ lực như chanh leo, vải... do ảnh hưởng của yếu tố thời tiết. Tuy vậy, với chiến lược đa dạng hóa sản phẩm và sự linh hoạt trong vận hành, Tập đoàn đã chủ động mở rộng đầu tư, sản xuất và đẩy mạnh kinh doanh các sản phẩm khác như xoài, chuối... nhằm bù đắp sự thiếu hụt.



Kết quả, doanh thu thuần ngành Kinh doanh công nghiệp năm 2024 đạt 1.350 tỷ đồng, giảm 14,9% so với cùng kỳ do sự sụt giảm doanh thu ở một số loại quả chủ lực như chanh leo, vải... Tuy nhiên, các sản phẩm thay thế như xoài, chuối... ghi nhận mức tăng trưởng trên 60%. Sự mở rộng danh mục sản phẩm này, kết hợp với kỳ vọng phục hồi của các mặt hàng chủ lực, được kỳ vọng sẽ thúc đẩy doanh số ngành Kinh doanh công nghiệp tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2025.





Năm 2024, doanh thu ngành kinh doanh sản phẩm sấy và tiêu dùng đạt 63 tỷ đồng, tăng trưởng ấn tượng so với mức 14 tỷ đồng của năm trước. Công ty cũng đã gặt hái được những kết quả tích cực khi khai phá thành công các thị trường Châu Á (Đài Loan, Hàn Quốc...), Anh, Mỹ dù kỳ vọng phát triển sản phẩm sấy ở các thị trường xuất khẩu và nội địa có độ trễ so với kế hoạch.



Ngành kinh doanh sản phẩm sấy và tiêu dùng

Trong năm qua, Tập đoàn cũng từng bước hoàn thiện bộ sản phẩm tiêu dùng (26 SKUs) và xây dựng nhận diện thương hiệu ở thị trường nội địa với việc phát triển đa dạng các kênh phân phối, bao gồm kênh MT, kênh GT, kênh Horeca ,...

Và các kênh thương mại điện tử

Shopee Mall



Ngành kinh doanh cây giống



Cuối năm 2024, nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu chanh leo ổn định cho nhà máy trong năm tiếp theo, Tập đoàn đã chủ động hỗ trợ giảm giá giống để khuyến khích nông dân mở rộng diện tích canh tác. Do đó, doanh thu ngành kinh doanh cây giống năm 2024 đạt 24 tỷ đồng, giảm 81,5% so với cùng kỳ. Dù thị trường còn nhiều thách thức, ngành giống vẫn đạt được những kết quả tích cực trong năm qua. Đáng chú ý, Tập đoàn đã tập trung hoàn thiện hệ thống quản lý sản xuất và kiểm soát chất lượng cây giống, đảm bảo cung cấp cho thị trường và bà con nông dân những sản phẩm đạt tiêu chuẩn cao nhất. Đây là nền tảng quan trọng để duy trì vị thế dẫn đầu và sẵn sàng cho chu kỳ tăng trưởng tiếp theo.



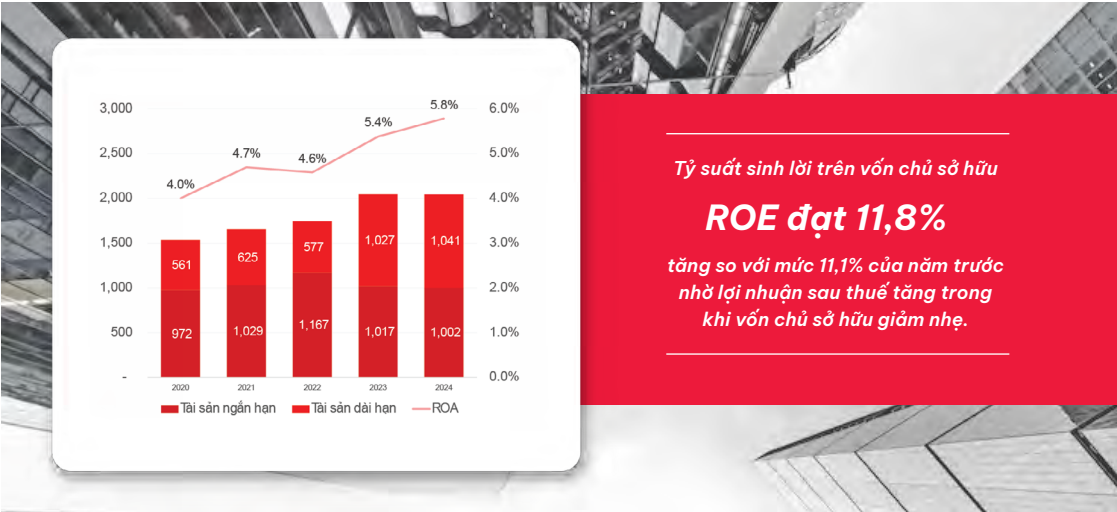
Năm qua chúng kiến bức tranh tương đối trầm lắng của ngành kinh doanh cây giống chanh leo của Tập đoàn. Tình hình thời tiết tại khu vực Tây Nguyên - vùng trồng cây chanh leo chính của Việt Nam - không được thuận lợi cho việc canh tác cây chanh leo, cùng với việc bị cạnh tranh bởi các loại cây trồng khác như cà phê, sầu riêng... làm giảm nhu cầu xuống giống chanh leo của người nông dân, dẫn đến sản lượng bán hàng của giống chanh leo của Tập đoàn bị suy giảm.



HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TÀI SẢN, NGUỒN VỐN

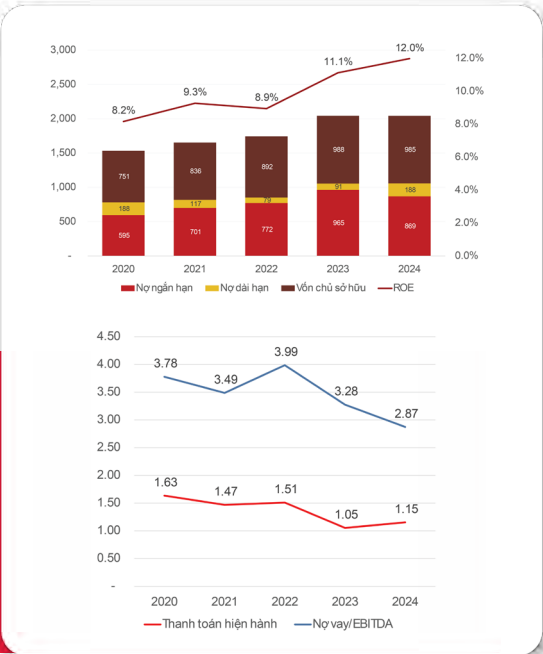
Quy mô tổng tài sản hợp nhất tại ngày 31/12/2024 của Công ty đạt 2.029 tỷ đồng, giảm nhẹ 0,7% so với cùng kỳ, do doanh thu giảm và trong năm Tập đoàn chỉ thực hiện các dự án đầu tư nhỏ, mang tính thường xuyên hoặc giải quyết một số nút thắt cổ chai. Cơ cấu tài sản cũng tương tự năm trước với tỷ lệ tài sản ngắn hạn và dài hạn xấp xỉ 50:50. Quy mô tài sản không tăng trong khi lợi nhuận sau thuế cải thiện giúp tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA) tiếp tục cải thiện lên mức 5,7% trong năm 2024.

	ĐVT	2020	2021	2022	2023	2024
Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.533	1.654	1.744	2.043	2.029
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	972	1.029	1.167	1.017	991
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	561	625	577	1.027	1.038
ROA	%	4,0%	4,7%	4,6%	5,4%	5,7%
Tổng nguồn vốn	Tỷ đồng	1.533	1.654	1.744	2.043	2.029
Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	595	701	772	965	856
Nợ dài hạn	Tỷ đồng	188	117	79	91	187
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	751	836	892	988	985
ROE	%	8,2%	9,3%	8,9%	11,1%	11,8%
Đòn bẩy tài chính & khả năng thanh toán						
Thanh toán hiện hành	Lần	1,63	1,47	1,51	1,05	1,16
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,04	0,98	0,95	1,07	1,06
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,70	0,68	0,73	0,82	0,86
Nợ vay/EBITDA	Lần	3,78	3,49	3,99	3,28	2,8



Tổng nợ phải trả tại ngày 31/12/2024 cũng không biến động nhiều so với năm trước, ở mức 1,044 tỷ đồng, nhưng bắt đầu có sự dịch chuyển từ nợ ngắn hạn sang nợ dài hạn. Điều này giúp chỉ số thanh toán hiện hành năm 2024 cải thiện lên mức 1,16 lần, so với mức 1,05 lần của năm trước.

Khả năng trả nợ của Công ty cũng liên tục được cải thiện qua 2 năm gần đây nhờ EBITDA có sự tăng trưởng đáng kể. Năm 2024, EBITDA của Công ty đạt 293,3 tỷ đồng, tăng 18,7%, giúp tỷ lệ Nợ vay/EBITDA giảm về mức 2,89 lần, cải thiện nhiều so với mức 3,99 lần của năm 2022.



Trong kỳ, Tập đoàn đã hoàn tất mua lại 2.675.000 cổ phần ưu đãi hoàn lại trên tổng số 12.358.933 cổ phần ưu đãi hoàn lại đã phát hành vào năm 2019 cho nhà đầu tư chiến lược IFC. Giao dịch này khiến vốn chủ sở hữu hợp nhất của Tập đoàn giảm 72,76 tỷ đồng, đồng thời làm tăng chỉ tiêu đòn bẩy tài chính. Tuy nhiên, đây là quyết định phù hợp với tình hình hiện tại khi giúp tiết giảm đáng kể chi phí tài chính và gia tăng lợi ích cho cổ đông, do lãi suất và tỷ suất sinh lời cam kết với IFC tương đối cao so với mặt bằng hiện tại.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Các kết quả đạt được trong năm 2024:

Cơ cấu tổ chức

Trên cơ sở cơ cấu tổ chức đã được HĐQT thông qua năm 2023, trong năm 2024, Tập đoàn đã tiến hành rà soát và xây dựng, hoàn thiện, cải tiến hệ thống sơ đồ cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ, mô tả công việc, hướng dẫn công việc cho tất cả các vị trí nhân sự, bộ phận, phòng ban. Quá trình này nhằm đảm bảo tính khoa học, hợp lý trong phân công nhiệm vụ, tối ưu hóa hiệu quả vận hành và nâng cao chất lượng quản lý nhân sự.

Quản trị Nguồn vốn

Trong năm vừa qua, công tác quản trị nguồn vốn của Tập đoàn tiếp tục đạt được các thành tựu đáng kể, với việc cải tiến và ban hành các Quy trình quản lý công nợ (phải thu và phải trả), Quy trình quản lý tồn quỹ, Quy trình thanh toán... Các quy trình này nhằm tăng cường quản lý chặt chẽ các khoản phải thu (AR) và phải trả (AP), giúp giảm thiểu thời gian chờ đợi trong chu kỳ thu chi, từ đó tăng cường khả năng thanh khoản của Công ty. Ngoài ra, việc thiết lập hạn mức vốn hợp lý, kết hợp với chiến lược quản lý tài chính hiệu quả, đóng vai trò quan trọng trong việc giúp doanh nghiệp duy trì mức vốn tối ưu, tránh tình trạng thiếu hụt ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh hoặc dư thừa gây lãng phí nguồn lực. Điều này không chỉ giúp Tập đoàn tối ưu hóa chi phí vốn mà còn tạo ra nguồn lực tài chính dồi dào, hỗ trợ hiệu quả các hoạt động kinh doanh và đầu tư, góp phần thúc đẩy tăng trưởng bền vững.

Kết quả, trong năm 2023, Tập đoàn đã duy trì và tiếp tục mở rộng mối quan hệ hợp tác, làm việc với hơn mười ngân hàng, tổ chức tín dụng từ đó nâng hạn mức tín dụng lên 1.355 tỷ đồng, tăng 21% so với năm trước. Chỉ số nợ vay trên EBITDA được kiểm soát ở mức an toàn dưới 3 lần, giảm so với mức gần 4 lần của năm 2022.

Quản trị Vận hành

Tiếp nối kết quả đạt được trong năm 2023, trong năm 2024, có 87 quy trình SOP của 25 bộ phận/phòng ban trong toàn Tập đoàn đã được cải tiến và/hoặc ban hành mới, giúp cải thiện hiệu quả vận hành, nâng cao năng suất, hiệu suất làm việc và giảm thiểu sai sót, lãng phí.



Quản trị cơ sở hạ tầng thông tin (ITIM)

Với nền tảng hệ thống hạ tầng IT đã được nâng cấp trong năm 2023, trong năm 2024, Công ty tiếp tục cải tiến và ban hành các Quy trình quản lý tài nguyên Công nghệ thông tin, Quy trình thiết kế xây dựng hệ thống phần mềm, Quy trình quản lý thiết bị Công nghệ thông tin, nhằm quản trị vận hành an toàn hệ thống Công nghệ thông tin của Công ty, nâng cao mức độ an toàn bảo mật, và tổ chức triển khai hệ thống hạ tầng kỹ thuật.. làm bước đệm vững chắc trong nỗ lực chuyển đổi số toàn diện hoạt động kinh doanh.

Quản trị Tài chính, đầu tư

Hệ thống quản trị tài chính của Tập đoàn năm qua được tiếp tục hoàn thiện, với việc xây dựng và ban hành các Quy trình xây dựng kế hoạch (Forecast) cho tất cả các khối kinh doanh, chuỗi cung ứng và các ban chức năng, Quy trình tổ chức họp Forecast và S&OP định kỳ hàng tháng, Quy trình lập và trình duyệt đầu tư tài sản. Cùng với các công cụ dự báo và phân tích tài chính tiên tiến, giúp bộ phận Tài chính của Tập đoàn quản lý hiệu quả ngân sách, dự báo và thực hiện các phân tích rủi ro tài chính, qua đó cải thiện sự chính xác trong các quyết định đầu tư và chi tiêu.



Quản trị Nguồn lực

Trong năm, Tập đoàn đã cải tiến và ban hành Quy trình Quản lý nguồn lực, Quy trình tuyển dụng, hội nhập, Quy trình đào tạo. Đồng thời bổ sung nhiều nhân sự mới cho các vị trí chuyên môn quan trọng, chú trọng xây dựng văn hóa doanh nghiệp và phát triển nguồn nhân lực thông qua việc đào tạo và phát triển kỹ năng cho nhân viên, để cao giá trị cốt lõi và tạo điều kiện cho sự phát triển cá nhân. Nhờ đó, đội ngũ nhân sự có năng lực cao, gắn kết và đóng góp quan trọng vào sự phát triển bền vững của Tập đoàn đã được hình thành..

Tiếp nối những thành quả đạt được sau quá trình tái cấu trúc 2 năm qua, năm 2024 là năm đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong việc thực thi chiến lược của Nafoods Group khi cơ bản hoàn tất quá trình tái cấu trúc hệ thống quản trị Tập đoàn, làm tiền đề cho giai đoạn mở rộng và tăng trưởng sắp tới.



KẾ HOẠCH KINH DOANH 2025

Nhìn chung năm 2025, dự báo các rủi ro tiềm ẩn từ môi trường kinh tế thế giới vẫn còn hiện hữu và tiếp tục tác động tiêu cực lên triển vọng phục hồi tăng trưởng kinh tế toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng. Trong bối cảnh đó, Ban điều hành nhận định, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nafoods dự kiến sẽ tiếp tục đối mặt với nhiều rủi ro, thách thức. Cụ thể:

- Tình hình thời tiết diễn biến bất ổn, khó lường, ảnh hưởng đến mùa vụ, sản lượng và giá các loại nguyên liệu đầu vào, trong khi áp lực cạnh tranh ngày một khốc liệt ảnh hưởng đến biên lợi nhuận của Công ty;
- Căng thẳng địa chính trị ảnh hưởng đến giá dầu, chi phí vận chuyển, logistic;
- Áp lực lạm phát, tăng lãi suất ảnh hưởng đến chi phí lãi vay và khả năng huy động vốn của Công ty;
- Căng thẳng thương mại do chính sách thuế quan từ Chính quyền Mỹ ảnh hưởng đến các hàng rào bảo hộ thuế quan và phí thuế quan của các thị trường xuất khẩu của Công ty;

- Tuy nhiên, với những nền tảng đã đạt được trong năm 2024 nêu trên, Ban điều hành tin tưởng và sẽ cùng toàn thể Cán bộ công nhân viên cam kết đoàn kết, nỗ lực phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

Các mục tiêu trọng tâm:

- Tăng trưởng, củng cố vị thế và thị phần
- Đảm bảo chất lượng sản phẩm ổn định, hướng đến truy xuất nguồn gốc
- Xây dựng chiều sâu kiến thức Know-how làm đòn bẩy cho cạnh tranh
- Chủ động quản trị, kiểm soát và liên tục cải tiến hệ thống ESG

Mục tiêu Thu mua & Phát triển vùng trồng



Phát triển 5.000 ha diện tích vùng trồng chanh leo, 100 ha diện tích vùng trồng thanh long, 100 ha diện tích vùng trồng Dứa MD2.

Tỷ lệ thu mua từ vùng trồng đạt trên 70%.
Chất lượng nguyên liệu đạt >95%.
Xây dựng bộ tiêu chuẩn nguyên liệu theo mùa vụ và thị trường xuất khẩu.

Phát triển trên 200 nhà cung cấp chất lượng cao. Xây dựng hệ thống nhà cung cấp chiến lược cho từng nhóm quả.
Tỷ lệ thu mua chính vụ trên 70%.

Mục tiêu Kinh doanh



Tăng trưởng 20% doanh số chanh leo và xoài.

Phát triển thị trường Trung Quốc, Úc bên cạnh duy trì và củng cố vị thế tại thị trường Châu Âu, Châu Mỹ.

Phát triển các sản phẩm mới: sầu riêng, chanh leo quả tươi. Tái khẳng định vị thế của sản phẩm dứa.

Quay lại thị trường Nga với các dòng sản phẩm sấy và thương hiệu Nafoods.

Mục tiêu Tài chính



Doanh thu thuần

1,985 Tỷ đồng

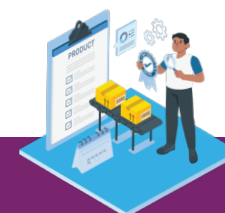
Tăng 38% so với thực hiện năm 2024

Lợi nhuận sau thuế

135 Tỷ đồng

Tăng 16% so với thực hiện năm 2024

Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới



Hoàn thiện bộ sản phẩm Juice Smile.

Phát triển danh mục sản phẩm đa dạng: Không đường, ít đường, có đường và áo gia vị.

Phát triển thêm các dòng sản phẩm sấy dẻo mới: mận, vải...

Phát triển các sản phẩm sấy giòn mới: trái cây, rau củ

Đa dạng bộ sản phẩm quả tươi: chanh leo, sầu riêng, dứa, xoài...

Mục tiêu quản lý sản xuất, đầu tư



Nâng cao công suất hiệu dụng >85%, tối đa sản xuất chính vụ.

Nâng cấp công suất sản xuất chanh leo, xoài... đảm bảo tính ổn định của dây chuyền sản xuất.

Hoàn tất đầu tư xây dựng nhà xưởng và dây chuyền sản xuất IQF tại nhà máy Nasoco.

Hoàn tất đầu tư nâng công suất sản xuất dịch tại nhà máy Nafoods Tây Nguyên. Đầu tư hệ thống dây chuyền sấy giòn mới.

Kiểm soát tiêu chuẩn sản phẩm, đảm bảo chỉ tiêu 100% sản phẩm không có dị vật.

04

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 106 Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công Ty
- 112 Báo cáo Giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành
- 115 Kế hoạch và định hướng của HĐQT năm 2025

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

”

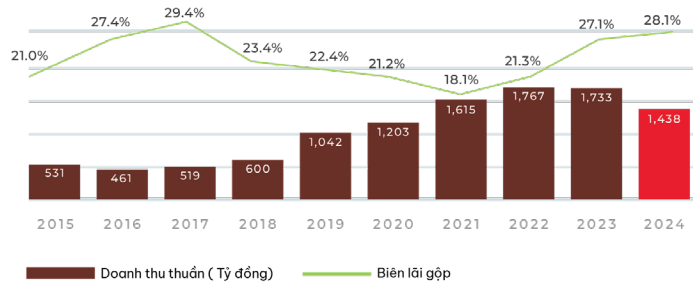
Năm 2024, kinh tế thế giới tiếp tục phục hồi nhưng với tốc độ chậm do đối mặt với nhiều khó khăn và biến động lớn. Căng thẳng địa chính trị tại Ukraina, Trung Đông làm gián đoạn chuỗi cung ứng, đẩy chi phí logistic tăng cao tại một số thời điểm. Lạm phát toàn cầu dù tiếp tục giảm nhưng lãi suất vẫn ở mức cao, ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu dùng và đầu tư. Trong nước, thời tiết cực đoan và thiên tai diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến năng suất và mùa vụ một số loại cây trồng.

Trong bối cảnh đó, dù không đạt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao phó, nhưng hoạt động sản xuất kinh doanh của Nafoods Group vẫn ghi nhận nhiều kết quả tích cực.

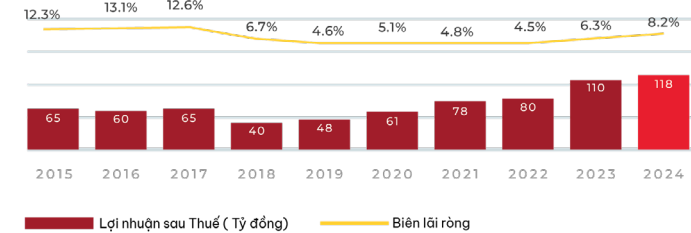
Tập trung vào chất lượng sản phẩm, cải thiện hiệu quả lợi nhuận

Sau giai đoạn tăng trưởng nhanh chóng, Nafoods Group đã nhận diện những rủi ro tiềm ẩn và thúc đẩy quá trình tái cơ cấu toàn diện, từ hệ thống quản trị đến chiến lược kinh doanh, hướng đến phát triển bền vững. Về chiến lược kinh doanh, Nafoods Group đã chủ động tạm ngừng kinh doanh các sản phẩm sấy xuất khẩu ở thị trường nhiều rủi ro như Nga. Đồng thời, trong bối cảnh thị trường và các đối thủ cạnh tranh đa phần tập trung vào cạnh tranh về giá, dẫn tới chất lượng sản phẩm thấp và tiềm ẩn nhiều rủi ro, Nafoods Group đã chủ động thay đổi, tái cấu trúc lại bộ sản phẩm, tập trung định vị “Premium” bằng các sản phẩm có chất lượng tốt hơn thị trường. Bên cạnh đó, Công ty cũng xây dựng chiến lược quản lý xuyên suốt chuỗi cung ứng, tồn kho chủ động, sản xuất lưu kho để cải thiện hiệu quả lợi nhuận.

TĂNG TRƯỞNG DOANH THU



TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN



Cùng với các nguyên nhân khách quan như diễn biến không thuận lợi của thị trường, yếu tố thời tiết ảnh hưởng mùa vụ... và thách thức từ quá trình tái cấu trúc khiến doanh thu của Công ty sụt giảm 17% trong năm 2024. Mặc dù vậy, điểm sáng là hiệu quả lợi nhuận tiếp tục có sự cải thiện khi Lợi nhuận sau thuế vẫn duy trì tăng trưởng và đạt kỷ lục mới.

Hội đồng quản trị tin tưởng rằng, sau quá trình tái cấu trúc mạnh mẽ vừa qua, kết quả sụt giảm doanh thu sẽ chỉ là tạm thời và bước đệm để Công ty tăng trưởng bền vững trong tương lai. Dự kiến từ năm 2025, doanh thu của Công ty sẽ tăng trưởng trở lại nhờ: (1) Xu hướng yêu cầu ngày một cao trong việc kiểm soát chất lượng sản phẩm ở các thị trường nhập khẩu và khách hàng cũng đã đủ thời gian để chấp nhận các tiêu chuẩn chất lượng và giá bán mới từ Công ty; và (2) Sự tăng trưởng từ các sản phẩm mới cộng hưởng với sự hồi phục của các sản phẩm chủ lực (chanh leo, vải).

Khai phá thị trường, sản phẩm mới

Dựa trên tiến độ đã đạt được sau 2 năm “khởi nghiệp”, ngành kinh doanh tiêu dùng của Nafoods Group đã bước đầu xây dựng được nhận diện thương hiệu tại thị trường nội địa. Cụ thể, trong năm 2024, bộ sản phẩm kinh doanh tiêu dùng của Nafoods Group tiếp tục được hoàn thiện với 26 SKUs sản phẩm, tăng thêm 8 SKUs so với năm 2023. Các sản phẩm này đã và đang được listing vào hơn 60 điểm bán, bao gồm đa dạng các kênh phân phối MT, GT, HORECA, và các sàn thương mại điện tử như Tiktok Shop, Shopee Mall, Lazada...



Năm qua, ngành kinh doanh các sản phẩm Sấy xuất khẩu của Nafoods Group đã khai phá thành công các thị trường cao cấp mới như Đài Loan, Hàn Quốc, Anh, Mỹ... Bên cạnh đó Công ty cũng từng bước phát triển lại thị trường Nga theo hướng nhà phân phối và chính sách giá dài hạn phù hợp với diễn biến thị trường.

Kết quả, Tổng doanh thu ngành kinh doanh các sản phẩm sấy xuất khẩu và tiêu dùng nội địa năm 2024 đạt 63 tỷ đồng, tăng 4,5 lần so với cùng kỳ.

Kỳ vọng, với chiến lược phát triển và cách làm mới này, doanh thu của ngành kinh doanh này sẽ tiếp tục có sự tăng trưởng vượt bậc trong thời gian tới, dần đóng góp nhiều hơn vào tăng trưởng doanh thu của Tập đoàn, giúp phân tán rủi ro phụ thuộc vào ngành kinh doanh công nghiệp.



Hoàn thiện mô hình quản trị

Sau hơn 2 năm thực hiện quá trình tái cấu trúc, Nafoods Group đã cơ bản hoàn thiện mô hình quản trị trong năm 2024.

HỆ THỐNG SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC



Tiếp tục được hoàn thiện với việc rà soát và cải tiến hệ thống mô tả công việc, chức năng nhiệm vụ, hướng dẫn công việc cho tất cả các vị trí nhân sự, bộ phận, phòng ban trong Tập đoàn. Đồng thời, Công ty cũng đã bổ sung nhiều nhân sự mới cho các vị trí chuyên môn quan trọng, tập trung cho công tác đào tạo và nâng cao chất lượng, chú trọng vào phát triển và ươm mầm nguồn nhân lực.

QUY TRÌNH VẬN HÀNH



Trong năm 2024, cùng với việc áp dụng các phần mềm quản lý tiên tiến như CRM, SRM, Fast Business Online... Công ty cũng đã thực hiện rà soát, cải tiến và ban hành mới 87 quy trình SOP, giúp cải thiện hiệu quả vận hành, nâng cao năng suất, hiệu suất làm việc và giảm thiểu sai sót, lãng phí.

Cải thiện năng lực vốn

Năm 2024 chứng kiến bước ngoặt mới trong việc quản trị nguồn vốn của Nafoods Group. Sau 5 năm kể từ ngày Nafoods Group nhận giải ngân 8 triệu USD vốn từ IFC, thông qua việc phát hành 12.358.933 cổ phiếu ưu đãi hoàn lại có thể chuyển đổi, Ban lãnh đạo Nafoods và IFC đã cùng nhìn nhận, đánh giá lại về hiệu quả và tính phù hợp của khoản đầu tư này trong bối cảnh hiện tại. Nafoods Group đánh giá rằng, khoản đầu tư của IFC không chỉ giúp Nafoods giải quyết nhu cầu cấp bách về vốn cho việc mở rộng và phát triển của Công ty giai đoạn 2019-2020, mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện uy tín của Nafoods trên thị trường vốn, tạo động lực cho Nafoods phát triển bền vững thông qua việc cải thiện các vấn đề về quản trị và hướng tới trách nhiệm môi trường và xã hội.

Tuy vậy, trong bối cảnh và chiến lược phát triển mới hiện tại, cả Nafoods Group và IFC đều cho rằng, khoản đầu tư này đã phát huy hết vai trò và các cam kết trước đây đã không còn phù hợp. Hai bên thống nhất chủ trương IFC sẽ thoái toàn bộ khoản đầu tư này tại Nafoods Group, thông qua việc Nafoods Group mua lại toàn bộ số cổ phần ưu đãi hoàn lại đã phát hành cho IFC trong năm 2024-2025. Việc mua lại này sẽ giúp khoản đầu tư của IFC đạt được tỷ suất sinh lời như kỳ vọng, đồng thời giúp Nafoods Group cơ cấu lại nguồn vốn, tiết giảm đáng kể chi phí tài chính trong môi trường lãi suất thấp hiện tại.

Kết thúc năm 2024, Nafoods Group đã hoàn tất mua lại 2.675.000 cổ phiếu ưu đãi đã phát hành cho IFC, với giá trị 72,76 tỷ đồng, và dự kiến sẽ tiếp tục và hoàn tất mua lại toàn bộ số cổ phiếu ưu đãi còn lại trong 6 tháng đầu năm 2025.



Bên cạnh việc tái cấu trúc khoản đầu tư của IFC, năng lực quản trị vốn của Công ty năm qua tiếp tục ghi nhận những thành tích nổi bật. Ngoài việc tái cơ cấu các khoản nợ vay, theo hướng tăng tỷ trọng các khoản vay trung dài hạn để giảm áp lực lên thanh khoản, bộ phận Ngân quỹ và huy động vốn của Công ty đã nỗ lực xây dựng, mở rộng mối quan hệ với các ngân hàng, tổ chức tín dụng, nhà đầu tư trong và ngoài nước nhằm gia tăng tổng hạn mức tín dụng ngắn hạn, chuẩn bị sẵn sàng cho việc huy động các nguồn vốn trung dài hạn, đáp ứng nhu cầu vốn cho giai đoạn mở rộng và tăng trưởng sắp tới. Kết quả, năm 2024, tổng hạn mức tín dụng ngắn hạn của Công ty đạt 1.355 tỷ đồng, tăng 21% so với năm trước, gần gấp đôi nhu cầu, dư nợ vay ngắn hạn, giúp đảm bảo rủi ro thanh khoản hệ thống trong mọi kịch bản.



Trách nhiệm môi trường & xã hội



Hoạt động thiện nguyện chia sẻ yêu thương với đồng bào vùng sâu vùng xa



Nafoods trao gửi yêu thương đến đồng bào miền Bắc do ảnh hưởng bão lũ

Hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, với tầm nhìn **“trở thành Tập đoàn tiên phong phát triển chuỗi nông nghiệp số hóa, xanh và bền vững”**, Nafoods Group luôn quan tâm chú trọng đến công tác quản trị rủi ro môi trường – xã hội. Hệ thống quản trị, quản lý các rủi ro môi trường – xã hội của chúng tôi chính thức được hình thành từ năm 2019, tại thời điểm bắt đầu hợp tác với IFC. Ngoài việc đáp ứng các yêu cầu cam kết với nhà đầu tư như IFC, Finnfund, chúng tôi hiểu rằng, việc quản trị tốt các rủi ro môi trường – xã hội và xây dựng một hệ thống quản trị minh bạch, mang lại năng lực cạnh tranh bền vững trên thị trường vốn, đồng thời nâng cao lợi thế thương hiệu, lợi thế kinh doanh khi thị trường ngày càng quan tâm và đòi hỏi sự cam kết phát triển bền vững của doanh nghiệp. Do vậy, chúng tôi hiểu rằng, liên tục cải tiến hệ thống quản trị môi trường – xã hội là một trong những mục tiêu hàng đầu trong chiến lược phát triển của Công ty.

Năm qua, Nafoods Group tiếp tục triển khai nhiều sáng kiến và biện pháp khác nhau nhằm giảm thiểu phát thải khí nhà kính, thực hiện các chương trình đánh giá, nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, thu gom và xử lý nước thải, tổ chức các chương trình hỗ trợ tư vấn kỹ thuật canh tác cho bà con nông dân, hỗ trợ cộng đồng... Bên cạnh đó, chúng tôi tiến hành rà soát lại toàn bộ hệ thống quản lý môi trường – xã hội của Tập đoàn từ đó có dữ liệu cho việc phân tích, đánh giá hiện trạng và các vấn đề còn tồn tại so với các tiêu chuẩn, thông lệ để có các giải pháp cải tiến, hoàn thiện.



Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban điều hành trong việc vận hành hệ thống quản trị rủi ro môi trường – xã hội trong thời gian vừa qua, và đã có những cam kết hỗ trợ trong thời gian tới. Kỳ vọng, từ năm 2025, hệ thống này sẽ tiếp tục được kiện toàn, từ cơ cấu tổ chức đến chính sách vận hành để không chỉ kiểm soát chặt chẽ các rủi ro về môi trường và xã hội, mà còn thể hiện trách nhiệm và vị thế của một Tập đoàn hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp.



BÁO CÁO GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BAN ĐIỀU HÀNH

Cách thức và nội dung giám sát

Căn cứ quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và quy định của pháp luật hiện hành, trong năm 2024, HĐQT đã thực hiện kiểm tra, giám sát, hoạt động của Tổng giám đốc và Ban điều hành trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và tổ chức thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và các Nghị quyết HĐQT đã được thông qua.



HĐQT thực hiện giám sát thông qua các Ủy ban trực thuộc HĐQT. Chủ tịch Ủy ban đưa ra các nội dung yêu cầu BDH chuẩn bị để trình bày trước HĐQT, đồng thời trao đổi với các thành viên BDH về các nội dung, vấn đề cần thiết. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với BDH của Công ty được thực hiện đúng theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT.

Năm 2024, HĐQT đã thực hiện giám sát Ban Điều hành các nội dung sau:

Tổ chức các cuộc họp do HĐQT chủ trì, thông qua các báo cáo, tờ trình của Tổng Giám đốc, trên cơ sở đó triển khai kế hoạch kinh doanh đồng bộ đến các công ty trong hệ thống Nafoods Group, đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, dự báo thị trường, xây dựng các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Chỉ đạo BDH lập kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 để trình ĐHĐCĐ thường niên thông qua.

Rà soát và tăng cường công tác quản trị công ty theo thông lệ quản trị tốt nhất nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông và các bên liên quan, tăng cường rà soát các hoạt động quản trị doanh nghiệp, các hoạt động kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro.

Quyết định bổ nhiệm, luân chuyển nhân sự cấp cao đảm bảo công tác điều hành công ty.

Thường xuyên và đột xuất kiểm tra hoạt động, kiểm tra công tác tài chính kế toán, kiểm tra tính tuân thủ của Ban điều hành cũng như việc thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với Người lao động, tạo được niềm tin của người lao động đối với công ty.

Giám sát, chỉ đạo BDH lập Báo cáo thường niên, Báo cáo tình hình quản trị công ty, tờ trình, tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.

Chỉ đạo BDH tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, thông qua các nội dung quan trọng trong kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024, miễn nhiệm và bầu bổ sung Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 - 2025, các nội dung khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Tổ chức chỉ đạo, giám sát thực hiện nghiêm túc chế độ các Báo cáo tài chính Quý, Báo cáo tài chính soát xét, Báo cáo thường niên 2023. Kiểm tra công tác tài chính kế toán, giám sát tính tuân thủ của Ban điều hành.

Bám sát việc thực thi Nghị quyết ĐHĐCĐ, các Nghị quyết của HĐQT và nghiêm chỉnh thực hiện các nội dung đã thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT theo đúng quy định của Điều lệ, và quy chế hoạt động của Công ty.

Chủ trì, chỉ đạo BDH và các phòng ban liên quan thực hiện việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức và mua lại một phần cổ phần ưu đãi hoàn lại phát hành năm 2019.

Tiến hành giám sát hoạt động kinh doanh, kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro tại các Công ty trong hệ thống Nafoods Group và tiến độ thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của các đơn vị.

Giám sát việc công bố thông tin và nộp các báo cáo theo quy định hiện hành, đảm bảo minh bạch, kịp thời theo đúng yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước.

Kết quả giám sát

Thông qua hoạt động giám sát cho thấy

Tổng Giám đốc đã thực hiện tốt vai trò điều hành hoạt động SXKD đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật và Quy chế của Công ty, luôn bám sát các Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT để chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của các Công ty trong hệ thống Tập đoàn.

Tổng Giám đốc luôn cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, tạo điều kiện cho Ủy ban Kiểm toán tiếp cận, kiểm tra tình hình tài chính và các hoạt động khác của Công ty.

Ban điều hành đã duy trì đều đặn lịch họp hàng tháng, quý để tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm để điều chỉnh các giải pháp quản lý và sản xuất một cách linh hoạt và đạt hiệu quả cao.

BĐH luôn chỉ đạo thực hiện việc công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật, và thực hiện việc công bố thông tin bằng song ngữ các thông tin định kỳ, tuân thủ việc chấp hành các quy định, yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước, đảm bảo công bằng, minh bạch, đảm bảo quyền lợi của cổ đông.

Trong bối cảnh tình hình thị trường biến động với nhiều điều kiện bất lợi, với những kết quả đạt được trong năm 2024, HĐQT đánh giá: Tổng Giám đốc và Ban điều hành đã tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định pháp luật hiện hành và quy chế hoạt động của Công ty.

Đặc biệt, Ban điều hành đã làm tốt công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường xuất khẩu và nội địa, cải tiến hệ thống quản lý, hướng đến hoàn thành mục tiêu chiến lược, đảm bảo ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động trong toàn hệ thống, nâng cao uy tín và vị thế của Công ty trên thị trường.



KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT NĂM 2025

Năm 2025, HĐQT tiếp tục duy trì và đẩy mạnh mọi mặt hoạt động theo đúng nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT, với phương hướng hoạt động cụ thể như sau:

- Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên 2025, bầu HĐQT nhiệm kỳ 2025 - 2030.
- Thông qua việc phân công nhiệm vụ chi tiết tới các Ủy ban trực thuộc HĐQT nói chung và các thành viên HĐQT nói riêng, đảm bảo hoạt động hiệu quả của HĐQT, góp phần vào sự phát triển chung của Công ty.
- Cập nhật, rà soát kế hoạch kinh doanh 2025-2028 và chiến lược 2025-2030.
- Phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2025 và giám sát việc triển khai kế hoạch kinh doanh theo định kỳ/hàng tháng, kịp thời hỗ trợ BĐH các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh, phấn đấu hoàn thành và vượt mục tiêu doanh thu, lợi nhuận năm 2025 mà ĐHĐCĐ thông qua.
- Triển khai thực hiện hiệu quả các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT nhằm đạt được các mục tiêu định hướng và kế hoạch kinh doanh và các chỉ số tài chính đã cam kết với Cổ đông của Công ty năm 2025.
- Tăng cường công tác Kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, triển khai các cuộc kiểm toán nội bộ theo kế hoạch được duyệt. HĐQT cũng sẽ tập trung vào các giải pháp quản lý rủi ro nhằm dự phòng cho các rủi ro về thuế quan, lạm phát, lãi suất, địa chính trị, chiến tranh, biến đổi khí hậu, mùa vụ và thị trường có ảnh hưởng lớn với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn. Các giải pháp toàn diện này bao gồm các phương án dự phòng trong sản xuất, tồn kho, tài chính - đầu tư, nguồn nhân lực, vật lực.
- Triển khai ứng dụng chuyển đổi số, phát triển bền vững trong các hoạt động sản xuất kinh doanh, các công nghệ mới và cải tiến hệ thống, văn hóa Doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tham gia hỗ trợ phát triển hoạt động kinh doanh, mở rộng thị trường, tập trung nguồn lực nhằm thực thi chiến lược kinh doanh để củng cố và gia tăng thị phần nội địa, tìm kiếm mở rộng thị trường xuất khẩu.





05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 118 Hội đồng quản trị
- 122 Ủy ban kiểm toán
- 126 Quản trị rủi ro
- 130 Các Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BDH, UBKT
- 132 Đánh giá thực hiện quy định về Quản trị công ty



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cơ cấu và hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2024, HĐQT tiếp tục bám sát các Nghị quyết ĐHĐCĐ, tổ chức, triển khai và nghiêm chỉnh thực hiện các nội dung đã thông qua tại ĐHĐCĐ. Các thành viên HĐQT, các Ủy ban trực thuộc HĐQT đã thực thi các nhiệm vụ một cách đầy đủ, kịp thời, theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ, và các quy chế hoạt động của Công ty.

Cơ cấu tổ chức của HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu	Ngày miễn nhiệm
1	Bà Diễm Thị Lan Phương	Chủ tịch HĐQT	01/09/2021	
2	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó chủ tịch HĐQT	23/05/2020	
3	Ông Johan Nyvene	Thành viên HĐQT độc lập	23/05/2020	
4	Ông Phạm Duy Thái	Thành viên HĐQT	23/05/2020	22/04/2024
5	Ông Nguyễn Phi Bằng	Thành viên HĐQT	30/11/2023	
6	Ông Hồ Hải Quân	Thành viên HĐQT	22/04/2024	

Các cuộc họp của HĐQT trong năm 2024

Trong năm 2024 HĐQT đã tiến hành tổ chức 09 cuộc họp HĐQT trực tiếp, lấy ý kiến bằng văn bản để thảo luận và thông qua các nội dung quan trọng trong việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh. Số buổi họp và tỷ lệ tham dự họp của các Thành viên HĐQT cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Diễm Thị Lan Phương	9/9	100%
2	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	9/9	100%
3	Ông Johan Nyvene	9/9	100%
4	Ông Phạm Duy Thái	4/4	100%
5	Ông Nguyễn Phi Bằng	9/9	100%
6	Ông Hồ Hải Quân	5/5	100%

Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành trong năm

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2024/NQ-HĐQT	28/02/2024	- Thông qua việc chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.	100%
2	02/2024/NQ-HĐQT	27/03/2024	- Thông qua việc thay đổi địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2024. - Thông qua việc miễn nhiệm chức danh quản lý đối với Ông Hồ Hải Quân, Ông Phạm Duy Thái	100%
3	03/2024/NQ-HĐQT	01/04/2024	- Thông qua tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024.	100%
4	04/2024/NQ-HĐQT	12/04/2024	- Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh Quý I/2024. - Thông qua Cơ cấu tổ chức và quản lý Công ty CP Nafoods Group. - Thông qua việc thành lập Văn phòng Hội đồng quản trị - Thông qua việc miễn nhiệm và bổ nhiệm chức danh Người phụ trách quản trị Công ty	100%
5	05/2024/NQ-HĐQT	27/06/2024	- Thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2022.	100%
7	07/2024/NQ-HĐQT	14/08/2024	- Thông qua việc chốt danh sách cổ đông của Công ty cổ phần Nafoods Group. - Thông qua định hướng xây dựng Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.	100%
8	08/2024/NQ-HĐQT	12/12/2024	- Thông qua Báo cáo nghiên cứu khả thi và phê duyệt ngân sách đầu tư các dự án.	100%
9	09/2024/NQ-HĐQT	12/12/2024	- Thông qua việc triển khai thực hiện phương án mua lại Cổ Phiếu Ưu Đãi Hoàn Lại - Đợt 2.	100%

Hoạt động của các thành viên HĐQT độc lập

Trong năm, thành viên HĐQT độc lập đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và Ủy ban kiểm toán, cho những ý kiến, biểu quyết độc lập về các vấn đề được HĐQT đưa ra thảo luận; tham gia giám sát, định hướng và hỗ trợ hoạt động của Ban điều hành theo sự phân công của HĐQT.

Thành viên HĐQT độc lập đã có nhiều đóng góp cho hoạt động của HĐQT nói riêng và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nói chung, với nguyên tắc chủ động, độc lập trong các hoạt động của HĐQT tham gia giám sát, hỗ trợ, chỉ đạo Ban điều hành theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

Trong năm 2024, Thành viên độc lập HĐQT không nhận thấy rủi ro trọng yếu nào được hình thành trong việc tuân thủ pháp luật, điều lệ, quy định của các nhân viên và quản lý công ty. Các hoạt động kiểm toán nội bộ và quản trị rủi ro được thực hiện một cách đầy đủ, kịp thời, tuân thủ quy trình, quy định, đảm bảo hiệu quả công việc và kế hoạch hành động mà HĐQT và BĐH đã đề ra.

Hoạt động của các ủy ban trực thuộc HĐQT

Ủy ban chiến lược, nhân sự và lương thưởng

Trong năm 2024, Ủy ban chiến lược, nhân sự và lương thưởng đã thực hiện hỗ trợ tham mưu, soát xét các văn bản liên quan đến chiến lược nhân sự, lương thưởng của hệ thống trước khi trình HĐQT, thực hiện công việc giám sát các hoạt động liên quan đến Chiến lược, nhân sự và lương thưởng của BĐH.

Ủy ban Chiến lược, nhân sự và lương thưởng thực hiện đánh giá hiệu quả hoạt động của các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, thành viên BĐH, đề xuất khen thưởng giai đoạn 6 tháng và cả năm 2024. Ủy ban đã chỉ đạo BĐH đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tư vấn, đề cử với HĐQT các ứng viên vào HĐQT, Ban kiểm soát, người đại diện quản lý vốn tại các đơn vị trong hệ thống.

Ủy ban tiếp tục chỉ đạo tổ chức nhiều chương trình đào tạo nội bộ và đào tạo bên ngoài dành cho đối tượng là thành viên BĐH và quản lý cấp trung. Với các nội dung đào tạo đa dạng nhằm nâng cao năng lực quản lý, quản trị rủi ro... góp phần nâng cao chất lượng nhân sự hệ thống. Tại các buổi đào tạo không chỉ có sự giao lưu chia sẻ của các thành viên thuộc Ủy ban mà còn có cơ hội trao đổi kinh nghiệm, kiến thức của các chuyên gia, cố vấn, các thành viên BĐH trong hệ sinh thái Nafoods Group.

Ủy ban Chiến lược, nhân sự và lương thưởng đã chỉ đạo các phòng/ban/nhân sự liên quan trong việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống SOP, bộ phân quyền, ủy quyền trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thành sơ đồ cơ cấu tổ chức và quản lý Công ty. Hoàn thiện chính sách lương, thưởng và chính sách phúc lợi khác của Công ty; xem xét, xây dựng và đề xuất chính sách thưởng KPI hàng quý cho các cán bộ công nhân viên trên toàn Nafoods Group. Ngoài ra, đại diện Ủy ban còn tham gia vào công tác đánh giá, khen thưởng, kỷ luật các nhân sự trong hệ thống thuộc quyền hạn của mình.

Ủy ban kiểm toán

Năm 2024, Ủy ban kiểm toán đóng vai trò đơn vị tham mưu, hỗ trợ HĐQT thông qua việc thực thi các hoạt động kiểm tra, đánh giá rủi ro, rà soát việc tuân thủ quy trình, quy định của Tập đoàn, đưa ra các ý kiến độc lập, khách quan, đã thực hiện vai trò của mình thông qua các công việc sau:

- Ủy ban kiểm toán đã chỉ đạo phòng Kiểm soát nội bộ tiếp cận, tìm hiểu, đánh giá hệ thống/phối hợp với các Đơn vị/Khối/Phòng Ban để các Đơn vị/Khối/Phòng Ban đăng ký rủi ro và lập kế hoạch giảm thiểu, phòng ngừa rủi ro. Định kỳ hàng quý, Ủy ban Kiểm toán đã tham gia trao đổi với công ty kiểm toán, kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro nhằm nắm bắt kịp thời tình hình tài chính, xem xét đánh giá các rủi ro trong quá trình hoạt động và hướng phòng ngừa, khắc phục, đảm bảo việc tuân thủ các quy định, quy trình của Công ty.
- Ủy ban kiểm toán tham gia vào các cuộc họp giao ban định kỳ giữa lãnh đạo công ty và cán bộ quản lý, trao đổi về cách thực hiện kế hoạch và kết quả sản xuất kinh doanh. Các thông tin đều được cập nhật kịp thời, minh bạch, rõ ràng theo quy định của luật chứng khoán và pháp luật có liên quan. Chia sẻ, công bố thông tin công khai, minh bạch nhằm cập nhật kịp thời cho cổ đông, nhà đầu tư.
- Kiểm soát tính tuân thủ SOP, song song với việc tiếp tục hoàn thiện bộ SOP (Quy trình quy chuẩn). Thực hiện củng cố hệ thống quy trình, quy chuẩn cho các khối phòng ban thông qua việc soát xét, đào tạo lập và đánh giá chất lượng các quy trình chính sách cần có, đồng thời soát xét, đánh giá phương án để hạn chế và giảm thiểu rủi ro đã được nhận diện từ các khối phòng ban kiểm tra, giám sát hoạt động tuân thủ hệ thống quy trình của các đơn vị trong

công ty và đưa ra kiến nghị nhằm kiện toàn hệ thống kiểm soát nội bộ, quy trình quản trị và quy trình quản lý rủi ro.

- Tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty trong công tác quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Giám sát hoạt động của BĐH về việc triển khai thực hiện việc chấp hành các Nghị quyết của ĐHCĐ, HĐQT đã được thông qua. Đại diện UBKT tham gia các cuộc họp định kỳ của Ban điều hành, ghi nhận, đánh giá kết quả SXKD và tư vấn, đóng góp ý kiến cho kế hoạch kinh doanh của Công ty.
- Thực hiện việc soát xét Báo cáo tài chính (“BCTC”) đã được soát xét 6 tháng năm 2024, và các BCTC hàng quý, nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của các số liệu trên BCTC và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của công ty, đảm bảo phù hợp với chuẩn mực Chế độ kế toán, quy định pháp luật hiện hành.
- Giám sát hoạt động kinh doanh, hoạt động kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và tình hình tài chính của các công ty thành viên.

Ủy ban Đầu tư

Trong năm 2024, Ủy ban Đầu tư đã thực hiện vai trò của mình trong các nội dung sau:

- Tổ chức giám sát việc triển khai thực hiện các dự án do Tập đoàn là chủ đầu tư và hoạt động đầu tư của các công ty trong hệ sinh thái Nafoods.
- Xem xét, phê duyệt các báo cáo nghiên cứu khả thi trước khi trình HĐQT.
- Thẩm định chiến lược đầu tư (đầu tư, M&A, liên doanh, liên kết) của tập đoàn do TGD trình, trình HĐQT.
- Chỉ đạo, giám sát và báo cáo HĐQT về việc thực thi các điều khoản cam kết với cổ đông và nhà đầu tư (bao gồm IFC, Finnfund, các cổ đông là nhà đầu tư tài chính quốc tế, và các cổ đông nhỏ, trong nước).



ỦY BAN KIỂM TOÁN

Cơ cấu và hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2024, UBKT có 02 thành viên, cơ cấu thành viên của Ủy ban không thay đổi so với năm 2023.

Cụ thể thông tin các thành viên được tóm tắt như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngày bắt đầu là thành viên	Tình độ chuyên môn
1	Ông Johan Nyvene	Chủ tịch UBKT	30/09/2022	Cử nhân tài chính
2	Bà Diễm Thị Lan Phương	Thành viên UBKT	18/10/2021	Cử nhân tài chính

Các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

Trong năm 2024, UBKT đã tổ chức 03 cuộc họp với đầy đủ thành viên tham gia. Ngoài ra, các thành viên của UBKT thường xuyên làm việc, trao đổi công việc qua email, điện thoại để làm rõ những vấn đề chuyên môn liên quan và giải quyết kịp thời các công việc đột xuất.

STT	Thành viên UBKT	Số buổi tham dự	Tỷ lệ tham dự	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự
1	Ông Johan Nyvene	3/3	100%	100%	
2	Bà Diễm Thị Lan Phương	3/3	100%	100%	

Hoạt động Giám sát của UBKT đối với HĐQT, BDH và cổ đông

Trong năm 2024, các thành viên UBKT tham gia các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp tháng của BDH. Đóng góp ý kiến, chỉ đạo thực hiện các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT, BDH, đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Đồng thời, tham mưu, hỗ trợ HĐQT thông qua việc thực thi các hoạt động kiểm tra, đánh giá rủi ro, rà soát việc tuân thủ quy trình, quy định của Tập đoàn, đưa ra các ý kiến độc lập, khách quan.

- Ủy ban kiểm toán đã trực tiếp theo dõi hoạt động của HĐQT thông qua các cuộc họp, trao đổi trực tiếp và tham gia biểu quyết đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT.
- Trong năm, Ủy ban kiểm toán đã kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- Tiếp xúc trực tiếp với Tổng giám đốc để nắm tình hình hoạt động của Công ty.
- Thực hiện giám sát hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty, định kỳ yêu cầu các phòng ban chuyên trách thực hiện báo cáo và cung cấp thông tin liên quan đến quản trị Công ty.
- Thực hiện soát xét Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023, Báo cáo soát xét bán niên 2024 và các BCTC Quý trong năm, nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán, quy định pháp luật hiện hành.
- Chỉ đạo Bộ phận Kiểm soát nội bộ thực hiện giám sát và đánh giá tuân thủ tại Công ty, từ đó đưa ra các tư vấn hữu hiệu và kịp thời nhằm hỗ trợ đạt được các mục tiêu định hướng của Tập đoàn.
- Việc thực hiện bổ nhiệm và miễn nhiệm các thành viên trong cơ cấu thành viên HĐQT, BDH trong

năm 2024 đã được cổ đông công ty và các thành viên HĐQT thông qua và đúng theo quy định của pháp luật hiện hành cũng như Điều lệ Công ty.

Nhìn chung, hoạt động của HĐQT Công ty đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, phù hợp với Quy chế Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và Điều lệ hiện hành, đảm bảo quyền lợi của cổ đông.

BDH đã tuân thủ đúng chức năng, nhiệm vụ và phân quyền của HĐQT, tích cực triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT Công ty. Trong năm, Ủy ban Kiểm toán không nhận được khiếu nại của cổ đông về các sai phạm của HĐQT và TGD trong quá trình triển khai các nhiệm vụ được giao.

Sự phối hợp hoạt động giữa UBKT đối với các hoạt động của HĐQT, BDH và các cán bộ quản lý khác

- UBKT đã phối hợp chặt chẽ với đối với hoạt động của HĐQT, BDH và các cán bộ quản lý khác. Hàng tháng, UBKT tham gia đầy đủ các cuộc họp thường trực HĐQT, cuộc họp ĐHĐCĐ, tham gia đóng góp ý kiến, phân biệt các báo cáo của BDH. Từ đó kịp thời tham mưu, đưa ra các giải pháp khi BDH yêu cầu hỗ trợ, trao đổi với các Thành viên HĐQT đối với các vấn đề cấp độ HĐQT cần xem xét, biểu quyết.
- Trong năm 2024, Ủy ban Kiểm toán đã nhận được sự phối hợp kịp thời và được tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện nhiệm vụ giám sát của mình từ phía HĐQT, TGD, BDH và các cán bộ quản lý chủ chốt của công ty, thông qua việc cung cấp đầy đủ, kịp thời các tài liệu, thông tin liên quan đến tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, tình hình quản trị Công ty.
- Định kỳ hàng quý trao đổi với công ty kiểm toán, Kiểm toán nội bộ, Kiểm soát nội bộ và Quản lý rủi ro nhằm thực hiện hiệu quả và kịp thời việc xem xét đánh giá tình hình tài chính, quản lý rủi ro trong quá trình hoạt động và hướng phòng ngừa, đảm bảo việc tuân thủ quy định, quy trình của Công ty, đồng thời báo cáo đầy đủ hoạt động của UBKT đến HĐQT.

Kết quả giám sát của UBKT

Giám sát Báo cáo tài chính

- Các báo cáo tài chính bán niên và năm được thành lập và công bố phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và quy định pháp luật hiện hành.
- Áp dụng nhất quán các chính sách kế toán và nguyên tắc xác định các ước tính kế toán từ kỳ kế toán năm trước. Việc áp dụng các chính sách và nguyên tắc kế toán được đánh giá là phù hợp với đặc điểm hoạt động của Công ty trong điều kiện sản xuất kinh doanh trong năm vừa qua.
- Không phát hiện sai sót trọng yếu, gian lận hoặc rủi ro gian lận tiềm tàng trên báo cáo tài chính.
- Không ghi nhận bất kỳ các trường hợp phát sinh giao dịch bất thường giữa các bên liên quan.
- UBKT đã thực hiện xem xét BCTC các quý, BCTC bán niên và BCTC năm 2024 trên cơ sở báo cáo kết quả kiểm toán của Kiểm toán độc lập, nhất trí với kết luận và những đánh giá của đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Grant Thornton Việt Nam lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Theo đó, BCTC được lập và trình bày trung thực, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành.

Giám sát dịch vụ kiểm toán độc lập

- UBKT và BDH đã thực hiện quy trình đánh giá chất lượng kiểm toán độc lập trong quá trình thực hiện kiểm toán 2024 và Grant Thornton Việt Nam đã đáp ứng tốt các tiêu chí đánh giá chủ yếu như: Đảm bảo độ tin cậy, trung thực và chất lượng của báo cáo kiểm toán BCTC; tuân thủ thời hạn kiểm toán theo quy định; tuân thủ các quy định về nghề nghiệp, đảm bảo tính độc lập, khách quan khi đưa ra các ý kiến kiểm toán cũng như các tiêu chí khác trong đánh giá năng lực kiểm toán và sự phối hợp công việc giữa Grant Thornton Việt Nam và Công ty.
- Công ty Kiểm toán độc lập đã hoàn thành nhiệm vụ, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng kiểm toán đã ký kết và đáp ứng kỳ vọng của UBKT.

Giám sát hệ thống Kiểm soát nội bộ

- Việc áp dụng bộ phân quyền tập trung cho Công ty được thực hiện tuân thủ và chấp hành nhằm đảm bảo việc giao quyền, phân quyền ra quyết định phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đảm bảo nguyên tắc kiểm tra chéo, phân cấp phân quyền với mục tiêu hạn chế rủi ro.
- Các quy trình nghiệp vụ được ban hành, cập nhật, hướng dẫn thực hiện và quản lý bởi từng đơn vị chuyên trách. Việc tuân thủ các quy trình được thực hiện tốt và có xu hướng tích cực theo thời gian áp dụng. Hệ thống kiểm soát nội bộ được liên tục hoàn thiện, nhằm đảm bảo khuôn khổ thực thi hữu hiệu trong giai đoạn tái cơ cấu tổ chức.
- Quy trình Lập – Soát xét – Phê duyệt chiến lược 2023–2028 đã và đang được thực hiện chuẩn hóa, hoàn thiện.

Giám sát hệ thống Kiểm toán nội bộ & Quản trị rủi ro

- Phòng Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro được thành lập tuân thủ quy định pháp luật hiện hành. Quy chế Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro của Công ty Cổ Phần Nafoods Group được thông qua và ban hành theo Nghị Quyết 03/2022/NQ/HĐQT ngày 04 tháng 04 năm 2022 bởi Hội đồng quản trị.
- Kiểm toán nội bộ chủ động thực hiện các hoạt động phối hợp, tư vấn trong hoạt động quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ thay vì chỉ thực hiện các cuộc kiểm toán, đánh giá thuần túy.
- Kế hoạch kiểm toán năm được lập theo nguyên tắc bám sát các rủi ro trọng yếu trong hoạt động của Công ty. KTNB đã tham vấn ý kiến và trao đổi với BDH hành trước khi lập kế hoạch và trình UBKT phê duyệt kế hoạch hàng năm.
- Các cuộc kiểm toán đánh giá đã được thực hiện định kỳ theo kế hoạch và đột xuất theo chỉ đạo của UBKT dựa trên định hướng rủi ro và hoàn thành tốt trong phạm vi thời gian và nguồn lực cho phép.
- Các khuyến nghị và cảnh báo của Kiểm toán nội bộ được đơn vị đồng thuận, tiếp thu và nghiêm túc thực hiện thông qua các báo cáo cải thiện định kỳ và được theo dõi sát sao, góp ý thường xuyên bởi Kiểm toán nội bộ.
- Kết thúc năm tài chính, KTNB đã hoàn thành kế hoạch theo đúng thời gian và nguồn lực dự kiến, góp phần vào cải thiện quy trình quản lý, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, cải thiện hệ thống kiểm soát nội bộ và hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Xây dựng và truyền tải văn hóa quản lý rủi ro đến từng nhân viên trong Công ty theo định hướng quản trị rủi ro phải được thực hiện đến từng cá nhân, với mục đích nâng cao nhận thức về rủi ro, xây dựng văn hóa quản lý rủi ro trong từng hoạt động và ghi nhận các rủi ro mới nổi, góp phần trợ giúp các cá nhân, đơn vị trong việc nhận diện và đánh giá các rủi ro tiềm ẩn trong từng hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý, đầu tư... của Công ty.

- Theo chỉ đạo của UBKT và BDH, Phòng KTNB đã phối hợp với các Khối/phòng/ban xây dựng Danh mục rủi ro tương ứng nhằm kiểm soát rủi ro của từng đơn vị
- Thực hiện việc chuyển đổi số thông qua việc phối hợp với bộ phận IT thiết lập chương trình Risk Management System nhằm gia tăng kiểm soát hiệu quả các rủi ro với mục đích tăng cường tính hữu hiệu và hiệu quả của hệ thống Quản trị rủi ro
- Tổ chức nhận diện cùng BDH 10 rủi ro ưu tiên hàng đầu mà Công ty cần đưa ra giải pháp kiểm soát hữu hiệu nhằm đảm bảo đạt được mục tiêu hoạt động năm 2024 cũng như chiến lược giai đoạn 2023 – 2028.
- Hoạt động đánh giá rủi ro được thực hiện định kỳ, theo dõi và giám sát liên tục nhằm nắm bắt kịp thời các biến động rủi ro hiện hữu cũng như các rủi ro mới nổi trọng yếu để đưa ra các phương án ứng phó rủi ro phù hợp.
- Áp dụng chương trình “Yêu cầu cải tiến” vào hoạt động kiểm toán nội bộ nhằm đảm bảo các khuyến nghị và cảnh báo trong hoạt động kiểm tra, giám sát được các khối/phòng ban được thực hiện đầy đủ.

Định hướng hoạt động của UBKT năm 2025

- Giám sát và nâng tầm chức năng kiểm toán nội bộ theo định hướng rủi ro.
- Đảm bảo hệ thống kiểm toán nội bộ và hệ thống Quản trị rủi ro được vận hành đầy đủ hiệu lực hiệu quả.
- Soát xét và đóng góp ý kiến cho việc hoàn thiện hệ thống quy trình, quy chuẩn cho các khối/phòng ban cũng như hệ thống thông tin ERP và các kho dữ liệu, an toàn bảo mật thông tin, phục vụ cho yêu cầu sản xuất kinh doanh và kiểm soát nội bộ.
- Giám sát các rủi ro phát sinh khi triển khai phát triển chuỗi cung ứng nguyên liệu và phân phối sản phẩm.
- Thực hiện lên kế hoạch kiểm toán định kỳ và đột xuất đối với các hoạt động của Tập đoàn. Đảm bảo việc triển khai các Nghị quyết của ĐHCĐ và Hội đồng quản trị đưa ra, từ đó thực hiện ghi nhận, đánh giá kịp thời thành tích của BDH, đưa ra các khuyến nghị, góp ý cho kế hoạch kinh doanh của BDH trong năm 2024 nhằm tiến tới mục tiêu chiến lược và kế hoạch năm 2024 của Tập Đoàn.
- Thực hiện duy trì và phối hợp mối quan hệ giữa UBKT và BDH nhằm thúc đẩy phát huy tốt vai trò của Kiểm toán nội bộ trong Công ty.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông văn hóa Quản trị rủi ro doanh nghiệp đến các phòng ban, HĐQT và các thành viên BDH, Giám đốc các đơn vị các cán bộ quản lý và các công nhân viên thuộc Tập đoàn nhằm giảm thiểu rủi ro, nâng cao hiệu quả hoạt động chung của Tập đoàn.



QUẢN TRỊ RỦI RO

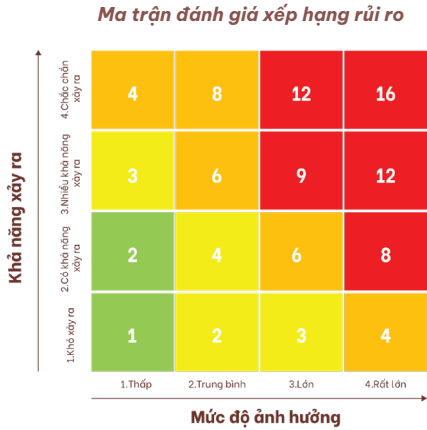
Hệ thống Quản trị rủi ro của Nafoods Group liên tục được hoàn thiện dựa trên việc áp dụng theo tiêu chuẩn ISO 31000 và các thông lệ quản trị có liên quan khác. Đồng thời, hoạt động truyền thông, đào tạo nâng cao nhận thức về rủi ro và phòng ngừa rủi ro đã được thực hiện hướng đến các cán bộ quản lý và toàn bộ nhân viên nhằm nâng cao trách nhiệm của cán bộ công nhân viên trong hoạt động quản trị rủi ro, hình thành và thúc đẩy văn hóa Quản trị rủi ro trong Tập đoàn.

Mô hình tổ chức quản trị rủi ro



Bộ phận	Vai trò
Hội đồng quản trị	- Ban hành các quy chế, chiến lược, Quản trị rủi ro - Quyết định cơ cấu tổ chức, chức năng và nhiệm vụ của bộ máy Quản trị rủi ro
Ủy ban kiểm toán & Kiểm toán nội bộ	- Giám sát, đánh giá việc vận hành hệ thống Quản trị rủi ro - Thúc đẩy văn hóa Quản trị rủi ro xuyên suốt Tập đoàn - Rà soát, tham vấn việc nhận diện, đánh giá, phân loại rủi ro của các bộ phận, phòng ban (Chủ sở hữu rủi ro)
Phòng Quản trị rủi ro	- Theo dõi, giám sát kế hoạch hành động để Quản lý rủi ro đã nhận diện - Thực hiện truyền thông, đào tạo nhằm duy trì và nâng cao văn hóa Quản trị rủi ro trong Tập đoàn - Thực hiện nhận diện, đánh giá, phân loại rủi ro của bộ phận, phòng ban mình phụ trách
Các phòng ban, bộ phận của Tập đoàn (Chủ sở hữu rủi ro)	Đề xuất và thực hiện các kế hoạch hành động để quản lý, phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro

Các bước Quản trị rủi ro



Nhận diện rủi ro

Xác định ở mức tối đa các rủi ro có thể ảnh hưởng đến mục tiêu của Tập đoàn, nguồn gốc và khả năng ảnh hưởng của các rủi ro thông qua nghiên cứu, tìm hiểu trong từng lĩnh vực kinh doanh, soát xét danh mục và nhóm rủi ro, nhận diện các yếu tố về rủi ro và cập nhật danh mục rủi ro của Tập đoàn.

Phân tích rủi ro

Xem xét nguồn gốc của rủi ro, phân tích mức độ ảnh hưởng và tần suất xảy ra rủi ro trên hai khía cạnh định lượng và định tính.

Đánh giá rủi ro

Xếp hạng và đánh giá thứ tự ưu tiên của rủi ro dựa trên trên nhiều phương diện, bao gồm cả định lượng và định tính.

Xử lý rủi ro

Xác định phương án xử lý, phòng ngừa rủi ro, đánh giá, lựa chọn giải pháp và triển khai kế hoạch xử lý, phòng ngừa rủi ro tương ứng, với mục tiêu nắm bắt cơ hội, đồng thời giảm thiểu những tác động tiêu cực mà rủi ro gây ra.

Giám sát rủi ro

Liên tục soát xét kế hoạch, phương án xử lý, phòng ngừa rủi ro nhằm đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả của chương trình Quản trị rủi ro.



Quản trị các nhóm rủi ro chính

Nhóm rủi ro hoạt động công nông nghiệp và chuỗi cung ứng

Mô tả rủi ro:

Là các rủi ro liên quan đến chất lượng, số lượng, giá cả nguyên liệu được cung ứng từ các vùng trồng gây ảnh hưởng đến quá trình sản xuất và kế hoạch tài chính của Tập đoàn.

Biện pháp kiểm soát

- Xây dựng các chính sách đồng hành cùng nông dân tại vùng trồng, nông hộ, đưa ra các chính sách đầu tư hợp lý giúp duy trì nguồn cung nguyên vật liệu cung ứng cho sản xuất.
- Triển khai các chính sách thúc đẩy và chuyển giao, hỗ trợ kỹ thuật đến các nông hộ nhằm tạo động lực thúc đẩy gia tăng sản xuất và nâng cao sản lượng nguyên vật liệu.
- Dự báo và đánh giá, lập kế hoạch đầy đủ chính xác đến quản lý của tập đoàn một cách hiệu quả.



Nhóm rủi ro về môi trường và biến đổi khí hậu

Mô tả rủi ro:

Các rủi ro từ môi trường, và biến đổi khí hậu như tình hình thổ nhưỡng, ô nhiễm qua môi trường, các diễn biến phức tạp của thời tiết (El Nino, La Nina, hạn hán, xâm nhập mặn...) tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn nhất là về nguyên vật liệu đầu vào từ các vùng trồng ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất.

Biện pháp kiểm soát

- Thường xuyên thực hiện theo dõi diễn biến thời tiết cũng như điều kiện môi trường thổ nhưỡng tại các vùng nguyên vật liệu thông qua phần mềm theo dõi vùng trồng, từ đó đưa ra các cảnh báo kịp thời về nguy cơ sâu hại dịch bệnh có thể xảy ra và các biện pháp để phòng.
- Lựa chọn những vùng nguyên liệu, vùng sản xuất an toàn, được quy hoạch và ít có rủi ro bị ô nhiễm, cử cán bộ kỹ thuật sát cánh cùng các hộ dân kiểm soát quy trình và chất lượng.

Nhóm rủi ro về tài chính

Mô tả rủi ro:

Rủi ro tài chính là các rủi ro liên quan đến nguy cơ tổn thất tài chính của Tập đoàn. Rủi ro tài chính có thể phát sinh từ các yếu tố bên ngoài, như: sự biến động của lạm phát, tỷ giá, lãi suất vay,...; hoặc

phát sinh từ các quyết định tài chính bên trong doanh nghiệp làm ảnh hưởng đến khả năng thanh toán và kiểm soát dòng tiền.

Biện pháp kiểm soát

- Thực hiện mở rộng, đa dạng hóa nguồn vốn huy động từ các nhà đầu tư, tổ chức tín dụng, định chế tài chính trong và ngoài nước.
- Tối ưu hóa việc lập và quản lý ngân sách, dự phóng (forecast).
- Xây dựng và tuân thủ các quy trình quản lý và thu hồi công nợ phải thu, phải trả.
- Kiểm soát tồn kho tối ưu để vừa đảm bảo năng lực bán hàng và cân đối chi phí tài chính.

Nhóm rủi ro về Quản trị nguồn nhân lực

Mô tả rủi ro:

Rủi ro về quản trị nguồn nhân lực là những vấn đề rủi ro liên quan đến quản trị con người hay quản trị nhân viên như thiếu nhân công có kỹ năng, tay nghề,... ảnh hưởng đến quá trình sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

Biện pháp kiểm soát

- Mở rộng nguồn tuyển dụng nhân lực, duy trì và hoàn thiện hệ thống đánh giá năng lực dựa trên tiêu chí công bằng, minh bạch với lộ trình phát triển rõ ràng.
- Thường xuyên nắm bắt thị trường lao động để cải thiện và đưa ra các chính sách đãi ngộ phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động.
- Duy trì và thực hiện đào tạo nguồn nhân lực kế thừa đối với vị trí chủ chốt trong Tập Đoàn.

Nhóm rủi ro về An toàn và Bảo mật thông tin

Mô tả rủi ro:

Rủi ro về an toàn và bảo mật thông tin là các rủi ro liên quan đến việc nhân viên trong Tập đoàn hoặc hacker bên ngoài rò rỉ thông tin quan trọng của Tập đoàn, của Khách hàng (nhất là rò rỉ thông tin cho các đối thủ cạnh tranh) gây thất thoát tài sản của Tập đoàn, ảnh hưởng đến hoạt động của Tập đoàn cũng như uy tín của Tập đoàn trên thị trường.

Biện pháp kiểm soát

- Đào tạo về chính sách bảo mật thông tin.
- Thường xuyên cảnh báo, và truyền thông về cách sử dụng và bảo vệ thiết bị Công nghệ thông tin và tài nguyên thông tin phù hợp với chính sách bảo mật thông tin của Tập Đoàn.
- Duy trì giám sát hệ thống, nâng cao quản lý mạng lưới thông tin nội bộ.

Nhóm rủi ro về pháp lý và tuân thủ

Mô tả rủi ro:

Là các rủi ro liên quan đến việc tuân thủ pháp luật và các quy định của Tập đoàn. Luật pháp có thể thay đổi bất cứ lúc nào và gây cản trở cho hoạt động của Tập đoàn. Nếu bộ phận pháp chế và các bộ phận có chuyên môn cập nhật chậm có thể dẫn tới mất sức cạnh tranh khi buộc phải tuân thủ pháp luật.

Biện pháp kiểm soát

- Chủ động nghiên cứu vận dụng các quy định mới để đảm bảo hoạt động kinh doanh hiệu quả trên tinh thần thượng tôn pháp luật.
- Ban hành, sửa đổi và cập nhật các quy chế quản lý nội bộ phù hợp với những thay đổi, phát triển của Tập đoàn và của môi trường bên ngoài, đặc biệt là hệ thống chính sách pháp luật hiện hành.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BĐH, UBKT

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

Thành viên HĐQT nhận thù lao từ Ngân sách hoạt động của HĐQT. Thành viên HĐQT kiêm điều hành nhận lương, thưởng, chế độ công tác phí và các chế độ đãi ngộ khác theo các quy chế nội bộ hiện hành của Công ty.

Năm 2024, ĐHCĐ đã thông qua Ngân sách hoạt động (bao gồm thù lao) của HĐQT không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty. Tổng ngân sách hoạt động (bao gồm thù lao) của HĐQT năm 2024 Công ty đã thực hiện chi trả là: 3.252.336.000 đồng, tương ứng 3,0% lợi nhuận sau thuế năm 2024, trong đó Tổng thù lao HĐQT là 3.170.000.000 đồng và các chi phí công tác phí của các thành viên HĐQT (vé (chi phí vé máy bay, di chuyển, phòng nghỉ, ăn uống, hội họp) là 82.336.000 đồng.

Ngoài thù lao, ông Nguyễn Mạnh Hùng là Tổng Giám đốc nên còn được nhận tiền lương và các khoản phụ cấp khác theo vị trí điều hành. Tổng thu nhập từ thù lao, lương và thưởng của các thành viên HĐQT và Ban Tổng giám đốc nhận trong năm 2023 là 4.621.645.000 VND.

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao của HĐQT (đồng)	Thu nhập của BĐH (đồng)
1	Bà Diễm Thị Lan Phương	Chủ tịch HĐQT	1.200.000.000	-
2	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc	1.200.000.000	1.451.645.000
3	Ông Johan Nyvene	Thành viên HĐQT độc lập	480.000.000	-
4	Ông Phạm Duy Thái	Thành viên HĐQT	100.000.000	-
5	Ông Nguyễn Phi Bằng	Thành viên HĐQT	-	-
6	Ông Hồ Hải Quân	Thành viên HĐQT	50.000.000	-
7	Bà Đặng Thị Thắm	Thư ký Công ty	60.000.000	-
Tổng cộng			3.170.000.000	1.451.645.000

Hợp đồng, giao dịch với HĐQT, BĐH và Bên liên quan

(vui lòng xem chi tiết tại BCTC hợp nhất đính kèm)

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan trong năm 2024

STT	Người thực hiện giao dịch	Người nội bộ/ Quan hệ với người nội bộ	Đầu kỳ		Cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Diễm Thị Lan Phương	Người nội bộ	0	0,00%	242.000	0,37%	Mua
2	Lê Tuấn	Người có liên quan của Người nội bộ	9.900	0,02%	407.860	0,62%	Mua
3	Hồ Hải Quân	Người nội bộ	84.704	0,13%	97.174	0,15%	Mua
4	Nguyễn Thị Trang	Người nội bộ	226.541	0,36%	227.884	0,35%	Bán
5	Đặng Thị Thắm	Người nội bộ	53.720	0,09%	48.400	0,07%	Bán



ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Đối với quản trị công ty, Nafoods Group tuân thủ bộ nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ tốt nhất dành cho công ty đại chúng tại Việt Nam do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SSC) phối hợp với Tổ chức Tài chính quốc tế (IFC) soạn thảo và ban hành. Bên cạnh các thông lệ tốt theo quy định pháp luật hiện hành, Bộ Nguyên tắc này nhằm khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực cao hơn yêu cầu tối thiểu theo quy định pháp luật. Tình hình thực hiện các nguyên tắc quản trị công ty theo Bộ nguyên tắc này tại Nafoods Group:

Trách nhiệm của HĐQT

Nguyên tắc 1: Thiết lập rõ vai trò, trách nhiệm và cam kết của HĐQT

- Tại Nafoods Group, vai trò và trách nhiệm của HĐQT được cụ thể hóa trong Điều lệ, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT, được ĐHCĐ thường niên năm 2023 thông qua và công bố đầy đủ trên website của Công ty.
- Trong giai đoạn hiện tại, với kiến thức và kinh nghiệm của mình, HĐQT Nafoods Group không chỉ là cơ quan có thẩm quyền xem xét và phê duyệt, mà còn trực tiếp cùng Ban điều hành tham gia vào quá trình xây dựng định hướng chiến lược, chính sách quản lý rủi ro, kế hoạch kinh doanh/ngân sách hàng năm của Công ty với vai trò hỗ trợ về cả kỹ thuật lẫn định hướng. HĐQT cũng thành lập Ủy ban trực thuộc, kiểm soát hoạt động kiểm toán và Quản trị rủi ro, giám sát hoạt động đầu tư nội bộ cũng như bên ngoài (bao gồm các hoạt động M&A), đánh giá tính khả thi, hiệu quả của dự án trước và sau đầu tư...
- Các thành viên HĐQT đều chủ động tham gia giám sát hoạt động của Công ty, tham gia thảo luận, kiến nghị, đóng góp ý kiến tại các cuộc họp và các lần lấy ý kiến bằng văn bản. Các tài liệu họp đều được yêu cầu gửi đến các thành viên HĐQT tối thiểu 5 ngày làm việc trước ngày họp.
- Các thành viên HĐQT của Nafoods Group đều có trách nhiệm tham gia đầy đủ các cuộc họp và các lần lấy ý kiến bằng văn bản của HĐQT trong năm.
- Ủy ban chiến lược, nhân sự & lương thưởng trực thuộc HĐQT Nafoods Group có trách nhiệm soạn lập/phê duyệt chính sách/chương trình hoạch định nhân sự kế thừa, CEO+1, Top 100, Top 50 và quản trị nhân tài của Công ty (đặc biệt là từ thành viên HĐQT cho đến Cán bộ quản lý); giám sát thực thi và hiệu quả của chính sách/chương trình này.

Nguyên tắc 2: Thiết lập một HĐQT có năng lực và chuyên nghiệp

Nafoods Group luôn cố gắng duy trì một HĐQT chuyên nghiệp, khách quan, hoạt động hiệu quả với vai trò bảo đảm lợi nhuận và sự bền vững của công ty, vì lợi ích cao nhất của công ty và toàn bộ cổ đông của công ty.

- Tập thể HĐQT của Công ty bao gồm các thành viên có chuyên môn, kỹ năng, năng lực đa dạng và phù hợp để đóng vai trò chèo lái và giám sát Công ty hiệu quả. HĐQT đương nhiệm của Nafoods Group bao gồm năm (05) thành viên, tương đối đa dạng về trình độ chuyên môn, kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, khía cạnh văn hoá (xem chi tiết tại phần giới thiệu các thành viên HĐQT từ trang 42 đến trang 47). Từ đó, cho phép HĐQT tận dụng được lợi thế của số nhiều các quan điểm, làm cho quy trình ra quyết định phong phú và đáng tin cậy hơn.

- HĐQT hiện có một (01) thành viên là nữ, đồng thời là Chủ tịch HĐQT, chiếm 20% tổng số thành viên HĐQT đảm bảo tối ưu hoá lợi ích của sự đa dạng về giới tính trong HĐQT. Việc giới thiệu ứng viên để bầu bổ sung, bầu mới thành viên HĐQT cũng được Ủy Ban Chiến lược, Nhân sự và Lương thưởng (trước đây là Tiểu ban Nhân sự và Lương thưởng) trực thuộc HĐQT xem xét cẩn trọng theo quy trình lựa chọn ứng viên thành viên HĐQT trước khi trình HĐQT xem xét và đưa vào chương trình bầu cử của ĐHCĐ của Công ty theo quy trình đã được ban hành và đang áp dụng tại Công ty.
- HĐQT đương nhiệm của Nafoods Group bao gồm hai (02) thành viên không điều hành, trên tổng số năm (05) thành viên, có các tiêu chuẩn cần thiết để tham gia một cách hiệu quả và giúp HĐQT luôn có các nhận định khách quan, độc lập về hoạt động của Công ty và đảm bảo có được cơ chế kiểm soát và cân bằng phù hợp.
- HĐQT Nafoods Group đã bổ nhiệm Thư ký công ty, Người phụ trách Quản trị Công ty và thành lập Văn phòng HĐQT, là bộ phận chịu trách nhiệm trực tiếp trước HĐQT về tất cả các vấn đề liên quan đến chức năng và hoạt động của HĐQT.

Nguyên tắc 3: Đảm bảo vai trò lãnh đạo hiệu quả và tính độc lập của HĐQT

- HĐQT đương nhiệm của Công ty có một (01) thành viên độc lập, đảm bảo quy định tối thiểu 20% số thành viên HĐQT của Công ty là thành viên độc lập (đối với mô hình CTCP không có BKS). Sự có mặt của các thành viên độc lập trong HĐQT bảo đảm việc ra quyết định độc lập về các vấn đề của Công ty và giám sát khách quan phù hợp đối với các hoạt động của Ban Điều hành, bao gồm việc ngăn ngừa xung đột lợi ích và cân bằng các nhu cầu có tính cạnh tranh lẫn nhau của Công ty.
- Thành viên HĐQT độc lập của Công ty (Ông Johan Nyvene) có đầy đủ các tiêu chuẩn và năng lực cần thiết để tham gia đóng góp cho HĐQT. Thành viên HĐQT độc lập là người có chuyên môn và kinh nghiệm để tham gia và lãnh đạo Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT.
- Thành viên HĐQT độc lập của Công ty đều tham gia HĐQT chưa quá năm (05) năm.
- Chủ tịch HĐQT của Công ty không kiêm nhiệm Tổng Giám đốc, đảm bảo có cân bằng phù hợp về quyền lực, tăng trách nhiệm giải trình và tăng cường năng lực của HĐQT để ra quyết định độc lập.

Nguyên tắc 4: Thành lập các ủy ban thuộc HĐQT

HĐQT Nafoods Group đã thành lập ba (03) uỷ ban chuyên trách trực thuộc HĐQT, bao gồm: Ủy ban Kiểm toán, Ủy ban Đầu tư và Ủy ban Chiến lược, Nhân sự & Lương thưởng, để hỗ trợ HĐQT thực hiện chức năng và tránh xung đột lợi ích:

- Ủy ban Kiểm toán của Nafoods Group bao gồm hai (02) thành viên, đều là thành viên HĐQT không điều hành, có kiến thức chuyên môn về kiểm toán nội bộ, kế toán theo chuẩn mực IFRS và VAS, tuân thủ, báo cáo tài chính và kiểm soát. Chủ tịch Ủy ban – Ông Johan Nyvene – là thành viên HĐQT độc lập, có chuyên môn và nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, quản trị.
- HĐQT đã thông qua Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán trong đó quy định cụ thể vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền, cơ cấu và quy trình hoạt động của Ủy ban kiểm toán. Quy chế này cũng được HĐQT công bố trên website của Công ty.
- Ủy ban Chiến lược, nhân sự & lương thưởng và Ủy ban Đầu tư cũng được thành lập từ năm 2021 đã và đang phát huy vai trò trong việc nâng cao chất lượng hoạt động của HĐQT. Chủ tịch Ủy ban Chiến lược nhân sự và Lương thưởng là Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Phó Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch Ủy ban Đầu tư là Bà Diễm Thị Lan Phương – Chủ tịch HĐQT. HĐQT cũng đã thông qua và công bố thông tin Quy chế hoạt động của các uỷ ban này trong đó quy định cụ thể về thẩm quyền, cơ cấu, và quy trình hoạt động của các uỷ ban.

Nguyên tắc 5: Đảm bảo hoạt động hiệu quả của HĐQT

Hàng năm, các uỷ ban và HĐQT đều tự thực hiện đánh giá kết quả hoạt động của từng uỷ ban và thành viên HĐQT trong năm, để báo cáo ĐHĐCĐ thường niên và công bố trong các báo cáo tình hình quản trị, báo cáo thường niên của Công ty.

Nguyên tắc 6: Thiết lập và duy trì văn hóa đạo đức công ty

- Nafoods Group đã xây dựng và ban hành Bộ Quy tắc ứng xử vào năm 2016 nhằm nâng cao nhận thức, tạo nên các giá trị văn hóa chung trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty. Trong đó đặt ra các nguyên tắc ứng xử trong môi trường làm việc, trong kinh doanh; xây dựng, duy trì và phát triển mối quan hệ với đối tác và khách hàng; bảo vệ thông tin và tài sản; trách nhiệm xã hội; và lãnh đạo bằng sự liêm chính. Bộ Quy tắc ứng xử được truyền thông và phổ biến, đặc biệt ngay trong quá trình đào tạo hội nhập để các CBCNV nắm rõ và nâng cao nhận thức.
- Tại Nafoods Group, HĐQT là đầu mối và chịu trách nhiệm tập thể về quản trị, thành công trong dài hạn của công ty, và việc mang lại giá trị bền vững cho các bên có quyền lợi liên quan của công ty. HĐQT luôn là tấm gương cho Ban Điều hành và nhân viên trong Công ty.

Môi trường kiểm soát

Nguyên tắc 7: Thiết lập chính sách quản trị rủi ro và môi trường kiểm soát vững mạnh

- HĐQT đảm bảo sự tích hợp giữa chiến lược, rủi ro, kiểm soát và giám sát hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều phải được Ban Điều hành và HĐQT xem xét tới yếu tố rủi ro có liên quan.
- HĐQT cũng đã thành lập chức năng kiểm toán nội bộ và quản trị rủi ro. Đồng thời, ban hành quy chế quy định nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của Kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro cũng như trách nhiệm của các bên liên quan đối với việc thiết lập, vận hành và đảm bảo việc hoạt động thông suốt của hệ thống kiểm soát và quản trị rủi ro trong Công ty, nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố rủi ro, có biện pháp phòng ngừa hữu hiệu, giảm thiểu rủi ro và chống tái diễn, giúp Công ty hoàn thành các mục tiêu, kế hoạch trong ngắn, dài hạn và mục tiêu phát triển bền vững.
- Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT đã thiết lập các tiêu chí lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, đánh giá chất lượng công việc của kiểm toán độc lập cũng như quy trình để theo dõi việc thực hiện các khuyến nghị mà kiểm toán độc lập đưa ra.

Công bố thông tin và minh bạch

Nguyên tắc 8: Tăng cường hoạt động công bố thông tin của công ty

- Công ty luôn tuân thủ công bố thông tin đến tất cả các cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan trên nguyên tắc chủ động, công bằng, minh bạch và kịp thời theo quy định.
- Ngoài việc CBTT theo quy định trên cổng CBTT của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán TP HCM, Website của Công ty hiện là kênh thông tin chính thức để Công ty CBTT chủ động, công bằng, minh bạch và kịp thời đến cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan.
- Các thông tin phi tài chính, bao gồm báo cáo về môi trường và xã hội được Công ty CBTT đầy đủ trong Báo cáo thường niên hàng năm của Công ty. Các chính sách liên quan đến môi trường và xã hội cũng được Công ty công bố trên website.

- Công ty cũng thực hiện công bố đầy đủ các thông tin về lương, thù lao của HĐQT và Ban điều hành trong Báo cáo tài chính kiểm toán, báo cáo thường niên và báo cáo ĐHĐCĐ thường niên hàng năm.

Các quyền của cổ đông

Nguyên tắc 9: Thiết lập khuôn khổ để thực hiện hiệu quả quyền của cổ đông

- Quyền của cổ đông được quy định rõ trong Điều lệ của Công ty và được pháp luật Việt Nam bảo vệ. Công ty đảm bảo đối xử công bằng và phù hợp đối với từng cổ đông thông qua việc công bố thông tin chính xác, minh bạch và kịp thời.
- HĐQT Công ty luôn tuân thủ việc tổ chức ĐHĐCĐ, CBTT thư mời, tài liệu họp, biên bản và nghị quyết ĐHĐCĐ đúng quy trình, quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Điều lệ Công ty quy định trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi. HĐQT Công ty cũng đã xây dựng và thông qua ma trận thẩm quyền phê duyệt các giao dịch với các bên liên quan, bảo vệ lợi ích của Công ty và cổ đông.
- Trong năm 2024, các giao dịch kinh doanh giữa Nafoods Group với các bên liên quan (chủ yếu là các công ty con, công ty liên kết trong hệ thống) được trình bày tại trang 148-149, Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán đính kèm.

Quan hệ với các bên có quyền lợi liên quan

Nguyên tắc 10: Tăng cường sự tham gia hiệu quả của các bên có quyền lợi liên quan

Nafoods Group luôn tôn trọng lợi ích của tất cả các bên có quyền lợi liên quan, các bên chịu ảnh hưởng từ các hoạt động của công ty. Nafoods Group cam kết tham gia tích cực vào cộng đồng và gắn kết với các bên liên quan, từ chia sẻ thông tin và tham vấn, đến tham gia, đàm phán và quan hệ đối tác để đảm bảo rằng: Thông tin về Môi trường và Xã hội (E&S) có liên quan được tiết lộ và phổ biến; Các khiếu nại từ các bên liên quan bên trong và bên ngoài được phản hồi và quản lý một cách thích hợp thông qua quy trình trao đổi thông tin và giải quyết khiếu nại.





06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

138 Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Nafoods Group (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Kiểm toán

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam) kiểm toán.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Chức vụ	
Bà Diễm Thị Lan Phương	Chủ tịch	-
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Chủ tịch	-
Ông Johan Nyvene	Thành viên	
Ông Phạm Duy Thái	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Phi Bằng	Thành viên	
Ông Hồ Hải Quân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2024
Ban Tổng Giám đốc	Chức vụ	
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Tổng Giám đốc	-
Ủy ban Kiểm soát	Chức vụ	
Ông Johan Nyvene	Chủ tịch	
Bà Diễm Thị Lan Phương	Thành viên	

Trách nhiệm của ban tổng giám đốc trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập đúng đắn và trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu:

- Áp dụng chính sách kế toán thích hợp với các ước tính và xét đoán thận trọng, hợp lý và được áp dụng thống nhất;
- Tuân thủ với các yêu cầu công bố thông tin theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Duy trì đầy đủ các ghi chép kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp giả định về khả năng tiếp tục hoạt động liên tục trong tương lai gần không còn phù hợp;
- Kiểm soát và điều hành Tập đoàn hiệu quả thông qua các quyết định trọng yếu có ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động và các đánh giá mà những quyết định và/hoặc hướng dẫn này đã được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất.
- Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn tài sản của Tập đoàn, do vậy có những bước thích hợp để phòng ngừa và phát hiện gian lận và các điều bất thường.
- Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn tuân thủ theo các quy định trên trong việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, cùng với các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm, đã được lập đúng đắn và trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Mạnh Hùng
Tổng Giám đốc

Nghệ An, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

CÔNG TY CỔ PHẦN NAFODS GROUP VÀ CÁC CÔNG TY CON CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

Số: 24-11-014-02

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nafoods Group**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nafoods Group (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2025, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và tóm tắt các chính sách kế toán quan trọng và các thuyết minh giải trình khác, như được trình bày từ trang 5 đến trang 43.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với các báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá các rủi ro có sai sót trọng yếu trên báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng, tính hợp lý của các ước tính kế toán thực hiện của Ban Tổng Giám đốc cũng như việc đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY TNHH GRANT THORNTON (VIỆT NAM)



Lê Thế Việt

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0821-2023-068-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 4 năm 2025

Lê Quảng Hòa
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 2587-2023-068-1
Kiểm toán viên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

	Thuyết minh	Mã số	31/12/2024 VNĐ	31/12/2023 VNĐ
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn		100	991.065.823.419	1.016.641.720.903
Tiền và các khoản tương đương tiền	5	110	54.365.245.778	62.434.607.502
Tiền		111	22.210.527.515	21.723.324.298
Các khoản tương đương tiền		112	32.154.718.263	40.711.283.204
Đầu tư tài chính ngắn hạn		120	95.801.452.333	119.909.823.494
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	123	95.801.452.333	119.909.823.494
Các khoản phải thu ngắn hạn		130	571.734.030.786	497.578.545.821
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	131	334.749.142.656	348.369.047.061
Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	132	79.534.577.962	95.791.797.711
Phải thu về cho vay ngắn hạn	9	135	73.103.204.902	42.664.398.683
Phải thu ngắn hạn khác	10	136	153.457.026.885	108.752.255.970
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	11	137	(69.267.375.055)	(98.156.407.040)
Tài sản thiếu chờ xử lý		139	157.453.436	157.453.436
Hàng tồn kho	12	140	211.153.464.465	267.246.962.263
Hàng tồn kho		141	212.915.333.510	273.524.958.048
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149	(1.761.869.045)	(6.277.995.785)
Tài sản ngắn hạn khác		150	58.011.630.057	69.471.781.823
Chi phí trả trước ngắn hạn	13	151	8.447.165.140	12.969.713.665
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152	49.520.080.428	51.066.165.338
Thuế và các khoản phải thu từ Nhà nước		153	44.384.489	5.435.902.820

Bảng cân đối kế toán hợp nhất – tại ngày 31/12/2024 (tiếp theo)

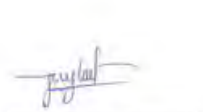
	Thuyết minh	Mã số	31/12/2024 VNĐ	31/12/2023 VNĐ
TRỢI NGẬP				
Tài sản dài hạn		200	1.037.919.835.952	1.026.593.770.810
Các khoản phải thu dài hạn		210	134.488.849.505	105.551.190.136
Phải thu dài hạn khác	10	216	134.488.849.505	105.551.190.136
Tài sản cố định		220	654.838.549.110	664.050.322.185
Tài sản cố định hữu hình	14	221	504.989.244.488	524.579.975.591
- Nguyên giá		222	819.817.603.161	776.106.370.764
- Giá trị hao mòn lũy kế		223	(314.828.358.673)	(251.526.395.173)
Tài sản cố định thuê tài chính	15	224	60.807.645.957	45.989.601.236
- Nguyên giá		225	71.000.522.886	49.366.148.860
- Giá trị hao mòn lũy kế		226	(10.192.876.929)	(3.376.547.624)
Tài sản cố định vô hình	16	227	89.041.658.665	93.480.745.358
- Nguyên giá		228	106.714.831.518	106.264.831.518
- Giá trị hao mòn lũy kế		229	(17.673.172.853)	(12.784.086.160)
Tài sản dở dang dài hạn		240	5.922.498.510	12.378.181.181
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	17	242	5.922.498.510	12.378.181.181
Đầu tư tài chính dài hạn	6	250	2.000.000.000	2.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		255	2.000.000.000	2.000.000.000
Tài sản dài hạn khác		260	240.669.938.827	242.614.077.308
Chi phí trả trước dài hạn	13	261	64.968.939.254	46.242.371.904
Lợi thế thương mại	18	269	175.700.999.573	196.371.705.404
Tổng tài sản		270	2.028.985.659.371	2.043.235.491.713

Bảng cân đối kế toán hợp nhất – tại ngày 31/12/2024 (tiếp theo)

	Thuyết minh	Mã số	31/12/2024 VNĐ	31/12/2023 VNĐ
NGUỒN VỐN				
Nợ phải trả		300	1.043.979.357.404	1.055.273.264.267
Nợ ngắn hạn		310	856.499.415.826	964.514.376.008
Phải trả người bán ngắn hạn	19	311	56.180.677.108	79.974.819.367
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	20	312	10.291.790.665	23.081.512.961
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	313	34.296.151.086	32.014.931.966
Phải trả người lao động		314	825.837.124	15.237.149.544
Chi phí phải trả ngắn hạn	22	315	41.188.430.115	50.270.205.552
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		318	107.178.025	
Phải trả ngắn hạn khác	23	319	12.553.973.097	6.655.691.484
Vay ngắn hạn	24	320	692.096.793.955	746.877.659.254
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	25	322	8.958.584.651	10.402.405.880
Nợ dài hạn		330	187.479.941.578	90.758.888.259
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		336	287.826.202	-
Phải trả dài hạn khác		337	-	9.489.851
Vay dài hạn	24	338	155.576.868.843	62.411.882.575
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	40	341	31.615.246.533	28.337.515.833
Vốn chủ sở hữu		400	985.006.301.967	987.962.227.446
Vốn chủ sở hữu		410	984.094.203.614	987.067.357.969
Vốn góp của chủ sở hữu	26,27	411	653.042.810.000	629.230.850.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		411a	556.203.480.000	505.641.520.000
- Cổ phiếu ưu đãi		411b	96.839.330.000	123.589.330.000
Thặng dư vốn cổ phần		412	21.220.677.157	67.230.677.157
Cổ phiếu quỹ	26	415	(620.000)	(620.000)
Quỹ đầu tư phát triển	26	418	32.218.079.537	59.112.663.024
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	26	421	277.613.256.920	231.493.787.788
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		421a	161.430.294.981	121.763.246.059
- LNST chưa phân phối kỳ này		421b	116.182.961.939	109.730.541.729
Nguồn kinh phí và quỹ khác		430	912.098.353	894.869.477
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	26	439	912.098.353	894.869.477
Tổng nguồn vốn		440	2.028.985.659.371	2.043.235.491.713


Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,
NGUYỄN MẠNH HÙNG
Tổng Giám đốc


Nguyễn Thị Trang
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Mỹ Linh
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Thuyết minh	Mã số	Năm kết thúc ngày 31/12/2024 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31/12/2023 VNĐ
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	29	01	1.458.300.976.120	1.754.554.175.364
Các khoản giảm trừ doanh thu	30	02	21.277.439.728	21.228.329.694
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10	1.437.023.536.392	1.733.325.845.670
Giá vốn hàng bán	31	11	1.031.437.259.920	1.263.581.451.434
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		20	405.586.276.472	469.744.394.236
Doanh thu hoạt động tài chính	32	21	36.018.299.788	34.749.137.273
Chi phí tài chính	33	22	68.192.412.632	75.614.467.211
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	51.959.147.707	45.689.567.334
Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết		24	122.841.302.332	135.218.322.587
Chi phí bán hàng	34	25	121.618.354.776	170.159.033.480
Chi phí quản lý doanh nghiệp	35	26	170.159.033.480	65.985.287.811
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		30	128.952.506.520	123.501.708.231
Thu nhập khác		31	34.770.647.577	24.196.060.373
Chi phí khác		32	23.651.791.782	15.304.110.098
Lãi/(lỗ) khác		40	11.118.855.795	8.891.950.275
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	37	50	140.071.362.315	132.393.658.506
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	37	51	20.407.175.886	24.958.286.878
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	38	52	3.280.644.584	(2.493.908.941)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		60	116.383.541.845	109.929.280.569
Phân bổ cho:				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		61	116.182.961.939	109.730.541.729
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		62	200.579.906	198.738.840

Lãi cơ bản trên cổ phiếu 27 70 2.028 1.732


Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,
NGUYỄN MẠNH HÙNG
Tổng Giám đốc


Nguyễn Thị Trang
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Mỹ Linh
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

(phương pháp gián tiếp)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Thuyết minh	Mã số	Năm kết thúc ngày 31/12/2024 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31/12/2023 VNĐ
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế		01	140.071.362.315	132.393.658.506
Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại		02	95.853.530.478	61.449.504.977
Thay đổi các khoản dự phòng		03	(26.428.023.191)	65.825.849.030
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		04	(345.717.023)	7.430.547.930
Lãi từ hoạt động đầu tư và thanh lý tài sản cố định		05	(15.657.705.027)	(11.957.202.252)
Chi phí lãi vay		06	51.959.147.707	45.689.567.334
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		08	245.452.595.259	300.831.925.525
Thay đổi các khoản phải thu		09	(18.604.903.122)	125.955.227.162
Thay đổi hàng tồn kho		10	60.609.624.538	(49.310.498.595)
Thay đổi các khoản phải trả		11	(68.520.229.963)	(181.841.872.702)
Thay đổi chi phí trả trước		12	(14.204.018.825)	(12.814.281.592)
Tiền lãi vay đã trả		14	(50.247.141.189)	(45.006.664.300)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		15	(12.289.794.030)	(10.683.784.940)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		17	(33.824.931.802)	(2.129.739.648)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		20	108.371.200.866	125.000.310.910

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất - (phương pháp gián tiếp) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

	Thuyết minh	Mã số	Năm kết thúc ngày 31/12/2024 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31/12/2023 VNĐ
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		21	(95.491.208.585)	(151.851.030.441)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		22	23.064.474.342	5.766.063.345
Tiền chi cho đơn vị khác vay		23	(189.292.255.223)	(155.872.952.484)
Tiền thu hồi cho vay từ đơn vị khác		24	182.961.820.165	60.872.949.589
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		25	-	(28.104.400.600)
Lãi tiền gửi, lãi cho vay nhận được		27	10.129.135.021	10.058.887.756
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		30	(68.628.034.280)	(259.130.482.835)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành		32	(72.760.000.000)	-
Tiền thu từ đi vay		33	2.444.176.354.878	1.823.278.139.089
Tiền trả nợ gốc vay		34	(2.389.305.010.702)	(1.661.446.434.896)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính		35	(16.487.223.207)	(5.883.576.006)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		36	(13.415.040.000)	(13.415.040.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		40	(47.790.919.031)	142.533.088.187
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		50	(8.047.752.445)	8.402.916.262
Tiền và tương đương tiền đầu năm	5	60	62.434.607.502	54.000.537.646
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái		61	(21.609.279)	31.153.594
Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	70	54.365.245.778	62.434.607.502

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,
CÔNG TY CỔ PHẦN
NAFOODS GROUP
Nguyễn Minh Hùng
Tổng Giám đốc
Nghệ An, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Thị Trang
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Mỹ Linh
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn

Công ty Cổ phần Nafoods Group (“Công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam, ban đầu với tên gọi là Công ty TNHH Thành Vinh do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Nghệ An cấp Giấy phép thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn số 007153 GP/TLDN-02 vào ngày 26 tháng 8 năm 1995. Sau đó ngày 29 tháng 6 năm 2010, Công ty đã chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 2900326375 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An với tên gọi là Công ty Cổ phần Thực phẩm Choa Việt. Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là 40.000.000.000 đồng, được chia thành 4.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được thay đổi nhiều lần sau đó (sau đây gọi chung là “Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp”).

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 15 tháng 12 năm 2014, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Nafoods Group và tăng vốn điều lệ lên 200.000.000.000 đồng, được chia thành 20.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 2900326375, đã đăng ký thay đổi lần thứ 12 vào ngày 6 tháng 12 năm 2019, vốn điều lệ của Công ty là 567.988.450.000 đồng, được chia thành 56.798.845 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Vào ngày 22 tháng 6 năm 2020, vốn điều lệ của Công ty đã tăng từ 567.988.450.000 đồng lên 577.047.950.000 đồng do đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 3 năm 2020 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 05/2020/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 3 năm 2020 thông qua phương án triển khai chào bán cổ phiếu riêng lẻ.

Ngày 4 tháng 8 năm 2020, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 2.221.990 cổ phiếu với tổng trị giá phát hành theo mệnh giá là 22.219.900.000 đồng theo chương trình lựa chọn người lao động của Công ty. Phương án phát hành cổ phiếu của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 5 năm 2020, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 08/2020/NQ-HĐQT ngày 15 tháng 6 năm 2020 và các quy định của pháp luật hiện hành.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 13 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp để tăng vốn điều lệ từ 567.988.450.000 đồng lên 599.267.850.000 đồng.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 14 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp để thay đổi thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật.

Ngày 13 tháng 12 năm 2021, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 15 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp để tăng vốn điều lệ từ 599.267.850.000 đồng lên 629.230.850.000 đồng.

Ngày 20 tháng 10 năm 2022, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 16 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp để thay đổi Người đại diện theo pháp luật.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, Công ty thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp để cập nhật ngành nghề kinh doanh.

Ngày 14 tháng 4 năm 2024, Công ty nhận được Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp để thay đổi số điện thoại của Công ty.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, Công ty nhận được Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ

18 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp để điều chỉnh giảm vốn điều lệ từ 629.230.850.000 đồng xuống 602.480.850.000 đồng.

Ngày 7 tháng 10 năm 2024, Công ty nhận được Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 19 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp để điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ 602.480.850.000 đồng lên 653.042.810.000 đồng.

Ngày 25 tháng 3 năm 2025, Công ty nhận được Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 20 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp để thay đổi người đại diện pháp luật.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh và xuất khẩu các loại sản phẩm nước ép hoa quả và sản phẩm rau củ quả đông lạnh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có các công ty con như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu đăng ký
CÔNG TY CON			
Công ty CP Chanh leo Nafoods	Số 47, Nguyễn Cảnh Hoan, Phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Trồng trọt, sản xuất giống cây trồng	99,8%
Công ty TNHH MTV Quốc tế Nafoods	Số 47, Nguyễn Cảnh Hoan, Phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Sản xuất kinh doanh và xuất khẩu các loại sản phẩm nước ép hoa quả và rau củ quả đông lạnh; kinh doanh giống cây trồng	100%
Công ty CP Nafoods Miền Nam	Ấp Hóc Thơm 1, Xã Hòa Khánh Tây, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An, Việt Nam	Sản xuất chế biến các loại sản phẩm nước ép hoa quả và sản phẩm rau củ quả đông lạnh	99,8%
Công ty CP Nafoods Tây Nguyên	Thôn Gò Đồi, đường Bùi Viện, Xã An Phú, TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Sản xuất giống cây trồng; Hoạt động dịch vụ trồng trọt; Sản xuất kinh doanh và xuất khẩu các loại sản phẩm nước ép hoa quả và rau củ quả đông lạnh	99,86%
Công ty CP Đầu tư - Phát triển Giá trị Gia tăng Nông nghiệp	Thửa đất số 81, tờ bản đồ số 16, Ấp Hóc Thơm 1, Xã Hòa Khánh Tây, Huyện Đức Hoà, Tỉnh Long An, Việt Nam.	Sản xuất kinh doanh các loại sản phẩm giá trị gia tăng	99%
Công ty CP Nafoods Tây Bắc	Cụm Công nghiệp Mộc Châu, tiểu khu Bó Bun, Thị trấn Nông trường Mộc Châu, Huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, Việt Nam	Sản xuất kinh doanh và xuất khẩu sản phẩm rau củ quả đông lạnh; kinh doanh giống cây trồng và các loại sản phẩm nước ép hoa quả	99,9%
Công ty CP Thực phẩm Nghệ An	Số 47, Nguyễn Cảnh Hoan, Phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Sản xuất chế biến các loại sản phẩm nước ép hoa quả và sản phẩm rau củ quả đông lạnh	99,9%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty và các công ty con có 1.395 nhân viên (31 tháng 12 năm 2023: 905 nhân viên).

lạnh, trái cây tươi, các sản phẩm giá trị gia tăng và sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, vật tư nông nghiệp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 47, Nguyễn Cảnh Hoan, Phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, với thông tin như sau:

- Tên chứng khoán: Công ty Cổ phần NafoodsGroup
- Mã chứng khoán: NAF
- Mệnh giá: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng)
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi

Niên độ kế toán và đơn vị tiền tệ

2.1. Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) bắt đầu ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12

2.2. Đơn vị tiền tệ

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập trên đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam (“VND”).

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

3.1. Cơ sở chung lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ phù hợp với các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở những quốc gia hoặc thể chế ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn không nhằm dành cho những đối tượng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp. Tập đoàn áp dụng nhất quán các chính sách kế toán trong năm và cũng nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong năm trước.

3.2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tập đoàn được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con (như được trình bày trong Thuyết minh số 1).

3.3. Các công ty con

Công ty con là các công ty mà Tập đoàn có quyền chi phối và kiểm soát về các chính sách tài chính và hoạt động với mục đích nhằm thu được lợi ích kinh tế cho Tập đoàn từ hoạt động của các công ty đó. Quyền kiểm soát được xác định thông qua quyền biểu quyết và tỷ lệ góp vốn.

Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày Tập đoàn đạt được quyền kiểm soát đến ngày mất quyền kiểm soát. Chính sách kế toán của các công ty con được điều chỉnh phù hợp với các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty mẹ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là một phần của kết quả hoạt động kinh doanh và giá trị tài sản thuần của một công ty con được xác định theo tỉ lệ tương ứng với lợi ích mà Tập đoàn không nắm giữ. Lợi ích này được xác định dựa trên phần sở hữu của cổ đông thiểu số đối với giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả của công ty con được thành lập, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ được tính cho cổ đông thiểu số trong công ty con vượt quá lợi ích của cổ đông thiểu số trong nguồn vốn của công ty con. Trong trường hợp đó khoản lỗ vượt quá đó cũng như bất kỳ các khoản lỗ thêm nào khác sẽ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp cổ đông thiểu số có một nghĩa vụ ràng buộc, và có khả năng bù đắp các khoản lỗ đó. Nếu sau đó công ty con có lãi, khoản lãi tính cho cổ đông thiểu số sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho tới khi bồi hoàn lại đủ phần lỗ trước đây đã ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Các thay đổi quyền sở hữu trong công ty con mà không dẫn đến việc đạt được hay mất đi quyền kiểm soát ở các công ty con được hạch toán theo phương pháp giao dịch vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này thì khác biệt giữa khoản tiền đầu tư trả thêm hay giảm đi và tỷ lệ sở hữu thay đổi tương ứng trên giá trị ghi sổ tài sản thuần của công ty con sẽ được ghi nhận là giao dịch giữa lợi ích của các cổ đông của Tập đoàn. Giá trị ghi sổ của các tài sản và nghĩa vụ của công ty con ghi nhận trước đây được giữ nguyên.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý, là ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Số chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý công ty con và giá trị ghi sổ còn lại của tài sản trừ đi nợ phải trả của công ty con này tại ngày thanh lý được ghi nhận trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất như khoản lãi, lỗ thanh lý công ty con.

Giá trị còn lại của khoản đầu tư tại ngày thanh lý được tính toán theo phương pháp giá gốc.

3.4. Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ ở mức lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết.

Chính sách kế toán áp dụng



4.1. Tỷ giá hối đoái

Các nghiệp vụ phát sinh bằng tiền tệ khác với đồng tiền báo cáo được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt

được qui đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bằng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được qui đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan của Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc đưa ra các ước tính và giả định mà có ảnh hưởng tới tài sản công nợ trên báo cáo và việc trình bày các khoản tài sản và công nợ tiềm tàng tại ngày báo cáo cũng như doanh thu chi phí phát sinh trong giai đoạn báo cáo. Kết quả thực tế có thể khác so với số liệu ước tính.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng cũng như các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao và các khoản tiền ký quỹ ký cược tại ngân hàng với kỳ hạn không quá 3 tháng.

4.4. Các khoản đầu tư tài chính



Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng mà ngân hàng buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai với mục đích thu lãi hàng kỳ. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập khi có khả năng không thu hồi được các khoản đầu tư này. Tổn thất từ việc không thu hồi được khoản đầu tư, nếu chưa được trích lập dự phòng, được ghi nhận vào chi phí trong kỳ và giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư được trích lập dựa trên việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hay giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.5. Các khoản phải thu

Phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi đã trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào sự đánh giá của Ban Tổng Giám đốc trên các khoản phải thu có dấu hiệu không có khả năng thu hồi.

Phải thu về cho vay

Các khoản phải thu về cho vay cho mục đích thu lãi tiền vay được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi, bao gồm gốc cho vay trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào sự đánh giá của Ban Tổng Giám đốc trên các khoản phải thu có dấu hiệu không có khả năng thu hồi.

4.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho, bao gồm sản phẩm dở dang, được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá vốn hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan để đưa hàng tồn kho đến vị trí và điều kiện hiện tại. Giá vốn hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Đối với các sản phẩm sản xuất, giá hàng tồn kho bao gồm một phần hợp lý định phí và biến phí trong chi phí sản xuất chung dựa trên công suất hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí sản xuất để hoàn thành sản phẩm, chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm sau khi đã lập dự phòng cho hàng hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v...) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tập đoàn áp dụng kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không thể sử dụng được nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi, lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Nguyên giá

Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình. Nguyên giá TSCĐ hình thành qua xây dựng cơ bản bao gồm cả chi phí lắp đặt, chạy thử trừ giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, với thời gian khấu hao như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50
Máy móc, thiết bị	5 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Cây lâu năm	6 – 40
Tài sản cố định khác	3 – 20

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét định kỳ để đảm bảo rằng phương pháp khấu hao và kỳ khấu hao là nhất quán với lợi ích kinh tế ước tính thu được từ tài sản cố định hữu hình.

4.8. Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Trách nhiệm đối với bên cho thuê được phản ánh trên bảng cân đối kế toán như là một nghĩa vụ cho thuê tài chính. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trong suốt thời gian thuê tài sản, trừ khi khoản tiền lãi đó đủ điều kiện ghi nhận vào tài sản, trong trường hợp này khoản lãi vay được vốn hoá theo chính sách chung của Công ty về chi phí vay.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính trên cùng nền tảng với tài sản sở hữu của Công ty, với thời gian khấu hao như sau:

	Năm
Máy móc, thiết bị	6 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6

4.9. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất có thời hạn bao gồm các chi phí phát sinh để mua quyền sử dụng đất chính thức và các chi phí san lấp mặt bằng. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất được xác định dựa trên giá trị được Nhà nước phê duyệt tại thời điểm mua. Giá trị hao mòn được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên khoảng thời gian dự tính sẽ thu được các lợi ích từ các chi phí liên quan tới quyền sử dụng đất.

Phần mềm máy tính

Giá trị của các phần mềm máy tính không phải là bộ phận đi kèm với phần cứng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 6 năm.

4.10. Thuê hoạt động

Việc thuê tài sản trong đó phần lớn tất cả các lợi ích và rủi ro của quyền sở hữu tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê được ghi nhận là khoản thuê hoạt động. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí.

4.11. Tài sản dở dang dài hạn

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là toàn bộ trị giá tài sản cố định đang mua sắm, chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí nhà cửa, máy móc và thiết bị đang trong quá trình xây dựng hoặc lắp đặt, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định dở dang hoặc đã hoàn thành chưa bàn giao hoặc chưa đưa vào sử dụng. Khấu hao không được trích trong giai đoạn này mà chỉ được trích khi việc xây dựng và lắp đặt đã hoàn thành và tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng dự định mà khi đó các chi phí liên quan mới được chuyển thành tài sản cố định hữu hình.

4.12. Chi phí trả trước

Công cụ, dụng cụ

Công cụ, dụng cụ bao gồm tài sản được Tập đoàn nắm giữ để sử dụng cho kỳ kinh doanh thông thường có nguyên giá dưới 30 triệu đồng và không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 quy định về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ, dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 1 năm đến 4 năm.

Phí tư vấn và phí luật sư

Chi phí tư vấn và phí luật sư phát sinh liên quan đến thỏa thuận vay vốn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của hợp đồng vay từ 6 năm đến 7 năm.

Chi phí tư vấn, thiết kế

Chi phí tư vấn, thiết kế logo cho Công ty và nhãn hiệu cho các sản phẩm được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Chi phí thuê đất

Chi phí thuê đất bao gồm tiền thuê trả trước và các chi phí khác phát sinh trong việc đảm bảo sử dụng đất đi thuê. Những chi phí này được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn thuê là 49 năm.

Chi phí khai hoang, đền bù đất

Chi phí khai hoang, đền bù đất phát sinh liên quan đến việc cải tạo, khai hoang vùng đất nguyên liệu tại Tri Lễ, Quế Phong, Nghệ An và các chi phí liên quan đến việc mua đất nhưng chưa đủ tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định. Các chi phí được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 48 – 49 năm.

Chi phí chuyển giao công nghệ

Chi phí chuyển giao công nghệ thể hiện khoản tư vấn chuyển giao công nghệ nhân giống chanh leo, đào tạo chuyển giao kỹ thuật phát hiện kiểm soát virus trên cây chanh leo, cung cấp cây giống bố mẹ, tư vấn thiết lập vườn ươm giống chanh leo được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 48 – 49 năm.

Chi phí tối ưu quy trình vận hành

Chi phí tư vấn tối ưu quy trình vận hành nhà máy được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Chi phí dự án vườn trồng

Chi phí dự án vườn trồng tập hợp giai đoạn nghiên cứu phát triển vườn và giống cây đu đủ, giống cây mẹ. Hiện tại vườn vẫn đang sử dụng cho mục đích làm test và nghiên cứu giống cây chiết. Dựa vào ước tính thời gian khai thác trung bình của vườn cây, dự kiến vườn giống cây đu đủ và giống cây chanh leo được khai thác và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 – 8 năm.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm tiền bảo hiểm trả trước và chi phí thuê hoạt động trả trước cho nhiều kỳ trong tương lai. Những chi phí này được phân bổ trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho hết thời gian trả trước.

4.13. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng (nếu có) của bên bị mua. Tài sản là lợi thế thương mại được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong 10 năm.

Lợi thế thương mại âm (phát sinh khi phần sở hữu của Tập đoàn trên giá trị hợp lý của tài sản thuần vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh) được ghi nhận trực tiếp như một khoản lãi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại ngày mua.

Lãi, lỗ thanh lý công ty con bao gồm cả phần xóa sổ lợi thế thương mại còn lại tại ngày bán.

4.14. Nợ phải trả và chi phí trích trước

Khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận trên cơ sở số tiền phải thanh toán trong tương lai liên quan đến các tài sản và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hay chưa nhận được hóa đơn.

4.15. Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay và nợ thuê tài chính từ các ngân hàng, tổ chức tài chính, công ty tài chính và các đối tượng khác.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay và nợ thuê tài chính tại ngày của bảng cân đối kế toán.

4.16. Chi phí lãi vay

Chi phí vay bao gồm lãi suất và các chi phí liên quan khác và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, ngoại trừ chi phí vay để mua sắm tài sản cố định trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt (kể cả khi thời gian xây dựng và lắp đặt dưới 12 tháng) thì được ghi nhận vào nguyên giá của tài sản đó.

4.17. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên

đối) do kết quả từ sự kiện đã xảy ra và gần như chắc chắn Tập đoàn sẽ phải thanh toán nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định dựa trên những ước tính đáng tin cậy của Ban Tổng Giám đốc về giá trị của nghĩa vụ nợ đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của khoản dự phòng cũng cần được xác định là giá trị hiện tại của khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ đó.

4.18. Lợi ích nhân viên

Tập đoàn tham gia quỹ phúc lợi với mức đóng góp xác định bắt buộc của Chính phủ Việt Nam theo các quy định pháp luật hiện hành về lao động, việc làm và các lĩnh vực liên quan, được quản lý bởi Bảo hiểm Xã hội Việt Nam thông qua các cơ quan Bảo hiểm Xã hội địa phương. Các khoản phúc lợi bắt buộc này bao gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp. Tại cơ quan bảo hiểm xã hội địa phương, Tập đoàn chi trả phần nghĩa vụ của mình về các khoản phúc lợi bắt buộc này và thay mặt đối tượng tham gia các khoản phúc lợi bắt buộc thanh toán phần nghĩa vụ thuộc về họ.

Đối tượng tham gia, phương thức tính toán, kê khai và chi trả các nghĩa vụ liên quan đến các khoản phúc lợi bắt buộc được thực hiện cho từng giai đoạn cụ thể căn cứ các quy định hiện hành có liên quan. Tập đoàn không có nghĩa vụ chi trả đối quỹ phúc lợi hưu trí dành cho nhân viên.

Tập đoàn không tham gia bất kỳ quỹ phúc lợi với mức phúc lợi xác định.

4.19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.

4.20. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp

Vốn cổ phần thể hiện giá trị danh nghĩa của các cổ phiếu đã phát hành.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập lũy kế của Tập đoàn tại thời điểm báo cáo.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động và đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

4.21. Cổ tức

Cổ tức của Tập đoàn được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

4.22. Doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua hoặc dịch vụ đã được thực hiện cho khách hàng và người mua chấp nhận thanh toán. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu tiền, ước tính hợp lý của giá vốn hoặc khả năng hàng hóa bị trả lại.

Thu nhập cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

Lãi tiền gửi

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở theo tỉ lệ thời gian sử dụng phương pháp lãi suất thực tế.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

4.23. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Nghĩa vụ/Tài sản về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành bao gồm các nghĩa vụ, các khoản phải thu thuế đối với cơ quan thuế liên quan đến giai đoạn báo cáo hiện tại và các giai đoạn trước mà vẫn chưa thanh toán tại ngày cuối giai đoạn báo cáo. Nghĩa vụ về thuế thu nhập hiện hành được tính trên cơ sở thuế suất và quy định về thuế áp dụng cho giai đoạn báo cáo dựa trên mức lợi nhuận chịu thuế trong năm. Toàn bộ thay đổi về nghĩa vụ hay tài sản thuế hiện tại được ghi nhận là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp nghĩa vụ thuế trên các khoản chênh lệch tạm thời. Phương pháp này so sánh giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ trên bảng cân đối kế toán với các cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản tài sản và công nợ đó. Ngoài ra, các khoản lỗ có thể mang sang năm kế tiếp cũng như các khoản thuế thu nhập phải trả khác được ghi nhận là tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Nợ thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả luôn được ghi nhận đầy đủ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có thể được sử dụng bởi lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

Tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được tính, không chiết khấu, bằng thuế suất dự kiến áp dụng cho giai đoạn ghi nhận tương ứng, với điều kiện những tài sản và nợ thuế thu nhập này được thực hiện hoặc được thực hiện chắc chắn tại ngày bằng cân đối kế toán. Hầu hết những thay đổi của tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận như một phần của chi phí thuế trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chỉ những thay đổi của tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến thay đổi giá trị những tài sản và nợ mà được tính trực tiếp vào nguồn vốn thì mới được ghi thẳng vào nguồn vốn.

4.24. Lãi/lỗ trên mỗi cổ phiếu

Lãi/lỗ cơ bản được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân phối cho các cổ đông phổ thông sau khi đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi trên số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

4.25. Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các công ty liên kết

của Tập đoàn.

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể, đối với bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng chịu một sự kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể.

4.26. Các sự kiện tiềm tàng

Các khoản nợ tiềm tàng không được ghi nhận vào báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng được công bố trừ khi không xác định được khả năng phát sinh một khoản chi dẫn đến suy giảm lợi ích kinh tế.

Tài sản tiềm tàng không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất nhưng được công bố khi nó có thể mang lại lợi ích kinh tế.

4.27. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình của Tập đoàn tại ngày khóa sổ kế toán (“các sự kiện điều chỉnh”) được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được công bố trên thuyết minh nếu trọng yếu.

4.28. Phân loại tài sản và nợ phải trả thành ngắn hạn hoặc dài hạn

Tài sản và nợ phải trả được phân loại thành ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán theo kỳ hạn còn lại của tài sản và nợ phải trả đó tại ngày của bảng cân đối kế toán, ngoại trừ cách thức phân loại đặc thù và/hoặc đã được định trước trong Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

4.29. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Chế độ Kế toán Việt Nam, được công bố ở các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty Cổ phần Nafoods Group và các công ty con

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31 tháng 12 năm 2024	31 tháng 12 năm 2023
	VND	VND
Tiền		
Tiền mặt	232.421.516	477.259.880
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	21.978.105.999	21.246.064.418
	22.210.527.515	21.723.324.298
Các khoản tương đương tiền		
Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trong 3 tháng (i)	32.154.718.263	40.711.283.204
	54.365.245.778	62.434.607.502

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn trong 3 tháng bao gồm:
- Khoản tiền gửi trị giá 17.741.336.320 VND có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Vinh với lãi suất 1,9%/năm, tự động đáo hạn 3 tháng đến khi tất toán. Khoản tiền gửi này được cầm cố cho khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Thuyết minh 24).
 - Khoản tiền gửi trị giá 4.113.381.943 VND có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Bank với lãi suất dao động trong khoảng 2,5%/năm, tự động đáo hạn 3 tháng đến khi tất toán. Khoản tiền gửi này được cầm cố cho khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Bank (Thuyết minh 24).
 - Khoản tiền gửi trị giá 400.000.000 VND có kỳ hạn 3 tháng ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với lãi suất 2,4%/năm, tự động đáo hạn đến khi tất toán.
 - Khoản tiền gửi trị giá 9.900.000.000 VND có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng Malayan Banking Berhad - CN TP. Hồ Chí Minh với lãi suất dao động trong khoảng 3%/năm, tự động đáo hạn 3 tháng đến khi tất toán. Khoản tiền gửi này được cầm cố cho khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Malayan Banking Berhad - CN TP. Hồ Chí Minh (Thuyết minh 24).

6. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31 tháng 12 năm 2024		31 tháng 12 năm 2023	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng nhưng dưới 12 tháng (i)	95.801.452.333	95.801.452.333	119.909.823.494	119.909.823.494
	95.801.452.333	95.801.452.333	119.909.823.494	119.909.823.494
Dài hạn				
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
	97.801.452.333	97.801.452.333	121.909.823.494	121.909.823.494

- (i) Khoản tiền gửi trị giá 8.113.849.841 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam với lãi suất 3,3%, tự động đáo hạn khi tất toán. Khoản tiền gửi này được cầm cố cho khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Bank (Thuyết minh 24).

Khoản tiền gửi trị giá 7.891.533.151 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Vinh với lãi suất từ 4,2% đến 4,5%/năm, tự động đáo hạn 3 tháng đến khi tất toán. Khoản tiền gửi này được cầm cố cho khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Thuyết minh 24).

Khoản tiền gửi trị giá 22.850.195.368 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank Việt Nam với lãi suất từ 2,8% đến 3,5%/năm, tự động đáo hạn khi tất toán. Khoản tiền gửi này được cầm cố cho khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank Việt Nam (Thuyết minh 24).

Công ty Cổ phần Nafoods Group và các công ty con

Khoản tiền gửi trị giá 18.835.873.973 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng Thương mại TNHH E.Sun - Chi nhánh Đồng Nai với lãi suất từ 2,5% đến 3,0%/năm, tự động đáo hạn đến khi tất toán. Khoản tiền gửi này được cầm cố cho khoản vay từ Ngân hàng Thương mại TNHH E.Sun - Chi nhánh Đồng Nai (Thuyết minh 24).

Khoản tiền gửi trị giá 21.500.000.000 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân Hàng TNHH MTV HSBC với lãi suất 1,5% , tự động gia hạn khi tất toán. Khoản tiền gửi này được cầm cố cho khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH MTV HSBC.

Khoản tiền gửi trị giá 16.610.000.000 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư Và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Sài Gòn với lãi suất từ 3% đến 3,4% , tự động gia hạn khi tất toán.

- (ii) Khoản đầu tư 200 trái phiếu mệnh giá 10.000.000 VND của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với lãi suất thả nổi, phát hành vào ngày 29 tháng 6 năm 2018 và đáo hạn vào ngày 29 tháng 6 năm 2028.

7. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2024	31 tháng 12 năm 2023
	VND	VND
Phải thu bên thứ ba		
Công ty Profi Line Plus Llc	74.682.681.060	71.339.524.551
Công ty Flagfood Ag	116.523.910.508	100.325.888.597
Công ty CP Thực phẩm Sữa TH	21.631.330.378	-
Các khách hàng khác	118.768.121.934	173.575.785.125
	331.606.043.880	345.241.198.273
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh 41)		
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Rau quả Đông Nam Việt	15.249.988	-
Công ty CP Kingfoods	2.838.549.750	2.838.549.750
Công ty CP Đầu tư LMC Holdings	289.299.038	289.299.038
	3.143.098.776	3.127.848.788
	334.749.142.656	348.369.047.061

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2024	31 tháng 12 năm 2023
	VND	VND
Trả trước cho bên thứ ba		
Công ty CP Dịch vụ Công nghệ Natech (i)	-	22.124.183.244
Công ty CP Đầu tư Long Huệ	5.679.357.247	4.503.957.247
Công ty TNHH MTV Nông sản Anh Đức	2.580.119.141	5.487.341.287
ABL SPA	2.032.066.008	2.032.066.008
Công ty CP Công nghệ & Thiết bị VPM	2.646.623.143	2.646.623.143
Các đối tượng khác	29.753.255.788	20.113.214.112
	42.691.421.327	56.907.385.041
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh 41)		
Công ty CP Kingfoods	36.843.156.635	38.883.755.670
Công ty CP Đầu tư LMC Holdings	-	657.000
	36.843.156.635	38.884.412.670
	79.534.577.962	95.791.797.711

- (i) Ưng trước cho công việc xây dựng hệ thống phần mềm công nghệ thông tin cho Công ty và các công ty thành viên theo Hợp đồng số 01/HDDV/NT-NFG. Hợp đồng này đã được thanh lý và quyết toán vào ngày 12 tháng 12 năm 2024. Do hợp đồng không được đảm bảo đúng tiến độ và hoàn thành theo đúng thời gian đã thống nhất giữa hai bên, Công ty CP Dịch vụ Công nghệ Natech sẽ hoàn lại phí triển khai đã được ứng trước. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Hợp đồng này đã thanh lý, Công ty CP Dịch vụ Công nghệ Natech đã hoàn trả 12.613.252.129 VND và số dư phải thu còn lại được kết chuyển sang Phải thu khác (Thuyết minh 10).

9. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2024	31 tháng 12 năm 2023
	VND	VND
Phải thu bên thứ ba		
Các đối tượng khác (i)	14.900.000.000	18.050.000.000
	14.900.000.000	18.050.000.000
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh 41)		
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Rau quả Đồng Nam Việt (ii)	36.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư LMC Holdings (iii)	20.722.004.902	20.938.198.683
Bà Nguyễn Thị Trang (iv)	1.481.200.000	3.676.200.000
	58.203.204.902	24.614.398.683
	73.103.204.902	42.664.398.683

- (i) Các khoản phải thu trị giá 8,9 tỷ VNĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 từ việc cho các cá nhân vay với lãi suất quy định theo hợp đồng cho vay (31 tháng 12 năm 2023: 12,05 tỷ VNĐ). Các khoản phải thu từ cho vay được đảm bảo bằng tài sản của Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Tổng Giám đốc.
- Khoản phải thu về cho vay trị giá 6.000.000.000 VNĐ từ Bà Nguyễn Thị Hiền theo Hợp đồng vay vốn số 01/2023/NFTN-NTH ngày 5 tháng 1 năm 2023 và phụ lục gia hạn số 01/2024/NFTN-NTH ngày 1 tháng 7 năm 2024, có thời hạn 12 tháng, sẽ đáo hạn vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, lãi suất 5%/năm, khoản vay được bảo lãnh bởi Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Tổng Giám đốc.
- (ii) Khoản cho vay Công ty TNHH XNK Rau quả Đồng Nam Việt theo Hợp đồng vay vốn số 01112024/NFMN-DNV ký ngày 1 tháng 11 năm 2024 với số tiền là 36 tỷ VNĐ và thời hạn vay 12 tháng với mức lãi suất áp dụng là 5,5%/năm. Khoản cho vay được đảm bảo bởi quyền sử dụng đất của Công ty TNHH XNK Đồng Nam Việt tại thửa đất số 65, tờ bản đồ số 72, xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY617361.
- (iii) Khoản phải thu từ việc cho Công ty CP Đầu tư LMC Holdings vay có lãi suất từ 7% đến 7,5% năm, được đảm bảo bởi ông Nguyễn Mạnh Hùng - Tổng Giám đốc Công ty CP Nafoods Group và có thời hạn được gia hạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến 31 tháng 12 năm 2025.
- (iv) Khoản phải thu về cho vay trị giá 1.481.200.000 VNĐ từ Bà Nguyễn Thị Trang theo Hợp đồng ngày 16 tháng 7 năm 2023, lãi suất 12%/năm. Lãi vay được tính từ ngày giải ngân và thanh toán vào kỳ trả gốc cuối cùng. Thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay được đảm bảo bởi ông Nguyễn Mạnh Hùng – Tổng Giám đốc. Theo phụ lục số 02 ngày 1 tháng 4 năm 2024, khoản vay gia hạn đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025, lãi suất 7,5%/năm.

10. Phải thu khác

	31 tháng 12 năm 2024	31 tháng 12 năm 2023
	VND	VND
Ngắn hạn		
Phải thu ngắn hạn bên thứ ba		
Phải thu từ lãi trả chậm	813.453.748	813.453.748
Phải thu lãi tiền gửi	1.660.734.720	927.353.051
Phí vận chuyển trả hộ khách hàng	7.796.641.640	-
Công ty CP Dịch vụ Công nghệ Natech (xem Thuyết minh 8)	9.510.931.115	-
Tạm ứng mua tài sản Dự án tại Bình Thuận (i)	29.636.100.000	29.636.100.000
Tạm ứng nhân viên (ii)	60.172.937.928	41.141.858.579
Tạm ứng cổ tức cho IFC (iii)	13.415.040.000	13.415.040.000
Khác	7.947.554.058	8.502.614.009
	130.953.393.209	94.436.419.387

	31 tháng 12 năm 2024	31 tháng 12 năm 2023
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn bên liên quan (Thuyết minh 41)		
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	686.852.222	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Rau quả Đồng Nam Việt	137.424.658	-
Công ty CP Đầu tư LMC Holdings (iv)	20.884.550.398	13.765.678.073
Bà Nguyễn Thị Trang	794.806.398	550.158.510
	22.503.633.676	22.263.390.641
	153.457.026.885	108.752.255.970
Dài hạn		
Hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư LMC Holdings (v)	112.853.644.337	96.753.633.000
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam (vi)	7.556.913.521	2.082.289.544
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam	595.600.533	-
Ký quỹ thuê tài chính (vii)	13.482.691.114	6.715.267.592
	134.488.849.505	105.551.190.136
	287.945.876.390	214.303.446.106

- (i) Khoản tạm ứng cho bà Đặng Thị Thắm – nhân viên Công ty, nhằm mục đích thực hiện công tác mua lại tài sản dự án tại Bình Thuận. Khoản tạm ứng được bảo lãnh bởi ông Nguyễn Mạnh Hùng – Tổng Giám đốc Công ty theo Thỏa thuận bảo lãnh số 3/2024/NFG-NMH ngày 31 tháng 12 năm 2024.
- (ii) Các khoản tạm ứng cho nhân viên phục vụ mục đích thu mua nguyên vật liệu cho Công ty. Khoản tạm ứng được bảo lãnh bởi ông Nguyễn Mạnh Hùng – Tổng Giám đốc Công ty theo Thỏa thuận bảo lãnh số 2/2024/NFG-NMH ngày 31 tháng 12 năm 2024.
- (iii) Khoản ứng trước cổ tức cho International Finance Corporation, cổ đông, số tiền là 13.415.040.000 VNĐ, theo thỏa thuận ngày 23 tháng 8 năm 2019 giữa 2 bên.
- (iv) Lãi vay phải thu từ khoản cho vay Công ty Cổ phần Đầu tư LMC và được đảm bảo bởi ông Nguyễn Mạnh Hùng - Tổng Giám đốc Công ty CP Nafoods Group.
- (v) Căn cứ Hợp đồng Hợp tác Đầu tư số 01/2020/HĐHTKD/NFG-LMC ký kết ngày 1 tháng 6 năm 2020, Công ty Cổ phần Nafoods Group (Bên A) thỏa thuận góp vốn với Công ty Cổ phần Đầu tư LMC Holdings (Bên B) để thực hiện các dự án chung. Hợp đồng có thời hạn 5 năm và đáo hạn vào ngày 1 tháng 6 năm 2025.

Theo phụ lục 04 ký ngày 5 tháng 9 năm 2022, hai bên thống nhất chuyển đổi mục đích dự án, chuyển toàn bộ nguồn vốn góp hợp tác đầu tư sang để đầu tư, triển khai, vận hành Dự án “Viện nghiên cứu và Phát triển Công nghệ sinh học – Vật liệu Nano phục vụ các ngành công nghiệp”. Dự án có tổng vốn đầu tư dự kiến là 573 tỷ VNĐ, triển khai từ năm 2022 tới năm 2029. Lợi nhuận đạt được sau hợp tác đầu tư sẽ được hai bên cùng phân chia theo tỷ lệ góp vốn thực tế. Trong trường hợp kết quả hợp tác đầu tư bị thua lỗ, bên A có quyền ưu tiên mua lại toàn bộ Dự án với tổng chi phí không nhỏ hơn giá trị mà bên B đã góp vốn hợp tác đầu tư với bên A.

Theo phụ lục 05 ký ngày 20 tháng 8 năm 2023, hai bên thống nhất bổ sung mục đích dự án từ hoạt động hợp tác kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2023. Dự án đã được Ban quản lý Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận chủ trương.

Trong năm 2024, Công ty Cổ phần Đầu tư LMC Holdings đã được Ban quản lý Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký đầu tư, ký kết hợp đồng cho thuê đất và bàn giao đất cho Dự án.

Khoản hợp tác đầu tư được đảm bảo bởi giá trị vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư LMC Holdings tại Công ty TNHH Công nghiệp Dừa Liên Vĩnh Xương.

Khoản hợp tác đầu tư được đảm bảo bởi ông Nguyễn Mạnh Hùng, Tổng Giám đốc theo Thỏa thuận bảo lãnh số 12/2024/NFG-NMH ngày 31 tháng 12 năm 2024.

- (vi) Số dư VAT đầu vào chưa có hóa đơn từ thuê tài chính của Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam.
- (vii) Các khoản ký quỹ hợp đồng cho thuê tài chính với Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam.

Công ty Cổ phần Nafoods Group và các công ty con

11. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31 tháng 12 năm 2024		31 tháng 12 năm 2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải thu quá hạn chưa thanh toán				
Công ty CP Tân Tân	4.176.437.050	(4.176.437.050)	4.176.437.050	(4.176.437.050)
Đoàn Quốc Vương	4.335.000.000	(4.335.000.000)	4.335.000.000	(4.335.000.000)
Công ty TNHH Công nghiệp Dừa Liên Vĩnh Xương	4.788.156.486	(4.788.156.486)	4.333.415.593	(4.333.415.593)
Công ty Profi Line Plus LLC	74.682.681.060	(20.876.891.926)	71.339.524.551	(20.876.891.926)
Kingfood LLC	12.659.685.561	(8.450.820.158)	12.072.600.226	(8.450.820.158)
Khác	32.752.462.998	(25.826.615.687)	66.032.429.753	(55.170.388.565)
	133.394.423.155	(68.453.921.307)	162.289.407.173	(97.342.953.292)
Các khoản phải thu về lãi trả chậm phát sinh từ các khoản nợ quá hạn				
Công ty CP Tân Tân	347.873.081	(347.873.081)	347.873.081	(347.873.081)
Công ty TNHH Màu xanh Đổi mới	400.539.000	(400.539.000)	400.539.000	(400.539.000)
Công ty CP Bánh kẹo ANCO	65.041.667	(65.041.667)	65.041.667	(65.041.667)
	813.453.748	(813.453.748)	813.453.748	(813.453.748)
	134.207.876.903	(69.267.375.055)	163.102.860.921	(98.156.407.040)

12. Hàng tồn kho

	31 tháng 12 năm 2024		31 tháng 12 năm 2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	2.955.639.046	-	2.700.000	-
Nguyên vật liệu	9.249.996.825	(79.538.960)	16.981.363.795	(188.683.818)
Công cụ, dụng cụ	17.767.059.526	(210.506.055)	16.814.459.362	(873.059.794)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.103.652.942	-	52.871.309.430	-
Thành phẩm	140.403.885.213	(1.471.824.030)	177.982.773.244	(5.149.264.333)
Hàng hóa	39.268.746.486	-	860.359.992	(66.987.840)
Hàng gửi bán	166.353.472	-	8.011.992.225	-
	212.915.333.510	(1.761.869.045)	273.524.958.048	(6.277.995.785)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, hàng tồn kho với giá trị tương ứng là 1.761.869.045 VND (31 tháng 12 năm 2023: 6.290.354.596 VND) đã được lập dự phòng toàn bộ cho hàng tồn kho giảm giá trị.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, thành phẩm, hàng hóa của Tập đoàn với tổng giá trị thuần là 148.158.179.144 VND (31 tháng 12 năm 2023: 102.558.312.023 VND) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản Tập đoàn vay ngân hàng (xem Thuyết minh số 24).

Công ty Cổ phần Nafoods Group và các công ty con

13. Chi phí trả trước

	31 tháng 12 năm 2024	31 tháng 12 năm 2023
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	1.926.783.977	1.757.299.258
Ứng trước tiền thuê đất	-	5.147.110.000
Chi phí lưu kho, thuê kho lạnh	4.120.966.549	-
Chi phí khác	2.399.414.614	6.065.304.407
	8.447.165.140	12.969.713.665
Chi phí trả trước dài hạn		
Phí tư vấn và phí luật sư	1.643.458.572	2.666.261.354
Công cụ dụng cụ xuất dùng	12.015.101.941	14.815.310.699
Chi phí khai hoang, đền bù đất	12.581.812.871	13.016.611.727
Chi phí chuyển giao công nghệ	6.808.712.979	7.429.724.913
Chi phí dự án vườn trồng	5.965.216.584	-
Chi phí tối ưu quy trình vận hành	13.689.765.034	-
Chi phí trả trước khác	12.264.871.273	8.314.463.211
	64.968.939.254	46.242.371.904
	73.416.104.394	59.212.085.569

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
1 tháng 1 năm 2024	370.308.417.867	386.583.825.947	10.329.256.534	8.884.870.416	776.106.370.764
Mua trong năm	5.848.421.451	39.167.687.518	1.580.910.370	4.052.128.777	50.649.148.116
Chuyển từ XD CB (Thuyết minh 17)	19.644.642.950	1.464.417.122	-	66.949.477	21.176.009.549
Phân loại lại	-	1.639.146.193	136.363.636	(994.855.287)	780.654.542
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	-	(172.270.371)	-	-	(172.270.371)
Thanh lý	(3.956.051.263)	(22.861.249.085)	(1.905.009.091)	-	(28.722.309.439)
31 tháng 12 năm 2024	391.845.431.005	405.821.557.324	10.141.521.449	12.009.093.383	819.817.603.161
Giá trị hao mòn lũy kế					
1 tháng 1 năm 2024	(88.895.779.668)	(154.980.988.922)	(4.730.726.048)	(2.918.900.535)	(251.526.395.173)
Khấu hao trong năm	(29.259.830.391)	(31.790.090.366)	(1.432.970.307)	(1.268.577.990)	(63.751.469.054)
Thanh lý	197.335.365	508.805.337	524.019.394	-	1.230.160.096
Phân loại lại	-	(780.654.542)	-	-	(780.654.542)
31 tháng 12 năm 2024	(117.958.274.694)	(187.042.928.493)	(5.639.676.961)	(4.187.478.525)	(314.828.358.673)
Giá trị còn lại					
1 tháng 1 năm 2024	281.412.638.199	231.602.837.025	5.598.530.486	5.965.969.881	524.579.975.591
31 tháng 12 năm 2024	273.887.156.311	218.778.628.831	4.501.844.488	7.821.614.858	504.989.244.488

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có một số tài sản với nguyên giá là 77.368.375.993 VND (31 tháng 12 năm 2023: 37.882.324.524 VND) đã hết khấu hao nhưng vẫn còn đang sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 tài sản cố định của Tập đoàn với tổng giá trị còn lại là 219.501.900.753 VND (31 tháng 12 năm 2023: 244.776.556.311 VND) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản Tập đoàn vay ngân hàng (xem Thuyết minh số 24).

Công ty Cổ phần Nafoods Group và các công ty con

15. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc, thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá			
1 tháng 1 năm 2024	49.071.748.860	294.400.000	49.366.148.860
Tăng trong năm	17.743.992.577	3.890.381.449	21.634.374.026
31 tháng 12 năm 2024	66.815.741.437	4.184.781.449	71.000.522.886
Giá trị hao mòn lũy kế			
1 tháng 1 năm 2024	(3.327.749.081)	(48.798.543)	(3.376.547.624)
Khấu hao trong năm	(6.481.589.595)	(334.739.710)	(6.816.329.305)
31 tháng 12 năm 2024	(9.809.338.676)	(383.538.253)	(10.192.876.929)
Giá trị còn lại			
1 tháng 1 năm 2024	45.743.999.779	245.601.457	45.989.601.236
31 tháng 12 năm 2024	57.006.402.761	3.801.243.196	60.807.645.957

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tài sản cố định thuê tài chính của Tập đoàn với tổng giá trị còn lại là 60.807.645.957 VNĐ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 45.989.601.236 VNĐ) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho khoản vay với Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam và Tập đoàn Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (xem Thuyết minh số 24).

16. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VNĐ	Quyền sử dụng đất VNĐ	Tài sản cố định vô hình khác VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá				
1 tháng 1 năm 2024	15.344.096.600	90.351.234.918	569.500.000	106.264.831.518
Tăng từ XDCB (Thuyết minh 17)	450.000.000	-	-	450.000.000
31 tháng 12 năm 2024	15.794.096.600	90.351.234.918	569.500.000	106.714.831.518
Giá trị hao mòn lũy kế				
1 tháng 1 năm 2024	(4.045.418.286)	(8.169.167.874)	(569.500.000)	(12.784.086.160)
Khấu hao trong năm	(2.838.782.961)	(2.050.303.732)	-	(4.889.086.693)
31 tháng 12 năm 2024	(6.884.201.247)	(10.219.471.606)	(569.500.000)	(17.673.172.853)
Giá trị còn lại				
1 tháng 1 năm 2024	11.298.678.314	82.182.067.044	-	93.480.745.358
31 tháng 12 năm 2024	8.909.895.353	80.131.763.312	-	89.041.658.665

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 tài sản cố định của Tập đoàn với tổng giá trị còn lại là 61.508.541.713 VNĐ (31 tháng 12 năm 2023: 62.927.954.009 VNĐ) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng (xem Thuyết minh số 24).

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có một số tài sản với nguyên giá là 717.797.000 VNĐ (31 tháng 12 năm 2023: 569.500.000 VNĐ) đã hết khấu hao nhưng vẫn còn đang sử dụng.

Công ty Cổ phần Nafoods Group và các công ty con

17. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31 tháng 12 năm 2024 VNĐ	31 tháng 12 năm 2023 VNĐ
1 tháng 1 năm 2024	12.378.181.181	2.954.231.368
Mua trong năm	22.863.246.372	53.686.902.279
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	(6.674.348.027)	(173.863.800)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 14)	(21.176.009.549)	(43.621.209.866)
Chuyển sang tài sản vô hình (Thuyết minh 16)	(450.000.000)	-
Giảm khác	(1.018.571.467)	(467.878.800)
31 tháng 12 năm 2024	5.922.498.510	12.378.181.181
Trong đó:		
Dự án Nhà máy Nafoods Tây Nguyên: Giai đoạn 4 (i)	3.000.224.219	9.348.772.985
Dự án khác	2.922.274.291	3.029.408.196
	5.922.498.510	12.378.181.181

(i) Dự án gồm 3 hợp phần: Nhà máy tách, phân loại, đóng gói, bảo quản hoa quả xuất khẩu; Viện nghiên cứu giống cây trồng công nghệ cao; Khu nông nghiệp công nghệ cao.

18. Lợi thế thương mại

	31 tháng 12 năm 2024 VNĐ	31 tháng 12 năm 2023 VNĐ
1 tháng 1 năm 2024	196.371.705.404	213.416.319
Lợi thế thương mại tăng trong năm	-	206.707.058.320
Phân bổ lợi thế thương mại trong năm	(20.670.705.831)	(10.548.769.235)
31 tháng 12 năm 2024	175.700.999.573	196.371.705.404
Trong đó:		
Lợi thế thương mại khi mua Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An	153.908.973.707	172.015.911.787
Lợi thế thương mại khi mua Công ty Cổ phần Nafoods Tây Bắc	21.792.025.866	24.355.793.617
	175.700.999.573	196.371.705.404

19. Phải trả người bán ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2024 VNĐ	31 tháng 12 năm 2023 VNĐ
Phải trả cho bên thứ ba		
Chi nhánh Công ty CP Quốc tế Logistic Hoàng Hà	783.347.694	6.283.347.693
Công ty Cổ phần Viet ColdChain	2.245.062.135	610.337.624
Công ty TNHH Nông sản Tuấn An	4.081.169.000	1.444.875.500
Đối tượng khác	48.729.928.920	71.592.258.551
	55.839.507.749	79.758.625.586
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh 41)		
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Rau quả Đông Nam Việt	341.169.359	-
Công ty CP Đầu tư LMC Holdings	-	216.193.781
	341.169.359	216.193.781
	56.180.677.108	79.974.819.367

Công ty Cổ phần Nafoods Group và các công ty con

20. Người mua trả tiền ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2024	31 tháng 12 năm 2023
	VND	VND
Trả trước từ bên thứ ba		
Công ty CP Thực phẩm Sữa TH	-	10.147.110.000
Dennick Fruitsource LLC	3.929.040.900	-
Khác	6.362.749.765	12.934.402.961
	10.291.790.665	23.081.512.961

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31 tháng 12 năm 2024	Phải trả	Thanh toán	Trong năm	31 tháng 12 năm 2023
	VND	VND	VND	Bù trừ	VND
Thuế giá trị gia tăng	12.045.872.994	37.940.127.755	(32.694.787.404)	-	6.800.532.643
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.415.455.502	20.419.980.007	(12.302.598.151)	(12.785.751.192)	24.083.824.838
Thuế thu nhập cá nhân	1.833.505.729	6.294.890.134	(2.960.186.626)	(2.217.217.133)	716.019.354
Các loại thuế khác	1.001.316.861	1.123.523.336	(536.761.606)	-	414.555.131
	34.296.151.086	65.778.521.232	(48.494.333.787)	(15.002.968.325)	32.014.931.966

22. Chi phí phải trả

	31 tháng 12 năm 2024	31 tháng 12 năm 2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	39.334.814.117	37.094.609.016
Trích thưởng	-	4.480.034.480
Khác	1.853.615.998	8.695.562.056
	41.188.430.115	50.270.205.552

23. Phải trả khác

	31 tháng 12 năm 2024	31 tháng 12 năm 2023
	VND	VND
Phải trả cho bên thứ ba		
Phải trả hộ cước tàu biển	9.214.639.568	-
Phải trả khác	3.184.193.729	6.655.691.484
	12.398.833.297	6.655.691.484
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh 41)		
Cổ đông khác	155.139.800	-
	155.139.800	-
	12.553.973.097	6.655.691.484

Công ty Cổ phần Nafoods Group và các công ty con

24. Vay

Vay ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2024			Trong năm	31 tháng 12 năm 2023	
	Số có khả năng				Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An (i)	-	-	271.232.246.945	474.289.112.864	203.056.865.919	203.056.865.919
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Vinh (ii)	68.919.620.305	68.919.620.305	280.250.877.554	309.677.415.465	98.346.158.216	98.346.158.216
Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam (iii)	39.204.318.368	39.204.318.368	167.858.307.968	206.595.325.702	77.941.336.102	77.941.336.102
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Nghệ An (iv)	-	-	1.836.526.881	6.210.712.181	4.374.185.300	4.374.185.300
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam- CN HCM	-	-	49.999.821.900	49.999.821.900	-	-
Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank - CN thành phố Hồ Chí Minh (v)	88.076.176.434	88.076.176.434	309.709.781.077	244.297.888.122	22.664.283.479	22.664.283.479
Ngân hàng Malayan Banking Berhad - CN TP. Hồ Chí Minh (vi)	33.217.310.292	33.217.310.292	269.945.310.292	236.728.000.000	-	-
Ngân hàng Thương mại TNHH E.Sun - Chi nhánh Đồng Nai (vii)	93.270.000.000	93.270.000.000	257.960.000.000	266.490.000.000	101.800.000.000	101.800.000.000
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH Chi nhánh TP. HCM (NTNN) (viii)	-	-	288.307.630.789	406.579.494.893	118.271.864.104	118.271.864.104
Công ty Cổ phần BICAMEX (ix)	-	-	-	3.100.657.173	3.100.657.173	3.100.657.173
Ngân hàng TMCP Đầu tư Và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Sài Gòn (x)	49.980.288.134	49.980.288.134	49.980.288.134	-	-	-
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (xi)	70.610.710.800	70.610.710.800	119.764.515.601	49.153.804.801	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương VN-CN2 TP. HCM (Vietinbank) (xii)	167.384.888.487	167.384.888.487	167.384.888.487	47.746.380.067	47.746.380.067	47.746.380.067
Vay các đối tượng khác	5.000.000	5.000.000	-	-	5.000.000	5.000.000
	610.668.312.820	610.668.312.820	2.234.230.195.628	2.300.868.613.168	677.306.730.360	677.306.730.360
Vay dài hạn đến hạn trả						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Vinh (xiii)	5.093.537.084	5.093.537.084	4.667.999.999	6.546.502.599	6.972.039.684	6.972.039.684
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An (i)	-	-	-	7.726.162.989	7.726.162.989	7.726.162.989
Finnish Fund For Industrial Cooperation Ltd (xiv)	22.714.667.973	22.714.667.973	23.544.861.236	22.536.861.178	21.706.667.915	21.706.667.915
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc Tế Việt Nam (xv)	14.920.737.926	14.920.737.926	18.360.217.977	12.877.030.357	9.437.550.306	9.437.550.306
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (xvi)	1.292.508.000	1.292.508.000	1.292.508.000	1.292.508.000	1.292.508.000	1.292.508.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (xvii)	20.626.000.000	20.626.000.000	-	1.810.000.000	22.436.000.000	22.436.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương VN-CN2 TP. HCM (Vietinbank) (xviii)	16.781.030.152	16.781.030.152	16.781.030.152	-	-	-
	81.428.481.135	81.428.481.135	64.646.617.364	52.789.065.123	69.570.928.894	69.570.928.894
	692.096.793.955	692.096.793.955	2.298.876.812.992	2.353.657.678.291	746.877.659.254	746.877.659.254

Công ty Cổ phần Nafoods Group và các công ty con

Vay dài hạn

	31 tháng 12 năm 2024		Trong năm		31 tháng 12 năm 2023	
	Số có khả năng				Số có khả năng	
	Giá trị VND	trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	trả nợ VND
Vay ngân hàng						
Finnish Fund For Industrial Cooperation Ltd (xiv)	34.070.667.348	34.070.667.348	23.951.083.431	44.147.083.184	54.266.667.101	54.266.667.101
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Vinh (xiii)	7.437.537.084	7.437.537.084	2.374.999.999	9.012.502.598	14.075.039.683	14.075.039.683
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An (i)	-	-	-	7.726.162.989	7.726.162.989	7.726.162.989
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (xvi)	2.584.984.000	2.584.984.000	-	1.292.508.000	3.877.492.000	3.877.492.000
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam (xv)	38.037.920.329	38.037.920.329	32.590.804.451	24.154.333.818	29.601.449.696	29.601.449.696
Ngân hàng TMCP Công thương VN-CN2 TP. HCM (Vietinbank) (xviii)	134.248.241.217	134.248.241.217	151.029.271.369	16.781.030.152	-	-
Ngân hàng phát triển Việt Nam (xvii)	20.626.000.000	20.626.000.000	-	1.810.000.000	22.436.000.000	22.436.000.000
	237.005.349.978	237.005.349.978	209.946.159.250	104.923.620.741	131.982.811.469	131.982.811.469
Vay dài hạn đến hạn trả						
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh (xiii)	(5.093.537.084)	(5.093.537.084)	(4.667.999.999)	(6.546.502.599)	(6.972.039.684)	(6.972.039.684)
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An (i)	-	-	-	(7.726.162.989)	(7.726.162.989)	(7.726.162.989)
Finnish Fund For Industrial Cooperation Ltd (xiv)	(22.714.667.973)	(22.714.667.973)	(23.544.861.236)	(22.536.861.178)	(21.706.667.915)	(21.706.667.915)
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam (xv)	(14.920.737.926)	(14.920.737.926)	(18.360.217.977)	(12.877.030.357)	(9.437.550.306)	(9.437.550.306)
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (xvi)	(1.292.508.000)	(1.292.508.000)	(1.292.508.000)	(1.292.508.000)	(1.292.508.000)	(1.292.508.000)
Ngân hàng phát triển Việt Nam (xvii)	(20.626.000.000)	(20.626.000.000)	-	(1.810.000.000)	(22.436.000.000)	(22.436.000.000)
Ngân hàng TMCP Công thương VN-CN2 (Vietinbank) (viii)	(16.781.030.152)	(16.781.030.152)	(16.781.030.152)	-	-	-
	(81.428.481.135)	(81.428.481.135)	(64.646.617.364)	(52.789.065.123)	(69.570.928.894)	(69.570.928.894)
	155.576.868.843	155.576.868.843	145.299.541.886	52.134.555.618	62.411.882.575	62.411.882.575

Công ty Cổ phần Nafoods Group và các công ty con

Chi tiết về thông tin của các khoản vay như sau:

Kh khoản	Đối tượng cho vay	Hợp đồng	Hạn mức	Lãi suất/năm	Mục đích vay	Kỳ hạn hoàn trả	Hình thức đảm bảo
vay							
(i)	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	54/HM24-VCB ngày 14 tháng 3 năm 2024	230 tỷ VND (9,2 triệu USD)	Lãi suất theo từng lần giải ngân	Bổ sung vốn lưu động	12 tháng	+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của Công ty CP Nafoods Miền Nam theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 005267 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 31 tháng 12 năm 2019. + Máy móc, thiết bị, xe máy chuyên dùng, xe ô tô đã qua sử dụng thuộc Quyền sở hữu của Công ty CP Nafoods Miền Nam. + Toàn bộ vốn góp của Công ty CP Nafoods Group tại Công ty CP Nafoods Miền Nam. + Hàng hóa tồn kho luân chuyển và quyền đòi nợ phát sinh từ các khoản phải thu thuộc quyền sở hữu của Công ty CP Nafoods Miền Nam. + Máy móc, thiết bị sản xuất chanh leo và máy phát điện thuộc sở hữu của Công ty CP Thực phẩm Nghệ An. + Bảo lãnh của Công ty CP Nafoods Group cho mọi nghĩa vụ nợ gốc, lãi và các chi phí khác của Công ty CP Nafoods Miền Nam với Ngân hàng. + Hàng hóa tồn kho luân chuyển và quyền đòi nợ phát sinh từ các khoản phải thu thuộc quyền sở hữu của Công ty CP Nafoods Miền Nam.
(ii)	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP Vinh	01/2024-HBCV/HMNHCT442 -NAFOODS GROUP	86 tỷ VND	Lãi suất theo từng lần giải ngân	Bổ sung vốn lưu động	5 tháng	+ Xe ô tô đã qua sử dụng, quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng thương mại và các hợp đồng liên kết có kỳ hạn tại ngân hàng thuộc quyền sở hữu của Công ty CP Nafoods Group. + Tài sản gắn liền với đất và quyền sử dụng đất, các cổ phiếu của một số thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban điều hành của Công ty CP Nafoods Group.
(iii)	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP Vinh	01/2024-HBCV/HMNHCT442 -CHANH LEO NAFOODS	15 tỷ VND	Lãi suất theo từng lần giải ngân	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp của Công ty	12 tháng	+ Quyền sở hữu và lợi ích đối với các tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với đất tại các thửa đất đứng tên Công ty CP Chanh leo Nafoods. + Hợp đồng liên kết có kỳ hạn số 442/2022/23916 ngày 27/11/2023 với giá trị 3 tỷ VND.
(iv)	Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Vinh	01/2022-HBCV/HMNHCT442 -NAFOODS Tây Bắc	10 tỷ VND	Lãi suất theo từng lần giải ngân	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Khoản vay đã được tái toán trong năm 2024.	12 tháng	Đã tái toán trong năm 2024.
(v)	Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam	HCM/2021/002 /NAFOODS/STLJFA	80 tỷ VND	Lãi suất theo từng lần giải ngân	Mua nguyên vật liệu/hàng hóa trong nước và tài trợ vốn lưu động ngắn hạn	5 tháng	Các hợp đồng liên kết có kỳ hạn tại ngân hàng và Bảo lãnh cá nhân của Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Tổng Giám đốc.
(vi)	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Nghệ An	2023/HĐHM/NAFOODS -VPBANK	200 tỷ VND	Lãi suất theo từng lần giải ngân	Bổ sung vốn lưu động	6 tháng	Tái sản thế chấp là toàn bộ hàng hóa thuộc sở hữu của bên thế chấp bao gồm các mặt hàng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, thành phẩm, hàng hóa,... phục vụ hoạt động sản xuất, chế biến và thương mại hàng thực phẩm (hoa quả, hạt). Khoản vay được bảo lãnh bởi Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Tổng Giám đốc, theo Hợp đồng bảo lãnh số 2023/HĐBL/NHMH/VPBANK-NAFOODS.

Công ty Cổ phần Nafoods Group và các công ty con

Khoản	Đối tượng cho vay	Hợp đồng	Hạn mức	Lãi suất/năm	Mục đích vay	Kỳ hạn hoàn trả	Hình thức đảm bảo
vay							
(v)	Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikombank - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	051/22/FA.01	120 tỷ VNĐ	Lãi suất theo từng lần giải ngân	Bổ sung vốn lưu động; Nhập khẩu nguyên liệu hàng hóa từ nước ngoài	5 tháng	+ Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng. + Bảo lãnh cá nhân của Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Tổng Giám đốc. + Bảo lãnh thực hiện bởi Công ty CP Nafoods Miền Nam.
(vi)	Ngân hàng Malayan Banking Berhad - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	MBB/HCMC/L.O/2023/NAFOODS/102	5.000.000 USD	Lãi suất theo từng lần giải ngân	Mua nguyên liệu hàng hóa	6 tháng	Số dư tiền gửi của Nafoods Group tại Ngân hàng được quy định tại Hợp đồng tín dụng khi có yêu cầu và Bảo lãnh cá nhân của Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Tổng Giám đốc.
(vii)	Ngân hàng Thương Mại TNHH E.Sun - Chi nhánh Đồng Nai	10000963LD001202469	5.000.000 USD	1,5% + Lãi suất VNIBOR (USD) kỳ hạn 1,3 và 8 tháng	Bổ sung vốn lưu động	8 tháng	Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và Bảo lãnh cá nhân của Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Tổng Giám đốc.
(viii)	Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	CP/HCM/015-22	5.000.000 USD	Chỉ phí vốn + 2%/năm (Chỉ phí vốn được xác định theo Hợp đồng)	Bổ sung vốn lưu động	150 ngày	+ Số dư tiền gửi của Công ty CP Nafoods Group tại ngân hàng bằng 30% dư nợ Vay luân chuyển ngắn hạn, tại mọi thời điểm, với điều kiện là điều khoản phải được hoàn thành trước mỗi lần sử dụng hạn mức Vay luân chuyển ngắn hạn. + Thẻ chấp các khoản Phải thu tương đương với số tiền bằng 5 triệu USD. + Thư bảo lãnh cá nhân do Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Tổng Giám đốc, phát hành với số tiền tương đương tổng hạn mức của các phương thức tín dụng được cấp là 8 triệu USD.
(ix)	Công ty CP BICAMEX	01/BB-LAMVIEC	9.490.041.769 VNĐ	7,5%/năm	Sử dụng làm vốn lưu động, vay trả cho bên thứ ba và các mục đích khác hợp pháp của bên vay	Bà thanh toán hết khoản vay trong năm 2024	Tín chấp
(x)	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh CN Bắc Sài Gòn	Số 01/2024/22827915HDTĐ ngày 9 tháng 9 năm 2024	50 tỷ VNĐ đối với phát hành bảo lãnh, L/C	Theo từng lần nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, L/C, thẻ tín dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	6 tháng	- Thẻ chấp quyền đòi nợ trong tương lai từ hợp đồng xuất khẩu (áp dụng tối đa không vượt quá 50% tổng dư nợ tín dụng của Công ty Cổ phần Nafoods Miền Nam đối với trường hợp đáp ứng đầy đủ quy định về tài trợ thực hiện hợp đồng xuất khẩu của Ngân hàng). - Áp dụng tỷ lệ tài sản đảm bảo tối thiểu là 30% trong trường hợp cấp tín dụng tài trợ hợp đồng xuất khẩu còn lại.
(xi)	Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	Số VNM 399874 ngày 28 tháng 8 năm 2024	120 tỷ VNĐ	Lãi suất cho vay cơ bản "BLR" VNĐ (của thời hạn được chọn trong thông báo rút vốn liên quan) cộng với lãi biên tối đa 1,5%/năm (Theo từng lần nhận nợ)	Bổ sung vốn lưu động	5 tháng	- Hợp đồng cầm cố tiền gửi trong (các) tài khoản của Công ty mở tại Ngân hàng với trị giá 25% tổng dư nợ gốc của Công ty tại mọi thời điểm và chứng nhận đăng ký giao dịch đảm bảo do cơ quan đăng ký giao dịch đảm bảo liên quan cấp. - Một Bảo lãnh Công ty theo mẫu được Ngân hàng chấp nhận với trị giá 120 tỷ VNĐ cộng với lãi kèm bản gốc/sao có chứng thực của Nghị Quyết HĐQT của bên Bảo lãnh chấp nhận các điều khoản và điều kiện bảo lãnh và ủy quyền người ký bảo lãnh. - Hợp đồng thế chấp hàng hóa trong kho của Công ty Cổ phần Nafoods Miền Nam với trị giá ít nhất 60 tỷ VNĐ. - Hợp đồng thế chấp tất cả các khoản phải thu của Công ty Cổ phần Nafoods Group với trị giá ít nhất 60 tỷ VNĐ.

Công ty Cổ phần Nafoods Group và các công ty con

Khoản	Đối tượng cho vay	Hợp đồng	Hạn mức	Lãi suất/năm	Mục đích vay	Kỳ hạn hoàn trả	Hình thức đảm bảo
vay							
(xii)	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	39/2024-HBCVHNHNHCT904 - CN 2 -NASOCO	250 tỷ VNĐ	Theo từng lần nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động	6 tháng	Nhà xưởng, máy móc thiết bị thuộc dự án Nasoco giai đoạn 1 của Công ty Cổ phần Nafoods Miền Nam.
(xiii)	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Vinh	23102020/2020/NFG-NFTN	7,5%/năm			Đảm bảo vào ngày 2 tháng 11 năm 2026	+ Các tài sản thế chấp của các bên liên quan và các quyền tài sản của Công ty Cổ phần Nafoods Tây Nguyên phát sinh từ hợp đồng mua bán, hợp đồng chuyển nhượng, khai thác các sản phẩm thu từ Dự án được xây dựng trên thửa đất số 01, + Giấy Chứng nhận quyền Sử dụng đất quyền Sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số CQ 803882 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 4/7/2019, thửa đất số 02. + Giấy Chứng nhận quyền Sử dụng đất quyền Sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số CQ 803881 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 4/7/2019, thửa đất số 03. + Giấy Chứng nhận quyền Sử dụng đất quyền Sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số CQ 803883 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 4/7/2019.
(xiii)	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh	01/2018-HBCV/DADT/NHCT442-CHANHLEO NAFOODS	16 tỷ VNĐ	Lãi suất theo từng lần giải ngân	Tài trợ các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án đầu tư xây dựng vườn ươm giống Công nghệ cao tại Huyện Quế Phong – tỉnh Nghệ An	72 tháng	Đã tất toán trong năm 2024.
(xiii)	Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh Vinh	01/2018-HBCV/DADT/NHCT442-NAF TÂY BẮC	19 tỷ VNĐ	Lãi suất theo từng lần giải ngân	Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến Chanh leo và các loại quả xuất khẩu	84 tháng	Tài sản đảm bảo là tài sản được hình thành từ nguồn vốn vay, với nguyên giá khoảng 30 tỷ VNĐ.
(xiv)	Finnish Fund For Industrial Cooperation Ltd	MUSD 5 LOAN FACILITY	5 triệu USD	6,4% + Lãi suất LIBOR cho mỗi kỳ 6 tháng	Thực hiện phương án sản xuất kinh doanh trái cây sấy	72 tháng	Số dư tài khoản ngân hàng, các khoản phải thu, máy móc thiết bị, tất cả các quyền lợi ích hoàn trả và tất cả các cổ phần được phát hành và thanh toán trước quyền sở hữu của Công ty CP Đầu tư – Phát triển Giá trị Gia tăng Nông nghiệp.
(xv)	Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	Nhiều hợp đồng	10 tỷ VNĐ	7,03% - 9,3%/năm	Bổ sung tài sản phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh	48 tháng	Tài sản cố định thuê tài chính.
(xv)	Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	Nhiều hợp đồng	11,9 tỷ VNĐ	7% - 7,03%	Bổ sung tài sản phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh	48 tháng	Tiền kỳ quỹ: 2,8 tỷ VNĐ.

Công ty Cổ phần Nafoods Group và các công ty con

Khoản Đối tượng cho vay	Hợp đồng	Hạn mức	Lãi suất/năm	Mục đích vay	Kỳ hạn hoàn trả	Hình thức đảm bảo
vay						
(xv) Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	Nhiều hợp đồng		6,73% - 8,26%/năm	Bổ sung tài sản phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh	36 - 48 tháng	Tài sản cố định thuê tài chính và khoản tiền ký quỹ 5.231.680.000 VNĐ.
(xvi) Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	01225/2022/TSC-CTTC	10%/năm cho 3 tháng đầu		Bổ sung tài sản phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh	48 tháng	Tài sản cố định thuê tài chính và khoản tiền ký quỹ 188.600.000 VNĐ.
(xvii) Ngân hàng Phát triển Việt Nam	173/2002-TDII	12,450 tỷ VNĐ	5,4%/năm	Mua sắm máy móc thiết bị	Công ty đang làm việc với Ngân hàng để tái cấu trúc khoản nợ vay.	Tài sản hình thành từ vốn vay.
	381/2002-TD2	3,150 tỷ VNĐ	5,4%/năm	Mua sắm máy móc thiết bị		Tài sản hình thành từ vốn vay.
	68/2003-TD	23,676 tỷ VNĐ	5,4%/năm	Mua sắm máy móc thiết bị		Tài sản hình thành từ vốn vay.
	137/2004-TD	39,276 tỷ VNĐ	5,4%/năm	Mua sắm máy móc thiết bị		Tài sản hình thành từ vốn vay.
	146/2004-TD	4,4 tỷ VNĐ	5,4%/năm	Mua sắm máy móc thiết bị		Tài sản hình thành từ vốn vay.
	Hợp đồng tín dụng điều chỉnh số 88/HĐ-TDII điều chỉnh hợp đồng số 137/2004-TD và số 146/2004-TD					
(xviii) Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN 2 NASOCO TP Hồ Chí Minh	39/2024-HĐCVHN/NHCT904-250 tỷ VNĐ	Theo từng lần nhận nợ		Bổ sung vốn lưu động	6 tháng	Nhà xưởng, máy móc thiết bị thuộc dự án Nasoco giai đoạn 1 của Công ty Cổ phần Nafoods Miền Nam.
(xix) Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN 2 HDVCBAT/NHCT904-TP Hồ Chí Minh NASOCO	68/2024-	150 tỷ VNĐ	Cố định 7% năm đầu tiên, các năm sau thả nổi + biến 3%	Bù đắp nguồn vốn chủ sở hữu đã tham gia thanh toán các chi phí hợp pháp, hợp lệ đầu tư Dự án Nhà máy chế biến hoa quả xuất khẩu.	96 tháng	Nhà xưởng, máy móc thiết bị thuộc dự án Nasoco giai đoạn 1 của Công ty Cổ phần Nafoods Miền Nam.

(*) Công ty thuê máy móc, thiết bị, theo các Hợp đồng thuê tài chính với Công ty TNHH Cho Thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam và Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với các khoản thanh toán như sau:

	Số cuối năm (VNĐ)			Số đầu năm (VNĐ)		
	Tổng khoản thanh toán tối thiểu	Lãi thuê	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tối thiểu	Lãi thuê	Nợ gốc
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (dưới 1 năm)	18.011.854.539	1.798.608.613	16.213.245.926	12.945.036.469	2.214.978.163	10.730.058.306
Nợ thuê tài chính dài hạn (1-5 năm)	26.174.456.572	1.764.798.169	24.409.658.403	24.717.086.479	1.968.203.089	22.748.883.390
	44.186.311.111	3.563.406.782	40.622.904.329	37.662.122.948	4.183.181.252	33.478.941.696

34

25. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
	VNĐ	VNĐ
Số dư, 1 tháng 1 năm 2024	10.402.405.880	6.468.800.888
Trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh số 26)	5.486.527.086	3.985.657.261
Sử dụng Quỹ	(6.930.348.315)	(52.052.269)
Số dư, 31 tháng 12 năm 2024	8.958.584.651	10.402.405.880

26. Nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát	Tổng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Số dư, 1 tháng 1 năm 2023	629.230.850.000	67.230.677.157	(620.000)	59.112.663.024	135.873.671.884	740.591.684	892.187.833.749
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	109.730.541.729	198.738.840	109.929.280.569
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(17.400.697.261)	-	(17.400.697.261)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.985.657.261)	-	(3.985.657.261)
Khác	-	-	-	-	7.275.928.697	(44.461.047)	7.231.467.650
Số dư, 31 tháng 12 năm 2023	629.230.850.000	67.230.677.157	(620.000)	59.112.663.024	231.493.787.788	894.869.477	987.962.227.446
Số dư, 1 tháng 1 năm 2024	629.230.850.000	67.230.677.157	(620.000)	59.112.663.024	231.493.787.788	894.869.477	987.962.227.446
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	116.182.961.939	200.579.906	116.383.541.845
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	-	-	(16.667.376.000)	-	(16.667.376.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	(5.486.527.086)	-	(5.486.527.086)
Tăng vốn góp trong năm (ii)	50.561.960.000	-	-	-	(50.561.960.000)	-	-
Giảm do mua lại (iii)	(26.750.000.000)	(46.010.000.000)	-	-	-	-	(72.760.000.000)
Sử dụng quỹ đầu tư phát triển (iv)	-	-	-	(26.894.583.487)	-	-	(26.894.583.487)
Khác	-	-	-	-	2.652.370.279	(183.351.030)	2.469.019.249
Số dư, 31 tháng 12 năm 2024	653.042.810.000	21.220.677.157	(620.000)	32.218.079.537	277.613.256.920	912.098.353	985.006.301.967

(i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024, Công ty chi trả chi phí hàng năm cho cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi số tiền 13,4 tỷ VNĐ; trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi và Ngân sách hoạt động của HĐQT lần lượt là 5% và 3% lợi nhuận kế toán sau thuế chưa phân phối lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cụ thể như sau:

	Số tiền VNĐ
Trả cổ tức cho International Finance Corporation ("IFC")	13.415.040.000
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.486.527.086
Trích ngân sách hoạt động của HĐQT	3.252.336.000
	22.153.903.086

(ii) Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 05/2024/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 6 năm 2024 và Báo cáo Kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 66 /CV-NFG ngày 25 tháng 9 năm 2024, Công ty thực hiện phát hành 5.056.196 cổ phiếu phổ thông tương đương 50.561.960.000VNĐ để chi trả trả cổ tức năm 2022.

(iii) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 06/2024/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 7 năm 2024 và Báo cáo Kết quả giao dịch mua lại cổ phiếu số 63/CV-NFG ngày 9 tháng 9 năm 2024, Công ty đã hoàn thành việc mua lại 2.675.000 cổ phiếu ưu đãi đợt 1 từ IFC với giá trị mua lại là 72.760.000.000 VNĐ.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 09/2024/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 12 năm 2024 và Thông báo mua lại cổ phiếu đợt 2 số 92/2024/CV-NFG ngày 26 tháng 12 năm 2024, Công ty thông qua việc triển khai thực hiện phương án mua lại cổ phiếu ưu đãi đợt 2 với số lượng cổ phiếu ưu đãi đăng ký mua lại (đợt 2) là 2.600.000 cổ

Công ty Cổ phần Nafoods Group và các công ty con

phiếu với giá trị mua lại dự kiến dựa trên cơ sở đàm phán tại thời điểm mua lại, sử dụng nguồn vốn từ thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023. Giao dịch này chưa hoàn thành tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024.

(iv) Theo Quyết định Hội đồng Quản trị số 03/HĐQT-NFG ngày 2 tháng 1 năm 2024, Công ty phê duyệt sử dụng Quỹ Đầu tư phát triển để phục vụ cho các hoạt động nghiên cứu, phát triển nhằm nâng cao, cải tiến chất lượng sản phẩm (Hoạt động được giao cho bộ phận R&D Tập đoàn chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng theo đúng mục đích đã được phê duyệt).

Theo các Quyết định của Tổng Giám đốc số 01/2024, QĐ-TGD ngày 2 tháng 1 năm 2024 và Quyết định số 15/2024.QĐ-TGD của Tổng Giám đốc ngày 15 tháng 8 năm 2024, Công ty đã thực hiện nghiên cứu, triển khai "Dự án nghiên cứu các biện pháp nâng cao và cải thiện chất lượng cây giống".

27. Vốn góp chủ sở hữu

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi gần đây nhất tại ngày 4 tháng 10 năm 2024, vốn điều lệ của Công ty là 653.042.810.000 VNĐ, được chia thành 65.304.281 cổ phần với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phần.

Cổ phiếu phát hành:

	31 tháng 12 năm 2024		31 tháng 12 năm 2023	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	65.304.281	653.042.810.000	62.923.085	629.230.850.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	65.304.281	653.042.810.000	62.923.085	629.230.850.000
- Cổ phiếu phổ thông	55.620.348	556.203.480.000	50.564.152	505.641.520.000
- Cổ phiếu ưu đãi	9.683.933	96.839.330.000	12.358.933	123.589.330.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	65.304.219	653.042.190.000	62.923.023	629.230.230.000
- Cổ phiếu phổ thông	55.620.286	556.202.860.000	50.564.090	505.640.900.000
- Cổ phiếu ưu đãi	9.683.933	96.839.330.000	12.358.933	123.589.330.000

Biến động của vốn cổ phần trong năm:

	Cổ phiếu phổ thông		Cổ phiếu ưu đãi		Cổ phiếu quỹ		Tổng cộng	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
1 tháng 1 năm 2023	50.564.090	505.640.900.000	12.358.933	123.589.330.000	62	620.000	62.923.085	629.230.850.000
Phát hành cổ phiếu	-	-	-	-	-	-	-	-
Mua lại cổ phiếu	-	-	-	-	-	-	-	-
31 tháng 12 năm 2023	50.564.090	505.640.900.000	12.358.933	123.589.330.000	62	620.000	62.923.085	629.230.850.000
1 tháng 1 năm 2024	50.564.090	505.640.900.000	12.358.933	123.589.330.000	62	620.000	62.923.085	629.230.850.000
Phát hành cổ phiếu	5.056.196	50.561.960.000	-	-	-	-	5.056.196	50.561.960.000
Mua lại cổ phiếu	-	-	(2.675.000)	(26.750.000.000)	-	-	(2.675.000)	(26.750.000.000)
31 tháng 12 năm 2024	55.620.286	556.202.860.000	9.683.933	96.839.330.000	62	620.000	65.304.281	653.042.810.000

Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng cho một phiếu biểu quyết tại cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức theo công bố tại từng thời điểm. Tất cả các cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Trong trường hợp các cổ phiếu được Công ty mua lại, tất cả các quyền sẽ bị tạm dừng cho đến khi chúng được phát hành lại.

Công ty Cổ phần Nafoods Group và các công ty con

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
	VND	VND
Lãi kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VNĐ)	116.383.541.845	109.929.280.569
Lãi phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu (VNĐ)	116.182.961.939	109.730.541.729
Trừ trích lập các quỹ (*)	-	(22.153.903.086)
Lãi thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VNĐ)	116.182.961.939	87.576.638.643
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu) (**)	55.620.286	55.620.286
Lãi cơ bản trên cổ phiếu phổ thông (VNĐ/Cổ phiếu)	2.089	1.732

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu phổ thông cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được tính lại sau khi đã trừ các quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi, trích ngân sách hoạt động của HĐQT và Ban kiểm soát và cổ tức ưu đãi.

(**) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm của kỳ hiện tại và kỳ so sánh đã được điều chỉnh cho việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức trong năm.

28. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm các khoản gốc ngoại tệ khác VNĐ, như sau:

	31 tháng 12 năm 2024	31 tháng 12 năm 2023
Gốc nguyên tệ		
- Đô la Mỹ ("USD")	76.864	362.170,03
- EUR	218,86	539,39
- RUB	21.579,84	8.018,73

29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng bán	1.455.882.052.641	1.753.678.612.859
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.418.923.479	875.562.505
	1.458.300.976.120	1.754.554.175.364

30. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	7.391.530.626	11.143.827.473
Giảm giá hàng bán	8.164.603.423	7.459.236.598
Hàng bán bị trả lại	5.731.305.679	2.625.265.623
	21.277.439.728	21.228.329.694

31. Giá vốn hàng bán

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	1.028.484.966.310	1.262.883.756.627
Giá vốn dịch vụ	2.952.293.610	697.694.807
	1.031.437.259.920	1.263.581.451.434

Công ty Cổ phần Nafoods Group và các công ty con

32. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.992.997.912	8.942.888.633
Lãi góp vốn vào công ty con	-	3.374.800.555
Lãi từ hợp tác đầu tư	5.650.636.141	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	19.159.819.621	22.431.448.085
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.214.846.114	-
	36.018.299.788	34.749.137.273

33. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	51.959.147.707	45.689.567.334
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	13.082.007.582	19.525.843.904
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	7.430.547.930
Chi phí tài chính khác	3.151.257.343	2.968.508.043
	68.192.412.632	75.614.467.211

34. Chi phí bán hàng

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên	13.320.368.554	14.318.146.791
Chi phí nguyên vật liệu	1.552.616.088	4.202.014.769
Chi phí khấu hao	72.261.672	91.448.034
Chi phí dịch vụ mua ngoài	97.264.509.496	104.883.359.737
Chi phí khác	10.631.546.522	11.723.353.256
	122.841.302.332	135.218.322.587

35. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	47.563.610.404	47.020.693.168
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	846.629.584	569.401.147
Chi phí khấu hao và phân bổ lợi thế thương mại	43.847.970.214	24.982.249.170
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.964.477.967	8.154.587.774
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	3.192.388.454	65.825.849.030
Chi phí khác	19.203.278.153	23.606.253.191
	121.618.354.776	170.159.033.480

Công ty Cổ phần Nafoods Group và các công ty con

36. Chi phí sản xuất và hoạt động theo yếu tố

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
	VND	VND
Chi phí nhân công	182.953.712.574	167.611.833.799
Chi phí nguyên vật liệu	625.864.177.579	1.032.050.195.991
Khấu hao và phân bổ lợi thế thương mại	95.853.530.478	61.449.504.977
Chi phí dịch vụ mua ngoài	189.239.684.763	198.736.370.890
Chi phí khác	78.896.317.900	50.900.735.741
	1.172.807.423.294	1.510.748.641.398

37. Thu nhập khác

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
	VND	VND
Thu nhập từ chuyển nhượng dự án (i)	29.802.777.475	-
Thu nhập từ xóa lãi vay phải trả	-	8.281.375.640
Thu nhập khác	4.967.870.102	15.914.684.733
	34.770.647.577	24.196.060.373

(i) Khoản thu nhập từ chuyển nhượng Dự án đầu tư "Phát triển 140 ha gấc lai đen thương phẩm" giữa Công ty CP Thực phẩm Sữa TH và Công ty Cổ phần Nafoods Group theo Hợp đồng chuyển nhượng Dự án đầu tư số 02/HĐCN NAF-FVF ngày 13 tháng 3 năm 2019 với giá trị chuyển nhượng là 29,8 tỷ VNĐ. Công ty đã điều chỉnh Giấy chứng nhận Đăng ký Đầu tư và thực hiện bàn giao tài sản cho Công ty CP Thực phẩm Sữa TH vào ngày 27 tháng 6 năm 2024.

38. Chi phí khác

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
	VND	VND
Chi phí chuyển nhượng dự án TH (Thuyết minh 37)	13.098.610.000	-
Chi phí khác	10.553.181.782	15.304.110.098
	23.651.791.782	15.304.110.098

39. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế TNDN sửa đổi số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") chung là 20% áp dụng kể từ năm 2016. Công ty CP Nafoods Group và các công ty con là Công ty TNHH MTV Quốc tế Nafoods, Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển giá trị gia tăng Nông nghiệp có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN theo thuế suất phổ thông.

Công ty Cổ phần Chanh leo Nafoods, công ty con, có thu nhập phát sinh từ hoạt động sản xuất giống cây trồng chanh leo tại địa bàn huyện Quế Phong tỉnh Nghệ An thuộc trường hợp miễn thuế TNDN theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư 96/2015/TT-TC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài Chính.

Công ty Cổ phần Nafoods Miền Nam, công ty con, có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 10% trên thu nhập chịu thuế trong suốt thời gian hoạt động.

Công ty Cổ phần Nafoods Tây Bắc, công ty con, được miễn thuế TNDN đối với hoạt động chế biến, bảo quản nông sản.

Công ty Cổ phần Nafoods Group và các công ty con

Công ty Cổ phần Nafoods Tây Nguyên, công ty con, Công ty được hưởng thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động theo hướng dẫn về ưu đãi thuế TNDN đối với hoạt động xây dựng nhà máy tách, phân loại, đóng gói, bảo quản hoa quả xuất khẩu, chế biến nông sản.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An, công ty con, Công ty được hưởng thuế suất 15% trong suốt thời gian hoạt động theo hướng dẫn về ưu đãi thuế TNDN đối với hoạt động chế biến nông sản của Nghị định số 12/2015/NĐ-CP.

Bảng đối chiếu giữa lãi kế toán và lãi tính thuế như sau:

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	140.071.362.315	132.393.658.506
Điều chỉnh		
Chi phí lãi vay không được trừ	296.315.860	-
Chi phí không được trừ	7.512.533.290	20.031.812.915
phí lãi vay được trừ chuyển từ các năm trước sang năm sau	(1.600.554.346)	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện từ tiền và các khoản phải thu	(361.010.923)	1.031.555.336
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của năm trước đã thực hiện trong năm nay	1.445.538.207	(3.762.677.241)
Lợi nhuận được chia từ các công ty con đã nộp thuế TNDN	(89.595.073.012)	(74.746.740.804)
Cộng lại lãi/(lỗ) từ các giao dịch nội bộ đã bị loại trừ khi hợp nhất	95.082.009.078	80.186.830.369
Thu nhập chịu thuế	152.851.120.469	155.134.439.081
Trong đó		
Thu nhập chịu thuế của Công mẹ với thuế suất 20%	17.351.582.249	31.564.326.316
Thu nhập chịu thuế của các Công ty con với thuế suất 10%	68.387.904.762	64.622.301.812
Thu nhập chịu thuế của các Công ty con với thuế suất 20%	71.424.161.771	60.868.006.288
Lỗ thuế của các Công ty con	(4.312.528.313)	(1.920.195.335)
Chi phí thuế TNDN của Công ty mẹ với thuế suất 20%	3.470.316.450	6.312.865.263
Chi phí thuế TNDN của các Công ty con với thuế suất 10%	6.838.790.476	6.462.230.181
Chi phí thuế TNDN của các Công ty con với thuế suất 20%	10.098.068.960	12.173.601.258
Điều chỉnh TNDN năm trước	-	9.590.176
Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.407.175.886	24.958.286.878

Việc xác định thu nhập chịu thuế, lỗ tính thuế và tính thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ và các công ty con có thể thay đổi tùy thuộc vào kết quả của việc kiểm tra và phê duyệt bởi các cơ quan thuế địa phương.

40. Thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải trả và khi thuế TNDN hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế và cùng một đơn vị chịu thuế. Chi tiết tài sản và nợ phải trả thuế thu nhập hoãn lại chủ yếu, được bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế, và biến động được trình bày như sau:

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả kinh doanh	
	31 tháng 12 năm 2024	31 tháng 12 năm 2023	2024	2023
	VND	VND	VND	VND
Nợ phải trả thuế thu nhập hoãn lại				
Chênh lệch tạm thời do đánh giá lại giá trị hợp lý và khấu hao của tài sản công ty mua vốn góp	21.362.048.743	24.275.868.775	(2.910.906.148)	(1.510.840.434)
Chênh lệch tạm thời do trích lập dự phòng ở Công ty con	10.253.197.790	4.082.769.366	6.170.428.424	(803.721.682)
Chênh lệch tạm thời liên quan đến lợi nhuận chưa thực hiện của các giao dịch nội bộ	-	(21.122.308)	21.122.308	(179.346.825)
	31.615.246.533	28.337.515.833		
Thu nhập/(chi phí) thuế hoãn lại ghi nhận trong			3.280.644.584	(2.493.908.941)
Báo cáo kết quả kinh doanh				

Công ty Cổ phần Nafoods Group và các công ty con

41. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan của Tập đoàn trong niên độ như sau:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty
1	Công ty CP Kingfoods	Bên liên quan của thành viên HĐQT
2	Công ty CP Đầu tư LMC Holdings	Bên liên quan của thành viên HĐQT
3	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Rau Quả Đồng Nam Việt	Công ty liên kết
4	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Tổng Giám đốc
5	Bà Diễm Thị Lan Phương	Chủ tịch HĐQT
6	Ông Johan Nyvene	Thành viên HĐQT
7	Ông Phạm Duy Thái	Cựu thành viên HĐQT
8	Ông Nguyễn Phi Bằng	Thành viên HĐQT
9	Ông Hồ Hải Quân	Thành viên HĐQT/Giám đốc nhân sự
10	Ông Hồ Thị Loan	Giám đốc kinh doanh Công nghiệp
11	Bà Nguyễn Thị Hồng Phương	Giám đốc Kế hoạch và Cung ứng
12	Ông Ngô Sỹ Mạnh	Quyền Giám đốc sản xuất và Công nghệ
13	Bà Nguyễn Thị Trang	Kế toán trưởng
14	Bà Đặng Thị Thắm	Thư ký công ty

Trong năm, Tập đoàn đã thực hiện các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Các bên có liên quan	Quan hệ	Bản chất giao dịch	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
			VND	VND
Công ty CP Kingfoods	Bên liên quan của thành viên HĐQT	Mua nguyên vật liệu	5.940.000.000	20.501.059.474
		Doanh thu bán hàng hóa	-	14.088.860.000
		Mua tài sản	-	4.140.077.102
Công ty CP Đầu tư LMC Holdings	Bên liên quan của thành viên HĐQT	Mua nguyên vật liệu	-	2.943.000
		Doanh thu bán hàng hóa	40.416.250.000	-
		Lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh	5.650.636.141	-
		Trả nợ vay	216.193.781	-
		Lãi phải thu	1.467.579.184	1.244.553.327
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Rau Quả Đồng Nam Việt	Công ty liên kết	Cho vay	36.000.000.000	-
		Doanh thu bán hàng	13.863.625	-
		Lãi cho vay	137.424.658	-
		Mua nguyên hàng hóa	62.949.512.500	-
		Mua nguyên vật liệu	27.554.202	-
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Tổng Giám đốc	Chia cổ tức	77.569.900	-
		Hoàn ứng	314.297.180	-
Bà Nguyễn Thị Trang	Kế toán trưởng	Lãi cho vay	244.647.888	220.572.000
		Hoàn trả tiền cho vay	2.195.000.000	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn có các số dư với các bên liên quan đã được trình bày ở các Thuyết minh số 7, 8, 9, 10, 19, 23.

42. Báo cáo bộ phận

42.1 Theo lĩnh vực kinh doanh

Hiện tại, hoạt động chính của Tập đoàn chủ yếu là kinh doanh thương mại, do đó không có báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh được trình bày.

Công ty Cổ phần Nafoods Group và các công ty con

42.2 Theo lĩnh vực địa lý
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Miền Nam	Miền Bắc, Miền Trung	Xuất khẩu	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	44.868.118.823	130.648.027.529	1.261.507.390.240	1.437.023.536.392
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	42.217.868.488	105.844.883.824	883.374.507.608	1.031.437.259.920
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.650.250.135	24.803.143.705	378.132.882.632	405.586.276.472

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Miền Nam	Miền Bắc, Miền Trung	Xuất khẩu	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	39.621.940.747	131.249.612.302	1.562.454.292.621	1.733.325.845.670
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	31.435.754.231	75.743.153.905	1.156.402.543.298	1.263.581.451.434
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.186.186.516	55.506.458.397	406.051.749.323	469.744.394.236

43. Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Tên	Chức vụ	Thù lao của HĐQT	Tổng thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	Tổng cộng
		VND	VND	VND
Nguyễn Mạnh Hùng	Tổng Giám đốc	1.200.000.000	1.448.610.000	2.648.610.000
Điền Thị Lan Phương	Chủ tịch HĐQT	1.200.000.000	-	1.200.000.000
Johan Nyvene	Thành viên HĐQT	480.000.000	-	480.000.000
Hồ Hải Quân	Thành viên HĐQT	45.000.000	-	45.000.000
Nguyễn Phi Bằng	Thành viên HĐQT	65.000.000	-	65.000.000
Đặng Thị Thắm	Thư ký HĐQT	60.000.000	-	60.000.000
		3.050.000.000	1.448.610.000	4.498.610.000

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Tên	Chức vụ	Thù lao của HĐQT	Tổng thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	Tổng cộng
		VND	VND	VND
Nguyễn Mạnh Hùng	Tổng Giám đốc	1.200.000.000	1.451.645.000	2.651.645.000
Điền Thị Lan Phương	Chủ tịch HĐQT	1.200.000.000	-	1.200.000.000
Johan Nyvene	Thành viên HĐQT	480.000.000	-	480.000.000
Nguyễn Tiến Chinh	Thành viên HĐQT	80.000.000	-	80.000.000
Johan De Geer	Thành viên HĐQT	50.000.000	-	50.000.000
Phạm Duy Thái	Thành viên HĐQT	100.000.000	-	100.000.000
Đặng Thị Thắm	Thư ký HĐQT	60.000.000	-	60.000.000
		3.170.000.000	1.451.645.000	4.621.645.000

Công ty Cổ phần Nafoods Group và các công ty con

44. Thuyết minh về các giao dịch không bằng tiền bổ sung cho báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Trong năm, có những giao dịch không bằng tiền chủ yếu như sau:

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định chưa thanh toán	1.748.904.877	11.564.590.464
Bù trừ các khoản thuế phải trả với phần thuế GTGT được hoàn lại	8.307.776.672	-
Bù trừ khoản tạm ứng mua cổ phần tại Công ty CP Nafood Tây Bắc và Công ty CP Thực phẩm Nghệ An	-	254.778.800.000

45. Cam kết

Các khoản thanh toán theo các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31 tháng 12 năm 2024	31 tháng 12 năm 2023
	VND	VND
Trong vòng một (1) năm	1.207.959.052	2.483.347.467
Trong vòng hai (2) đến năm (5) năm	2.479.302.332	4.505.467.576
Từ năm (5) năm trở lên	7.879.727.102	8.301.173.960
	11.566.988.486	15.289.989.003

46. Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại được lập tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Các số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được mang sang từ báo cáo tài chính hợp nhất được lập tại ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã kiểm toán.

47. Sự kiện sau ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày báo cáo có ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tập đoàn được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 hoặc kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

48. Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất

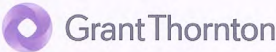
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt để phát hành.

Nghệ An, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Mạnh Hùng
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Trang
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Mỹ Linh
Người lập



grantthornton.com.vn

© 2025 Grant Thornton (Vietnam) Limited. All rights reserved.
*Grant Thornton refers to the brand under which the Grant Thornton member firms provide assurance, tax and advisory services to their clients and/or refers to one or more member firms, as the context requires.
Grant Thornton Vietnam is a member firm of Grant Thornton International Ltd (GTIL). GTIL and the member firms are not a worldwide partnership. GTIL and each member firm is a separate legal entity. Services are delivered by the member firms. GTIL does not provide services to clients.
GTIL and its member firms are not agents of, and do not obligate, one another and are not liable for one another's acts or omissions.